

THÔNG TIN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội Khoa học Lịch sử Hội An
Chi hội Văn nghệ Dân gian Quảng Nam

Chỉ đạo nội dung

Phạm Phú Ngọc

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm biên soạn

Quảng Văn Quý

*Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Ban Biên soạn

Quảng Văn Quý

Tổng Quốc Hưng

Nguyễn Chí Trung

Trần Văn An

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Nguyễn Văn Thịnh

Thiết kế bìa

Trần Quang Ngọc

Tập 01 (57) - 2022

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Chi bộ Hà Mùi - Bí danh đầu tiên của Chi bộ Hội An - Lê Năng Đông & Nguyễn Thị Thủy 2
- Tiến về phố Hội giữa mùa xuân lịch sử - Phùng Tấn Vinh 5
- Hội An - Thanh Hóa nghĩa nặng tình sâu - ThS. Quảng Văn Quý 9
- Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu với Hội An - CN. Trần Văn An 17
- Những nghiên cứu về thời kỳ Tây Sơn ở Hội An, Quảng Nam - ThS. Phạm Phước Tịnh 21
- Một số thông tin về phường Xuân Mỹ trước năm 1945 - CN. Trương Hoàng Vinh 29
- Về truyền thống khoa bảng, quan lộ của tộc Nguyễn Văn ấp Trà Quế, làng Thanh Hà - CN. Võ Hồng Việt 35
- Hiệu sách ở Hội An thời vang bóng - CN. Khiếu Thị Hoài 41
- Hình tượng hổ trên di tích tín ngưỡng ở Hội An - KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc 45
- Diễn tích, diễn cổ trong một số hoành phi, câu đối tại các di tích ở Hội An - CN. Lê Thị Lưu 53
- Sự hình thành và phát triển làng rau Trà Quế - CN. Lê Thị Ngọc Hương 58
- Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Hội An - CN. Nguyễn Văn Thịnh 63
- Lễ tế xuân cầu an tại xóm Thanh Chiếm, phường Thanh Hà - CN. Trần Phương 69
- Truyền thống sử dụng thùng chai ở Hội An - ThS. Thái Thị Liễu Chi 76

✿ Thông tin tư liệu

- Thông tin về việc khai thác tuyến đường xe điện từ Đà Nẵng đi Hội An - Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản 80

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

CHI BỘ HÀ MÙI BÍ DANH ĐẦU TIÊN CỦA CHI BỘ HỘI AN

Lê Năng Đông
Nguyễn Thị Thủy

Ngày 28/3/1930, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam được thành lập tại địa điểm Cây Thông Một (*nay là khối Hòa Thanh, phường Tân An, thành phố Hội An*). Sau khi thành lập, Tỉnh ủy Quảng Nam đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức huấn luyện và vận động quần chúng tham gia các phong trào đấu tranh để lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào Đảng, xây dựng, củng cố các tổ chức của Đảng. Đây là điều kiện góp phần để Chi bộ Đảng của Hội An sớm được thành lập.

Sau khi tiếp thu Đường Cách mạng, ở Quảng Nam - Đà Nẵng các chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (*Hội VNCMTN*) lần lượt ra đời. Tháng 9/1927, chi bộ Hội VNCMTN ở Đà Nẵng được thành lập do Đỗ Quang làm Bí thư. Cũng thời gian này, ở Đà Nẵng còn có một tổ Hội VNCMTN phát triển trong số cốt cán của Hội ái hữu lái xe miền Trung. Tại Hội An, tháng 10/1927, Chi bộ Hội VNCMTN ở Hội An được thành lập, do đồng chí Phan Thêm (*Cao Hồng Lãnh*) làm Bí thư.

Sau khi thành lập, Chi bộ Hội VNCMTN Hội An đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhiều thanh niên ở Hội An hiểu, biết về tôn chỉ, mục đích của

Hội. Từ đó, Hội đã thu hút nhiều thanh niên tham gia. Chi bộ sinh hoạt đều đặn, mỗi tháng họp hai kỳ, một kỳ thảo luận về công tác, một kỳ báo cáo nghiên cứu các tài liệu như: Điều lệ thanh niên, Cách mạng tháng Mười Nga, đấu tranh giai cấp, Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường Cách mệnh rồi những vấn đề thời sự xảy ra trong nước và trên thế giới. Nhờ các tài liệu cách mạng đó, trình độ hiểu biết của hội viên ngày càng được nâng cao. Để mở rộng quan hệ với quần chúng và đẩy nhanh phong trào cách mạng đi lên, Chi bộ đã chú ý đẩy mạnh phong trào thanh niên bằng việc thành lập đội bóng đá lấy tên là “*Ô rô*” thu hút nhiều thanh niên, học sinh, công nhân và những người lao động thủ công tham gia. Qua hoạt động, đội bóng “*Ô rô*” đã gây được phong trào sôi nổi, rộng rãi ở nội thành và các xã lân cận. Cùng với đó, chi hội cũng thành lập một gánh hát cải lương mang tên “*Ô rô*”, gồm một số thanh niên, học sinh tiên bộ, tự sáng tác những vở cải lương, hát tuồng nhằm tuyên truyền tinh thần yêu nước. Tiền thu được trong các đêm biểu diễn được dùng chi tiêu cho đội bóng và làm quỹ từ thiện. Chi bộ cũng đã có kế hoạch phát triển tài chính, tạo điều kiện cho các hội viên hoạt động có hiệu quả như tổ chức hiệu sách Vạn Sanh, chủ yếu bán sách vở và đồ dùng học sinh để gây quỹ cho chi bộ và đó còn là nơi in ấn tài liệu, truyền đơn.

Những hoạt động của Chi bộ Hội VNCMTN Hội An đã gây ảnh hưởng tốt, thu hút nhiều thanh niên tham gia hoạt động như Trần Cẩn, Trần Thị Dư, Huỳnh Lắm, Hà Mùi, Nguyễn Vỹ, Nguyễn Thái,... đến đầu năm 1928 có thêm đồng chí Phan Văn, hội viên Hội VNCMTN ở Đà Nẵng chuyển về tham gia sinh hoạt. Đầu năm 1929, đồng chí Phan Thêm được Kỳ bộ Hội VNCMTN Trung Kỳ cử đi dự khóa học chính trị do Tổng bộ tổ chức tại Quảng Châu (*Trung Quốc*), đồng chí Trần Văn Tăng được cử làm Bí thư Chi hội. Địa bàn hoạt động không chỉ bó hẹp ở Hội An mà còn vươn tới các phủ Duy Xuyên, Điện Bàn.

Ngày 03/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, không lâu sau, ngày 28/3/1930, tại địa điểm Cây Thông Một, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam chính thức ra đời. Sau khi ra đời, cơ quan Tỉnh ủy đứng chân tại Hội An, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức huấn luyện và vận động quần chúng tham gia các phong trào đấu tranh để lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào Đảng, xây dựng, củng cố các tổ chức của Đảng.

Để đẩy mạnh phát triển phong trào cách mạng, Tỉnh ủy mở các lớp huấn luyện ngắn ngày cho quần chúng cảm tình Đảng vào ban đêm tại các địa điểm như bãi cát Xóm Mới hay Trường Lệ. Mỗi lớp có từ 5-7 người, các đồng chí Tỉnh ủy viên là những người trực tiếp giảng dạy. Nội dung học tập gồm có: Lịch sử loài người, chủ nghĩa cộng sản, công tác Đảng...



Di tích Cây Thông Một, nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam -
Ảnh: Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản

Sau lớp học đầu tiên, một số đồng chí đã được kết nạp vào Đảng.

Trên cơ sở đó, tháng 4/1930, Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Hội An, gồm 04 đồng chí: Hà Mùi, Nguyễn Vỹ, Huỳnh Lắm và Trần Thị Dư, do đồng chí Hà Mùi làm Bí thư (*bí danh Chi bộ Hà Mùi*). Chi bộ Hội An được thành lập có ý nghĩa hết sức quan trọng, đánh dấu bước tiến mới trong phong trào cách mạng của nhân dân Hội An theo con đường cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Như vậy, so với các địa phương khác trong tỉnh, Hội An là nơi có Chi bộ Đảng ra đời sớm nhất.

Sau khi thành lập, Chi bộ được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ tìm một nơi bí mật để Tỉnh ủy làm nơi liên lạc, nơi ở cho cán bộ và in các tài liệu, truyền đơn. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Chi bộ đã tìm và mua ngôi nhà tranh của gia đình ông Nguyễn Gừng - tại xóm Da, ấp Xuân Lâm, Cẩm Phô. Đồng chí Trần Thị Dư được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ liên lạc với phân xứ ủy Trung kỳ ở Đà Nẵng để nhận các mẫu in và phân phát tài liệu,

truyền đơn cho các đầu mối cơ sở Đảng ở các phủ, huyện trong tỉnh. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo Chi bộ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, thành lập các tổ chức quần chúng của Đảng. Đến giữa năm 1930, ở Hội An đã hình thành các tổ chức: công hội đỏ, phụ nữ giải phóng, cứu tế đỏ... Tổng số quần chúng trong tổ chức có khoảng 40 người. Đặc biệt, Chi bộ Hội An có chủ trương tập võ cho các đồng chí đảng viên và quần chúng có cảm tình với Đảng tại bãi cát Trường Lệ để chuẩn bị đối phó với địch trong các cuộc mitting, biểu tình tổ chức theo chủ trương của Tỉnh ủy.

Những ngày đầu thành lập, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo phát triển phong trào cách mạng tỉnh nhà. Ngày 01/5/1930, theo kế hoạch của Tỉnh ủy Quảng Nam, Chi bộ Hội An đã tổ chức treo cờ Đảng và rải truyền đơn khắp các ngã đường. Việc rải truyền đơn nhân ngày 01/5 đã gây tiếng vang lớn, uy tín của Đảng được lan truyền trong quần chúng. Thực dân Pháp ở Hội An hết sức hoang mang, lo sợ; trong khi đó quần chúng bàn tán nhau về tài “*xuất quỷ nhập thần của cộng sản*”. Tháng 8/1930 để chia lửa với nhân dân Nghệ - Tĩnh, Tỉnh ủy Quảng Nam chủ trương tổ chức một cuộc diễn thuyết công khai tại ngã ba nhà thờ Tin lành (Hội An), nhưng không thực hiện được. Tỉnh ủy lại quyết định tổ chức một cuộc diễn thuyết tại một địa điểm gần chùa Quảng Triệu (Hội An), nơi gần phố xá, gần bên sông, dễ tập hợp quần chúng. Chi bộ Hội An có trách nhiệm bố trí bảo vệ an ninh trật tự trong cuộc mitting và bảo đảm an toàn cho diễn giả. Đồng chí Trần Kim Bảng được chọn làm diễn giả và phân công 40 đảng viên và quần chúng bảo vệ cuộc diễn thuyết. Đúng 12 giờ trưa ngày 04/8/1930, giữa lúc bọn cảnh sát đối

phiên gác, đồng chí Trần Kim Bảng giả trang như một nông dân tiến đến mục tiêu, nhảy lên một chiếc ghế đá đặt tại đó tay phát cờ, miệng thối còi hô hào quần chúng tham dự buổi diễn thuyết. Do chuẩn bị trước, quần chúng kéo đến rất đông. Đồng chí Trần Kim Bảng đồng đặc kêu gọi mọi người đứng lên làm cách mạng đánh đổ thực dân, phong kiến và ủng hộ cao trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Cuộc mitting diễn thuyết ở chùa Quảng Triệu đã gây một tiếng vang lớn. Tin cộng sản hô hào đánh Tây, đánh đổ bọn phong kiến Nam triều lan truyền rất nhanh chóng. Bọn cảnh sát, cảnh binh của địch ráo riết lục soát khắp nơi vẫn không tìm ra manh mối. Tỉnh ủy Quảng Nam đã thông báo tin này ra khắp toàn tỉnh để động viên tinh thần quần chúng dũng cảm đứng lên đấu tranh với kẻ thù. Giữa tháng 10/1930, cơ quan Tỉnh ủy và Chi bộ Hội An tập trung in tài liệu, truyền đơn và đặt kế hoạch chuẩn bị sôi nổi để kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga.

Cuối tháng 10/1930, địch phát hiện ra cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam, chúng cho lính bao vây cơ quan Tỉnh ủy ở xóm Da, các đồng chí trong Tỉnh ủy và Chi bộ Hội An đều bị bắt, phong trào cách mạng trong toàn tỉnh bị tổn thất nặng nề.

Tuy số lượng đảng viên ít, lại hoạt động ngay tại trung tâm đầu não của địch, song Chi bộ Hội An đã góp phần bảo vệ Cơ quan Tỉnh ủy đứng chân lãnh đạo phong trào cách mạng ở Hội An và trong toàn tỉnh. Mặc dù thực dân Pháp và tay sai liên tiếp khủng bố, hầu hết cán bộ, đảng viên của chi bộ bị bắt, giam cầm, nhưng những “*hạt giống đỏ*” mà Chi bộ Hội An đã gieo mầm trong các tổ chức quần chúng vẫn tiếp tục đâm chồi, nảy lộc trên quê hương Hội An giàu truyền thống yêu nước và cách mạng ♦

TIẾN VỀ PHỐ HỘI GIỮA MÙA XUÂN LỊCH SỬ

Phùng Tấn Vinh

Bị thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam, Mỹ điên cuồng leo thang đánh phá miền Bắc bằng cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn với trận B.52 trong 12 ngày đêm (18 - 29/12/1972), quân, dân miền Bắc đã đập tan, đánh thắng một bộ phận quan trọng trong chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc miền Bắc - hậu phương lớn của cả nước. Từ những thắng lợi về quân sự, chính trị đã tạo điều kiện cho ta giành thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Ngày 27/01/1973, “*Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*” (*Hiệp định Paris*) đã được ký kết. Thế nhưng nhân dân ta chưa có một ngày được hưởng hòa bình, tự do, Mỹ - Ngụy vi phạm trắng trợn Hiệp định, ở miền Nam súng vẫn nổ, máu vẫn chảy và cuộc chiến tranh vẫn còn tiếp diễn.

Trên chiến trường Hội An, địch huy động một lực lượng quân sự lớn, tập trung tối đa vũ khí mở các cuộc hành quân vây ráp, tràn ngập lãnh thổ, lấn chiếm các vùng giải phóng của ta ở Cẩm An, Cẩm Hà, Cẩm Kim, Cẩm Thanh. Mặt khác, chúng tăng cường đánh phá phong trào cách mạng và cơ sở quần chúng bằng nhiều thủ đoạn hết sức thâm độc, tàn bạo. Âm mưu của chúng là hòng kiểm soát được nhiều dân, chiếm được nhiều đất, xóa thế xen kẽ “*da báo*” và

những vùng căn cứ lõm của ta để làm chủ chiến trường.

Trong những ngày ác liệt này, quân và dân Hội An đã nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường. Bộ đội, du kích ngày đêm vui mình trong cát bỏng ở An Bàng, Tân Thành; ngâm mình trong bùn dưới rừng dừa nước Cẩm Thanh để kiên trì bám đánh địch, bẻ gãy hàng loạt đợt tiến công của chúng để giữ vững trận địa. Nhưng tình hình ngày càng trở nên phức tạp, cuối tháng 5/1974 địch tăng thêm viện binh mở đợt tấn công quy mô lớn hơn. Trong khi điều kiện chiến trường bị cô lập, những yêu cầu cấp bách về quân số, vũ khí, lương thực, thực phẩm không có nguồn tiếp tế bổ sung; sức của, sức người dần dần vơi cạn. Do đó để bảo tồn lực lượng, tháng 6/1974 quân ta chủ động rút khỏi chiến trường. Thị ủy quyết định bố trí cán bộ và du kích các xã trở về địa phương bám trụ tiếp tục xây dựng thực lực cách mạng. Lực lượng vũ trang và những bộ phận tiên tiêu lấy vùng Xuyên Thái, Xuyên Tân (*Duy Xuyên*) và Thượng Phước (*Cẩm Kim*) làm địa bàn đứng chân và xây dựng bàn đạp để chuyển thế phong trào cách mạng. Lực lượng hợp pháp đẩy mạnh hoạt động trong vùng địch, xây dựng các đường dây liên lạc đảm bảo sự chỉ đạo thông suốt, kịp thời của Thị ủy. Lực lượng hậu cần tiếp tục

xây dựng ở vùng núi Xuyên Trà (*Duy Xuyên*), Sơn Phúc, Sơn Khánh (*Quế Sơn*) phục vụ chiến trường.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân, dân Hội An bước vào giai đoạn cực kỳ khó khăn, phức tạp và đứng trước những thử thách mới. Nhưng Đảng bộ Thị xã đã nắm vững đường lối cách mạng của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng nên đã tiến hành nhiều biện pháp linh hoạt để không ngừng phát triển thực lực cách mạng về mọi mặt ở vùng căn cứ và vùng địch kiểm soát. Năm 1974, Thị ủy ta đã xây dựng được 14 chi bộ hợp pháp với 76 đảng viên hoạt động trong lòng địch. Các đoàn thể quần chúng như thanh niên, phụ nữ, nông hội, lão thành, thiếu nhi, công đoàn ở vùng địch được củng cố, phát triển. Cơ sở cách mạng trong khuông hội, chủng hội Phật giáo, hội đồng cứu đói, đội ngũ trí thức, thương phế binh, kể cả trong hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền đều có cơ sở cách mạng được móc nối và hoạt động hiệu quả.

Cuối năm 1974, cách mạng nước ta có những bước phát triển thuận lợi. Ở miền Nam quân và dân ta đã thực hiện chiến lược phản công và tổng tấn công đánh bại cơ bản kế hoạch “*bình định*” của địch, buộc chúng phải quay về cố giữ những đô thị và một số vùng chiến lược. Trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình cách mạng miền Nam, từ ngày 30/9 đến ngày 8/10 năm 1974, Bộ Chính trị tổ chức Hội nghị quyết định phương án giải phóng miền Nam. Theo phương án đó, Hội nghị nhất trí phương án giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và

1976, đồng thời phê chuẩn kế hoạch tác chiến năm 1975 của Bộ Tổng tham mưu, đôn đốc các chiến trường, các lực lượng khẩn trương chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Hội nghị nhận định, sau Hiệp định Paris “*sự suy yếu của địch là toàn diện*”; về phía ta “*sau khi quân Mỹ rút hết, ta càng mạnh hơn và nhất định ta sẽ đánh thắng hoàn toàn quân ngụy*”.

Trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, với chiến thắng Nông Sơn - Trung Phước, Thượng Đức đã gây nên tiếng vang lớn. Phối hợp cùng với chiến trường cả tỉnh, lực lượng vũ trang Hội An cùng với du kích và bộ đội Duy Xuyên mở những cuộc tấn công liên tục, diệt và làm bức rút hàng loạt cứ điểm, chốt điểm của địch ở Xuyên Tân, Xuyên Thái, hỗ trợ đồng bào phá banh khu đồn Triều Châu; vùng giải phóng Đông Duy Xuyên được mở rộng, tạo ra một bình phong vững chắc uy hiếp địch từ phía nam thị xã. Và lúc này cách mạng miền Nam đang có những bước phát triển vượt bậc, đặc biệt là sự kiện giải phóng tỉnh Phước Long. Đây là thực tế sinh động góp phần quan trọng để Bộ Chính trị ra quyết định giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976, đồng thời nắm vững thời cơ chiến lược sẵn sàng giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Thực hiện quyết tâm chiến lược đó, quân và dân ta đã đem hết tinh thần và lực lượng tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền, mở đầu là chiến dịch Tây Nguyên đại thắng (10/3/1975) cổ vũ mạnh mẽ cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975. Ngày 10/3/1975, Bộ Chính trị

chủ trương giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Tình hình chiến trường diễn biến hết sức khẩn trương, thời cơ cách mạng đang chín muồi. Ngày 21/3/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu nổ ra, quân ta thu được nhiều thắng lợi trên tất cả các chiến trường.

Hòa chung khí thế tiến công, lực lượng vũ trang Thị xã chủ động tác chiến tiêu diệt nhiều đồn bốt, chốt điểm ở Xuyên Thợ, tấn công diệt gọn một đại đội địa phương quân của địch ở thôn 3 Cẩm Kim. Vùng giải phóng được mở rộng từ Nam Phước đến Xuyên Thợ qua Cẩm Kim. Hành lang Xuyên Thái - Xuyên Tân - Xuyên Long - Cẩm Kim được thiết lập. Ngày 25/3/1975, Ủy ban Khởi nghĩa Thị xã được thành lập, ngay sau đó ủy ban khởi nghĩa các xã cũng ra đời. Một số cán bộ được phân công về bám sát địa bàn, tập hợp lực lượng chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở các thôn, xã. Ngày 24/3/1975, Sư đoàn 3 ngụy bị đánh tan rã

ở Quảng Ngãi, Tam Kỳ rút chạy về Hội An làm tăng số lượng quân nguy lên đến gần 1 vạn quân. Đám quân thất trận này đã suy sụp về tinh thần, bắt đầu tan rã về tổ chức và rối loạn về chỉ huy.

Thời cơ cách mạng đã đến! 12 giờ trưa ngày 27/3/1975, Ủy ban Khởi nghĩa Thị xã quyết định phát động cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng toàn Thị xã.

2 giờ chiều ngày 27/3 hàng chục cơ sở của ta đưa thuyền máy lên tận vùng giải phóng Xuyên Tân, Xuyên Thái đón cán bộ, bộ đội về giải phóng Thị xã. 2 giờ sáng ngày 28/3/1975, lực lượng của ta chia làm nhiều hướng, nhiều bộ phận tập kích vào nội ô Hội An. Mũi thứ nhất từ Xuyên Tân vượt qua Cẩm Kim, qua Ngọc Thành về chiếm lĩnh bến xe và tiến đánh tiểu khu Quảng Nam, tấn công về phía Tây Bắc Thị xã đánh chiếm khu Chi Lăng, khu vực lao xá, miếu Ông Cọp và sân bay. Mũi thứ hai từ Xuyên Tân vượt qua Cẩm Thanh tiến về nội ô đánh chiếm quận lỵ Hiếu Nhơn, khu Công binh, Tiểu

khu và chốt giữ các ngã đường trong nội ô. Mũi thứ ba từ Cẩm Thanh tiến về Cồn Chài đánh chiếm trại Tây Hồ, Ty cảnh sát và các mục tiêu quan trọng khác. Phối hợp nhịp nhàng với các mũi tiến công quân sự, nhân dân ở 12 khu đồn và trại tập trung đồng loạt nổi dậy làm chủ hoàn toàn các vùng ngoại ô Thị xã ngay trong đêm 27/3/1975.

5 giờ sáng ngày 28/3/1975, sau khi chiếm



Đoàn ghe của phụ nữ Hội An lên Xuyên Tân (nay là xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên) đón bộ đội về giải phóng Hội An trong tháng 3 năm 1975 - Ảnh tư liệu lưu trữ

lĩnh hầu hết trận địa, các mục tiêu của địch, giải phóng nhà lao, quân ta tập kết về Tòa Hành chính Quảng Nam. Cờ Mặt trận dân tộc giải phóng do Thị đội Hội An kéo lên phát phới tung bay trên dinh lũy kẻ thù, toàn bộ hệ thống nguy quân, nguy quyền ở Hội An bị tan rã. Quân chúng hò reo, từng đoàn người xuống đường giương cao cờ, biểu ngữ mừng thắng lợi. Làng quê, phố xá ngập tràn trong niềm hân hoan của ngày hội chiến thắng vẹn toàn.

Chiều ngày 29/3/1975, đồng chí Võ Chí Công từ Đà Nẵng vào thị sát tình hình Hội An và triệu tập lãnh đạo Thị ủy Hội An họp tại tỉnh đường Quảng Nam, lệnh cho Hội An giải phóng Cù Lao Chàm. Đoàn công tác trưng dụng 03 chiếc tàu đánh cá 45 mã lực của ngư dân Cẩm Thanh, Cẩm An, cấp tốc ra truy kích, bắt sống toàn bộ quân địch đang chạy trốn tại Cù Lao Chàm. 9 giờ sáng ngày 30/3/1975, Cù Lao Chàm được giải phóng.

Ngày 30 tháng 3 năm 1975, Ủy ban Khởi nghĩa thị xã Hội An được chuyển thành Ban Quân quản thị xã Hội An, ra tuyên bố xóa bỏ các cấp chính quyền nguy, thành lập Ban Quân quản các xã, phường.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 ở Hội An toàn thắng, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, kết thúc quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử: giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, mở ra một bước ngoặt vĩ đại, thiết lập quyền làm chủ của nhân dân, cùng cả nước quá độ lên CNXH. 47 mùa xuân đã đi qua nhưng tinh thần bách chiến, bách thắng của ngày 28/3/1975 mãi mãi là niềm tự hào của bao thế hệ người Hội An, tô thắm trang sử hào hùng của quê hương Di sản ♦



Lễ ra mắt Ủy ban Quân quản thị xã Hội An năm 1975 - Ảnh tư liệu lưu trữ

HỘI AN - THANH HÓA NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU

ThS. Quảng Văn Quý

Chảy trong mạch nguồn lịch sử dân tộc, trải qua nhiều cuộc trường chinh đấu tranh giành độc lập tự do của tổ quốc, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, nhiều mối tình kết nghĩa giữa các địa phương đã được hình thành, đơm hoa kết quả, từ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để chiến thắng kẻ thù và trở thành biểu tượng sinh động của đạo lý “*cùng chung cội nguồn con Lạc cháu Hồng*”, của tình đồng chí, nghĩa đồng bào được phát huy rực sáng trong thời đại Hồ Chí Minh. Trong đó, có một mối chân tình kết nghĩa được vun đắp hơn 6 thập kỷ, và dấu trải qua bao khó khăn, gian khổ, mất mát, hy sinh trong những ngày đối mặt với kẻ thù hoặc trong những ngày hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quê hương đất nước; trong bất cứ hoàn cảnh nào mối tình này vẫn được vun đắp ngày càng bền chặt và luôn tỏa sáng rực rỡ. Đó chính là mối tình kết nghĩa “*Hội An - Thanh Hóa nghĩa nặng tình sâu*”.

Thanh Hóa là vùng đất địa linh được bao bọc bởi núi non trùng điệp, với dãy núi Hàm Rồng 99 ngọn thấp cao án ngữ phía Bắc, còn phía Tây lại có núi Hổ, núi Long tạo dáng “*long châu, hổ phục*”, nơi có dòng Mã giang hùng vĩ,

mang nặng phù sa, chảy qua lòng thành phố, rồi theo hướng Đông xuôi về biển cả bao la. Vùng đất này còn được biết đến là nơi đã phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ học vào thời kỳ đá mới nối tiếp thời kỳ đá cũ “*Núi Đọ*”, “*Sơn Vi*”, rồi đến thời đại đồ đồng thau với di chỉ Đông Sơn nổi tiếng, góp phần cung cấp những thông tin khoa học quan trọng để vén bức màn quá khứ, nhận diện các nền văn minh cổ xưa nhất của đất nước. Vùng đất địa linh này đã là nơi phát tích, định đô của nhiều vương triều phong kiến Việt Nam, là nơi sản sinh ra biết bao anh hùng hào kiệt, góp phần quan trọng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc ta với hào khí khởi nghĩa Lam Sơn quét sạch bóng giặc Minh xâm lược, giữ yên bờ cõi, biên cương.

Với người dân Hội An, mảnh đất Thanh Hóa chính là quê cha, đất tổ, là quê hương, nguồn cội để hướng về ngưỡng vọng, tri ân. Chúng ta biết rằng, cộng đồng cư dân Việt ở Hội An đa phần có nguồn gốc từ các vùng Thanh - Nghệ. Trên bước đường Nam tiến, những lưu dân Thanh Hóa đã gánh theo trong hành trang của mình những giá trị văn hóa, những khí phách, cốt cách đặc trưng của văn minh sông Chu, sông Mã đến gieo cấy ở vùng đất mới “*Hội An - hạ lưu sông Thu Bồn*” là nơi “*hội thủy, hội*

nhân”. Với truyền thống cần cù lao động, sáng tạo, những “*lưu dân Nam tiến xứ Thanh*” từng bước xây làng, lập xã, phát triển các ngành nghề, hình thành nên những cộng đồng cư dân Việt tại Hội An và xứ Quảng ngày càng gắn kết vững bền, để rồi cùng chung tay với các thành phần cư dân khác xây dựng nên một Đô thị - thương cảng Hội An sầm uất, vang bóng một thời. Quá trình định cư, sinh sống, chiến đấu trên miền đất mới còn đầy những chướng khí, u linh, với bao thử thách cam go, thì niềm thương nhớ về cố hương vẫn luôn ẩn hiện trong tâm khảm của những người con xa xứ. Ý thức về cội nguồn vẫn thường trực trong tâm can của những người con dưng cảm đã dám vươn mình tìm đến những miền đất hứa của tương lai. Có lẽ vì thế mà những tên đất, tên làng ở Hội An vẫn được những người con xa xứ đặt thành những cái tên là: Thanh Hà, Thanh Châu, Thanh Đông, Thanh Nam, Hà Trung, Nam Ngạn,... như gợi nhớ về cố hương Thanh Hóa, bởi nơi ấy là đất tổ, quê cha. Vì vậy, “*nghĩa tình của Hội An đối với Thanh Hóa chính là sự tìm về công đức cao dày của tổ tiên còn tình nghĩa của Thanh Hóa đối với Hội An chính là tình máu thịt, nghĩa ruột rà*”. Căn nguyên và cội nguồn ấy càng được tỏa sáng và thăng hoa dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, khi chân lý “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*” trở thành ý chí không gì chuyển lay được, để hơn 6 thập kỷ qua với bao thử thách thay đổi nhưng Thanh Hóa - Hội An vẫn đậm đà tình đồng chí, nghĩa anh em.

Chúng ta biết rằng trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đất nước ta phải tạm chia cắt hai miền. Đế quốc Mỹ đã âm mưu chia cắt đất nước ta lâu dài nên đã dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam. Với Luật 10/59, chúng đã đặt Cộng sản ngoài vòng pháp luật, thẳng tay bắt bớ, giam cầm, tra tấn, giết hại dã man nhiều cán bộ cách mạng ở lại miền Nam hoạt động. Trong lúc cách mạng miền Nam đứng trước tổn thất to lớn ở mười năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết 15 vào năm 1959, xác định con đường cách mạng của miền Nam là phải: “*kết hợp giữa đấu tranh chính trị và vũ trang để đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược*”. Nghị quyết đã kịp thời thấp lửa để quân và dân miền Nam đẩy lên phong trào “*đồng khởi*”, phá bỏ từng mảng chính quyền tay sai của địch ở miền Nam. Và cũng chính vào thời điểm lịch sử có tính bước ngoặt này, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã chỉ đạo các tỉnh, thành, địa phương miền Bắc, kết nghĩa với các địa phương ở miền Nam nhằm gắn kết hơn tình đồng chí, nghĩa đồng bào giữa hai miền Bắc - Nam ruột thịt, từ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh đuổi quân thù.

Với tình cảm cao cả và thiêng liêng ấy, ngày 12/2/1961, tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa thị xã Thanh Hóa - thị xã Hội An được tổ chức long trọng với sự tham dự của đông đảo cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Thanh Hóa cùng đại diện Hội đồng hương Hội An tại Hà Nội, cán bộ, học sinh Hội An tập kết ra Bắc đang

sinh sống, công tác và học tập tại Thanh Hóa. Giữa hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ đang bước vào giai đoạn cam go, quyết liệt, cán bộ chiến sĩ và đồng bào Hội An đón nhận tin vui này với một tình cảm hết sức trân trọng. Sự kiện này như một dấu son sáng đẹp trong trang sử mới của sự nghiệp đấu tranh cách mạng của hai quê hương Hội An và Thanh Hóa. Và cũng từ đây, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thanh Hóa anh em đã chi viện sức người, sức của, cả vật chất, lẫn tinh thần cho chiến trường Hội An, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp để Đảng bộ, quân và dân Hội An chiến thắng quân thù.

Với tinh thần: “Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời, Hội An cần - Thanh Hóa có”, từ năm 1967 đến năm 1975, đã có 22.600 nam, nữ thanh niên Thanh Hóa tình nguyện lên đường vào các chiến trường miền Nam và Quảng Nam - Đà Nẵng. Trong số đó, có nhiều chiến sĩ được tăng cường cho chiến trường Hội An và nhiều nhất vẫn là các chiến sĩ ở Tiểu đoàn Đặc công thuộc Trung đoàn Lam Sơn. Họ đã góp phần quan trọng cùng với quân dân Hội An lập nên những chiến công vang dội trong những năm 1967 và cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào xuân Mậu Thân - 1968 giáng trả những đòn sấm sét xuống quân thù. Nhiều người trong số ấy là những chàng trai cô gái đang ở độ tuổi đôi mươi với bao ước vọng về tương lai đã anh dũng hy sinh, vĩnh viễn nằm xuống trong lòng đất Hội An, quê hương thứ hai yêu dấu.



Lễ kết nghĩa thị xã Thanh Hóa và thị xã Hội An ngày 12/02/1968

Nói sao cho được hết những nghĩa tình giữa thị xã Hội An - thị xã Thanh Hóa, của một thời với “những đêm mưa dầm, chiến hào chia lửa, hầm tối chia cơm, giọng Thanh hòa giọng Quảng” và “bao ngày nắng đốt, hạt gạo cắn đôi, viên thuốc bẻ hai, sông Mã tiếp sông Thu”. “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả vì Hội An ruột thịt”, các phong trào thi đua sản xuất “một người lao động bằng hai”, “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” đã được nhân dân thị xã Thanh Hóa phát động có hiệu quả nhằm tăng cường chi viện nhân lực, vật lực cho quân và dân Hội An đánh Mỹ.

Chi viện cho Miền Nam, chi viện cho Hội An kết nghĩa, quân và dân Thanh Hóa luôn trong tư thế “tay súng, tay búa”, “tay súng, tay cày” vừa sản xuất, vừa anh dũng chiến đấu với bọn “giặc trời”, những “bầy quạ sắt” của không lực Hoa Kỳ lập nên bao chiến công, góp phần bảo vệ vững chắc vùng trời miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Đỉnh cao của những chiến thắng này là những chiến công đánh máy bay Mỹ đang ngày đêm oanh tạc cầu Hàm Rồng, một điểm

nổi quan trọng trong tuyến giao thông huyết mạch để vận chuyển vũ khí, hậu cần từ hậu phương miền Bắc vào miền Nam. Từ năm 1965 đến năm 1972, quân dân Thanh Hóa đã bắn rơi tổng cộng 117 máy bay hiện đại đủ các loại, bắt sống nhiều giặc lái sừng sỏ của Mỹ, đảm bảo cho những chuyến hàng qua Thanh Hóa để vào miền Nam được thông suốt, an toàn. Vẫn còn đó hình ảnh những nữ dân quân, những cụ già ở Nam Ngạn, Hàm Rồng, chỉ với súng trường nhưng vẫn chiến đấu hiên ngang trước những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất của không quân Mỹ đã làm cho cả thế giới phải nể phục. Dầu trong khó khăn, chông chênh, đạn bom tàn phá khốc liệt, Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa vẫn quan tâm đến tương lai của lớp thiếu niên, nhi đồng ở Hội An để rồi dựng xây những công trình mang tên Hội An như: Công viên Thiếu niên thị xã Hội An, Thư viện Thiếu niên thị xã Hội An ngay trên đất Thanh và với niềm tin sắt đá là: *“ngày đất nước thống nhất, ngày mà cán bộ và nhân dân hai thị xã sẽ gặp nhau, các em thiếu niên Hội An sẽ ra thăm thư viện, công viên Hội An tại thị xã Thanh Hóa nhất định sẽ đến”*. Những nghĩa cử cao đẹp này đã làm ấm áp thêm tình đồng chí, nghĩa đồng bào trong lòng mỗi người dân Hội An khi đang sống trong cảnh mưa bom, bão đạn.

Chẳng phụ lòng người anh em Thanh Hóa ruột thịt, quân và dân Hội An không quản hy sinh máu xương, đương đầu với kẻ thù tàn bạo với khí thế hiên ngang như: *“Bao người lính đầu trần, chân đất, ở hầm tối thánh năm, mắt sáng ngời khí thế tiến công; những em thơ lạt muối, thiếu cơm, trong đạn bom ngày*

đêm, tìm lạc quan niềm tin chiến thắng”. Sau đêm 27/9/1964, với phong trào *“đồng khởi”* bằng súng bẹ dứa của lực lượng du kích mật và quần chúng ở Cẩm Thanh thắng lợi, xã Cẩm Thanh được hoàn toàn giải phóng đã mở đầu cho cao trào: *“Đứng lên bằng súng bẹ dứa, quê ta đồng khởi, Mỹ thua Ngụy hàng”*. Bắt đầu từ năm 1965, Hội An phát động xây dựng *“làng xã chiến đấu”* với phương châm: *“Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài”*, cương quyết *“bám trụ”*, đánh địch giữ làng *“một tấc không đi, một ly không rời”* nên từng bước đánh bại âm mưu lập vành đai trắng của Mỹ - Ngụy trên địa bàn thị xã, mở rộng vùng giải phóng, lập bao chiến công vang dội buộc đế quốc Mỹ và ngụy quyền Quảng Nam hạ thang chiến tranh.

Trong chiến tranh khốc liệt, nghĩa tình thắm thiết giữa Hội An - Thanh Hóa càng thêm thắt chặt và nhân lên gấp bội được thể hiện qua những hiện vật tặng trao, những thư từ đổi trao giữa hai địa phương để thông tin tình hình chiến trường, cùng chia sẻ, động viên nhau vượt qua thử thách cam go, chiến đấu chiến thắng quân thù.

Giữa hoàn cảnh gông xiềng, kìm kẹp vào năm 1969, các chị em tù chính trị ở Lao xá Hội An bí mật thực hiện tấm khăn choàng, thêu bài thơ *“Nhật ký trong tù”* bằng chữ Hán của Bác Hồ. Chiếc khăn đã được gửi ra Bắc trao tặng cho quân dân Thanh Hóa nhân dịp Đại hội Đảng bộ thị xã Thanh Hóa lần thứ VIII năm 1971, thể hiện ý chí kiên cường của quân và dân Hội An và cũng là lời hứa với nhân dân Thanh Hóa kết nghĩa về quyết tâm không chuyển lay, lùi bước



Đoàn đại biểu thành phố Thanh Hóa và thành phố Hội An chụp ảnh lưu niệm trong Lễ kỷ niệm 55 năm kết nghĩa được tổ chức tại Thanh Hóa

trước những thách thức chông gai của quân và dân Hội An “*nguyện xứng đáng là đứa con yêu của một xứ sở Trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ*”. Năm 1968, Đảng bộ Hội An đã gửi tặng đồng bào Thanh Hóa thân yêu khẩu súng Cole, và chiếc đồng hồ Orient, những chiến lợi phẩm quân dân Hội An thu được trong trận bắt sống bọn giặc Nam Triều Tiên ở Hội An,... đó như một biểu tượng của niềm tin chiến thắng, bởi “*Lòng chúng ta cùng hướng về một đích như dòng Sông Mã, Sông Chu - Sông Thu Bồn, Trường Giang chảy về hướng mặt trời lên vậy*”.

Bên cạnh những hiện vật tặng trao còn có nhiều “*bức thư ám áp nghĩa tình*” của hai địa phương để trao đổi, chia sẻ thông tin, báo công, động viên nhau vượt qua gian khổ hy sinh hướng đến bến bờ thắng lợi.

Trong bức thư ngày 08/9/1967 của Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa gửi cho quân và dân Hội An có đoạn viết: “*Quảng Nam kiên cường bất khuất, có Thị xã Hội An anh em đó là những đơn vị đầu tiên trực tiếp đánh Mỹ, diệt Mỹ của thành đồng Tổ quốc...*”. Trong bức thư của Hội An gửi Thanh Hóa ngày 06/5/1968 có đoạn: “*Một lá thư thăm thiết tình đồng chí đang chiến đấu từ Thanh Hóa thân yêu đến với chúng tôi giữa những ngày vác súng, cầm gươm cùng cả nước giành thắng lợi cuối cùng... Hàng vạn con tim của Hội An vẫn hướng về miền Bắc thân yêu, hướng về Bác Hồ kính yêu vẫn chăm chú theo dõi từng bước đi của chúng ta...*”. Đã có biết bao câu chuyện kể thăm thiết nghĩa tình, về những chiến công, những tấm gương chiến đấu, hy sinh của chiến sĩ

đồng bào hai địa phương được trao đổi qua thư với bao nỗi niềm xúc động mà chúng ta không thể nào kể cho hết được. Cũng trong bức thư gửi cho đồng bào Thanh Hóa ngày 06/5/1968 quân và dân Hội An khẳng định quyết tâm đánh Mỹ đến cùng rằng: *“Trong cơn rẫy chết, giặc Mỹ và bè lũ Thiệu - Kỳ sẽ còn vùng vẫy điên cuồng, gây nhiều tội ác, cuộc chiến đấu sẽ diễn ra với mức độ cực kỳ khốc liệt nhưng với lòng yêu nước tha thiết và chí căm thù giặc sâu sắc của quân dân Hội An, lại được sự chi viện của đồng bào đồng chí ngoài ấy, chúng tôi nguyện liên tục nổ súng, tất cả vũ trang đứng dậy đánh gục kẻ thù, vững vàng cùng Thanh Hóa và cả nước đi đến ngày toàn thắng”*. Và quyết tâm cao cả ấy đã trở thành sự thật. Từ năm 1968 đến 1975, quân và dân Hội An liên tục xung phong *“luôn sâu, lót sát, nắm thắt lưng địch mà đánh”* liên tiếp công đồn, tiến công dồn dập vào sào huyệt các cơ quan đầu não của địch tại nội ô Hội An tiến đến tổng tiến công và nổi dậy vào mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn quê hương. Từ đây, Bắc - Nam đã sum họp một nhà; điệu Dôta sông Mã đã nổi điệu Hồ khoan xứ Quảng, Hội An - Thanh Hóa lại ngân vang, hạnh phúc trong ngày hội đoàn viên, ngày hội chiến thắng. Niềm vui sướng và tự hào ấy càng được nhân lên gấp bội khi mà hai địa phương thị xã Thanh Hóa - thị xã Hội An đều được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân vì đã có những cống hiến vô cùng to lớn trong sự nghiệp kháng chiến trường kỳ thống nhất nước nhà.

Sau ngày đất nước thống nhất, thị xã Hội An lại bắt tay ngay vào việc tổ

chức hồi cư, tháo gỡ bom mìn, khai hoang phục hóa, ổn định đời sống nhân dân. Thế nhưng do những hậu quả chiến tranh để lại vô cùng to lớn, từ năm 1975 đến 1985, Hội An hầu như không có các cơ sở sản xuất nào nên đa phần nhân dân thất nghiệp, đời sống gặp khó khăn, thiếu thốn trăm bề. Thật may mắn trong những ngày đầu gian khó ấy, Hội An lại được sự tương trợ chí tình của người anh em Thanh Hóa ruột thịt. Với kinh nghiệm của mấy mươi năm xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Thanh Hóa đã giúp đỡ Hội An nhiều mặt cả về nguồn nhân lực quản lý buổi đầu và cả về chuyển giao kinh nghiệm, tổ chức sản xuất các ngành tiểu thủ công nghiệp giúp Hội An từng bước phát triển các nghề như: làm thủy tinh, làm mảnh trúc, sơn mài, thêu ren... Nhiều cơ sở sản xuất đã được mở ra, Hội An đã có được nhiều mặt hàng được xuất khẩu sang các nước Đông Âu, từng bước giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân. Và cũng thật ý nghĩa, trong giai đoạn khó khăn này, công trình *“Thư viện Thanh Hóa - Hội An”* được thành lập tại thị xã Hội An, trên cơ sở hơn 5 ngàn bản sách quý được đồng bào Thanh Hóa gửi tặng đã trở thành địa chỉ quan trọng giúp nhân dân Hội An, đặc biệt là thế hệ trẻ đến nghiên cứu, học tập nâng tầm kiến thức... Những thành quả kinh tế - văn hóa - xã hội trong giai đoạn đầu đầy gian khó này là tiền đề cho sự phát triển lớn mạnh của Hội An trong thời kỳ đổi mới. Từ năm 1986 đến nay, Hội An không ngừng phát triển nhanh trên



Lãnh đạo thành phố Hội An và thành phố Thanh Hóa
chụp hình lưu niệm trong chuyến công tác nhân kỷ niệm
60 năm kết nghĩa Hội An - Thanh Hóa

tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng mà còn quan tâm bảo tồn tốt các di sản văn hóa của tiền nhân để lại, Hội An vinh dự và tự hào khi Khu phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới, Cù Lao Chàm - Hội An được UNESCO công nhận là Khu Dự trữ Sinh quyển của nhân loại. Với những thành quả to lớn trong công cuộc đổi mới xây dựng quê hương Đảng bộ và nhân dân Hội An được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Hội An cũng đã được Chính phủ công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh và là đô thị loại III. Tất cả sẽ là hành trang quý báu để Hội An định hướng xây dựng thành phố theo hướng “*Sinh thái - Văn hóa - Du lịch và phát triển bền vững*”.

Còn ở nơi xứ Bắc mến yêu, Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa cũng đã và đang ra sức thi đua khắc phục hậu quả

chiến tranh xây dựng đời mới quê hương ngày càng giàu đẹp. Kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển vượt bậc, an ninh quốc phòng được giữ vững đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên đáng kể. Thành phố Thanh Hóa nay đã là đô thị loại I, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa với bộ mặt đô thị, cơ

sở hạ tầng hiện đại khang trang; hoàn thành xây dựng nông thôn mới;

được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất và nhiều phần thưởng cao quý khác...

Trong những năm gần đây, lãnh đạo hai địa phương đã thường xuyên quan tâm thăm hỏi, trao đổi, học tập kinh nghiệm trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị; hỗ trợ, động viên nhân dân mỗi khi gặp thiên tai, dịch bệnh; chăm lo cho các gia đình chính sách, gia đình người có công với nước của hai địa phương. Trong đó, thành phố Thanh Hóa đã tổ chức hàng nghìn lượt cán bộ vào Hội An học tập, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng, quản lý đô thị, phát triển văn hóa, du lịch để xây dựng thành phố Thanh Hóa “*Đô thị văn minh, công dân thân thiện*”. Hai thành phố cũng đã dành nhiều nguồn lực hỗ trợ lẫn nhau đầu tư xây dựng nhiều công trình văn hóa - giáo dục có ý nghĩa tại hai địa phương, trở thành những dấu ấn sinh

động thể hiện tình cảm gắn bó, son sắt thủy chung giữa hai thành phố. Năm 2016, nhân dịp kỷ niệm 55 năm kết nghĩa giữa Thanh Hóa và Hội An, thành phố Hội An đã đầu tư xây tặng Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa một số công trình như phiên bản tỉ lệ 7/10 Chùa Cầu, các trụ điều khắc gồm nghệ thuật,... ở Công viên Hội An tại thành phố Thanh Hóa. Thanh Hóa cũng đã dành tặng thành phố Hội An 02 công trình, đó là Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu với quy mô 02 tầng gồm 05 dãy phòng học và 09 phòng chức năng; công trình Thư viện Thanh Hóa tại Hội An được xây dựng trên tổng diện tích hơn 6.000m² với nhiều hạng mục khác nhau. Đặc biệt, gần đây nhất nhân dịp kỷ niệm 60 năm kết nghĩa, thành phố Thanh Hóa đã xây tặng Hội An công trình Trường Mẫu giáo Tân An. Thành phố Hội An tiếp tục đầu tư tặng Nhân dân Thanh Hóa công trình phiên bản dãy phố cổ Hội An tại Công viên Hội An ở Thanh Hóa. Công trình này gắn với phiên bản Chùa Cầu tỉ lệ 7/10 được xây dựng trước đây tại Công viên Hội An đã tạo thành một phiên bản Khu phố cổ Hội An thu nhỏ rất độc đáo và ấn tượng ngay giữa lòng thành phố Thanh Hóa. Công trình này cũng đã được tổ chức khánh thành vào ngày 17/4/2022 gắn với sự kiện khai mạc Tuần Văn hóa thành phố Thanh Hóa - thành phố Hội An diễn ra từ ngày 24 - 27/4/2022 vừa qua đã thu hút đông đảo nhân dân và du khách đến tham quan thưởng ngoạn.

Có thể nói rằng, trong hơn 60 năm qua, dầu trong tháng ngày chiến tranh khốc liệt, dầu trong cảnh gian khó trăm

bề sau ngày giải phóng, hay lúc áo ấm, cơm no, mối tình kết nghĩa Hội An - Thanh Hóa vẫn luôn được hai địa phương trân trọng giữ gìn và ngày càng được đơm hoa kết trái. Mối tình kết nghĩa này sẽ mãi là nét son trong lịch sử đấu tranh, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước của hai thành phố, là động lực tinh thần và là di sản quý giá mà các thế hệ cư dân, thế hệ cách mạng hai thành phố đã dày công bồi đắp và để lại cho các thế hệ hôm nay. Truyền thống quý báu tốt đẹp ấy chắc chắn sẽ tiếp tục được vun đắp, tô bồi để nghĩa tình Hội An - Thanh Hóa ngày càng tỏa sáng và bền chặt trong thời kỳ mới ♦

*** Tài liệu tham khảo**

1. Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa, <https://tpthanhhoa.thanhhoa.gov.vn/web/gioi-thieu-chung/gioi-thieu/lich-su-dang-bo-tp-thanh-hoa>.
2. Thành phố Thanh Hóa - Thị xã Hội An (2007), *Hội An Thanh Hóa - Nghĩa Nặng tình sâu*, Nxb Đà Nẵng.
3. Ban Tuyên giáo thị xã Hội An (2006), *Những dòng thư ấm áp nghĩa tình*, Công ty in Quảng Nam, Giấy phép xuất bản số: 054/GP-SVHTT do Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam cấp.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An (1999), *Hội An thị xã Anh hùng*, tập 1. Nxb Đà Nẵng.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An (2002), *Hội An thị xã Anh hùng*, tập 2, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUỐC CHÚA NGUYỄN PHÚC CHU VỚI HỘI AN

CN. Trần Văn An

Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) là vị chúa thứ 6 trong 9 đời chúa Nguyễn. Ông là con trưởng của chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trấn, thân mẫu họ Tống, sau được truy tôn là Hiếu Nghĩa hoàng hậu. Năm 1691 chúa Nghĩa mất, ông lên nối ngôi khi mới 17 tuổi.

Liên quan đến cuộc đời chúa Nguyễn Phúc Chu, tư liệu cho biết: “... Trước kia năm Giáp Dần (1674) mùa thu, ở phương Tây Nam trên trời mở ra một lỗ, có mây sắc vân quanh, ở giữa một luồng ánh sáng rực trời tỏa ngay vào chỗ nhà mẫu hậu ở, người thức giả cho là điềm thánh. Năm sau chúa đứng kỳ giáng sinh, mùi thơm nức nhà. Lớn lên học chăm chỉ tốt, đủ tài lược văn võ...”¹. Sự ra đời của vị chúa này được mô tả với những dấu hiệu lạ thường dự báo cho sự xuất hiện của một vị chân chúa. Giai đoạn cầm quyền của chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725) được cho là một giai đoạn thái bình, thịnh trị “... Chúa mới giữ chính quyền, chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời nói hay, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, nhẹ thuế mà giao dịch, bớt việc hình ngục, trăm họ không ai không vui mừng...”². Thiền sư Trung Hoa Thích Đại Sán năm 1695 cũng đã có nhận xét: “... Nay xem nhà vua thông minh hơn thứ, độ lượng khoan hồng, thống trị mọi việc, biết thể

tuất thần dân, giúp người lợi vật, gần xa sang hèn thấy đều thấm nhuần ơn trạch”³. Nguyễn Phúc Chu là vị chúa có công mở rộng lãnh thổ Đại Việt về phía Nam. Lần thứ nhất, năm Quý Dậu (1693), lấy phần đất còn lại của Chiêm Thành cho tới Bình Thuận, lập nên trấn Thuận Thành; lần hai, năm Mậu Dần (1698), lấy một phần đất của Chân Lạp tương ứng với miền Đông Nam bộ ngày nay, năm Giáp Ngọ (1714) nhận đất xứ Hà Tiên do Mạc Cửu dâng, tương ứng với các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và một phần tỉnh An Giang, Sóc Trăng ngày nay⁴.

Nguyễn Phúc Chu còn là vị chúa có những đóng góp xuất sắc về văn hóa. Ba sự kiện sau đây có thể giúp xác định điều này. Sự kiện thứ nhất là ông đã sai người sang Quảng Đông, Trung Hoa mời Thiền sư Thích Đại Sán sang nước ta mở giới đàn truyền bá đạo Phật vào năm 1695. Từ đây Phật giáo được hoàng dương rộng rãi ở Đàng Trong. Nhiều sơn môn, tự viện ra đời sau sự kiện này. Cũng vào dịp này, Nguyễn Phúc Chu đã thọ Bồ tát giới với pháp danh Hưng Long, tự hiệu Thiên Túng đạo nhơn⁵. Thích Đại Sán sau đó về Quảng Đông đã làm nên sách *Hải Ngoại ký sự* trong đó có nhiều thông

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (Bản dịch năm 2007), *Đại Nam thực lục* (tiền biên), NXB Giáo dục, tr.105.

² Quốc sử quán triều Nguyễn, sđd, tr.106.

³ Thích Đại Sán, *Hải Ngoại ký sự*, Ủy ban Phiên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế xuất bản 1963, tr.88.

⁴ Nguyễn Khắc Thuần (2003), *Thế thứ các triều vua Việt Nam*, NXB Giáo dục, tr.101.

⁵ Thích Đại Sán, sđd, tr.85.

tin về Cù Lao Chàm, phố Hội An, các di tích cầu Nhật Bản, chùa Di Đà, Quan Âm Phật đường, Quan phu tử miếu ở Hội An...

Hai sự kiện còn lại liên quan trực tiếp đến phố Hội An. Sự kiện đầu xảy ra vào năm 1715 với việc chúa Nguyễn Phúc Chu ngự bút ban cho một di tích ở Hội An bức hoành đề 4 chữ: 救世度人

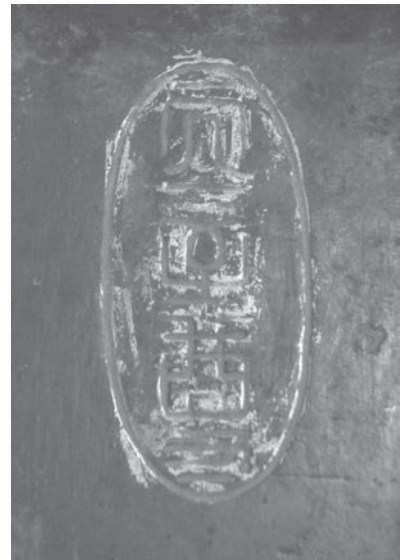
(*Cứu thế độ nhân*). Bức hoành hiện được treo tại di tích đình Sơn Phong nhưng theo các bậc cao niên của làng thì nó được mang về từ một di tích khác đã bị sụp đổ. Theo bản khai Folklore của làng Sơn Phong năm 1943 thì làng này mới thành lập năm 1935 trên cơ sở hợp nhất đất đai của làng Phong Hộ (sau đổi thành Phong Niên và An Phong), An Thọ và một phần đất của Sơn Phô thành Sơn Phong đệ tứ phường thuộc phố Hội An. Đến năm 1943 phường Sơn Phong vẫn chưa có đình mà chỉ có hai ngôi đình nhỏ của làng Phong Niên và làng An Thọ đã bị hư nát. Chức sắc của phường này khai rằng “Về cổ tích làng này không có gì đáng gọi là cổ tích, trong đình Phong Niên có một tấm bản gỗ chạm khá xưa”⁶. Chúng tôi cho rằng “tấm bản gỗ khá xưa” này chính là bức hoành “*Cứu thế độ nhân*”, ngày trước treo ở đình Phong Niên, khi làm đình Sơn Phong mới mang về treo tại đình như hiện nay. Bức hoành bằng gỗ, kích thước khá lớn: dài 263cm, rộng 81cm, viền xung quanh rộng 15,5cm chạm hình 10 chim phượng bay trong các tư thế khác nhau châu về mặt trời theo đề tài phượng triều dương.



Bức hoành phi Cứu thế độ nhân hiện treo tại di tích đình Sơn Phong
- Ảnh: Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản

Hình các chim phượng chạm trổ sắc sảo, sinh động là một tác phẩm nghệ thuật tạo hình tuyệt đẹp. Lòng bức hoành chạm 4 chữ 救世度人 (*Cứu thế độ nhân*), nét chữ phóng khoáng theo kiểu lệ thư, là ngự bút của chúa Nguyễn Phúc Chu. Thượng khoản ghi: “*Vĩnh Thịnh thập nhất niên tuế thứ Ất Mùi bát nguyệt nhị thập nhất nhật đề*” (ngày 21 tháng 8 năm Ất Mùi Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) âm lịch). Góc trên thượng khoản có một con dấu hình hột xoài, kích thước cao 9,5cm, rộng 4,5cm, giữa lòng 3 chữ triện từ trên xuống: 天至尊 (*Thiên chí tôn*). Hạ khoản ghi: “*Quốc chúa Thiên Túng đạo nhân ngự bút*”, cho biết đây là ngự

bút do chính Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, tự hiệu Thiên Túng đạo nhân viết. Cuối hạ khoản có 2 con dấu, một tròn, một vuông.



⁶ Bản sao tài liệu này hiện đang lưu tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Dấu tròn ở trên đường kính 6cm, giữa lòng 4 chữ triện từ trên xuống: 協 弋 主 人 (*Hiệp nhất chủ nhân*) hai bên dòng chữ có hình 2 con rồng nhỏ châu vào. Dấu vuông bên dưới có cạnh 6cm, lòng khắc nhiều chữ triện chưa đọc được.



Cho tới nay đây là bức hoành có niên đại sớm nhất được tìm thấy ở Hội An. Để được ngự ban bức hoành này chắc chắn phải là một di tích tín ngưỡng có tầm cỡ và việc chạm các hình chim phượng cho thấy sự liên quan đến một vị nữ thần, có thể là Thiên Y A Na Chúa

Ngọc hoặc bà Đại Càn, hai vị nữ thượng thần từng được tôn thờ ở nhiều làng xã tại Hội An.

Nếu sự kiện trên không thấy nhắc đến trong tư liệu nào thì sự kiện dưới đây liên quan đến việc chúa Nguyễn Phúc Chu ngự ban cho Chùa Cầu - cầu Nhật Bản bức hoành 來 遠 橋 (*Lai Viễn kiều*) được ghi lại trong một số sử liệu như *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định; *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục* chép: “... *Kỷ Hợi năm thứ 28 (1719) mùa xuân, tháng 3 chúa đi thăm dinh Quảng Nam, duyệt binh mã, rồi đến phố Hội An, nhân thấy phía Tây phố có cầu, là nơi thuyền buôn tụ họp, nên đặt tên là cầu Lai Viễn, viết chữ biển vàng ban cho...*”⁷. Tư liệu cho biết đích xác nguyên do, năm tháng và nhân vật liên quan đến bức hoành đặc biệt này. Tên cầu Lai Viễn được lấy từ một câu trong kinh Thi: “*Hữu bằng tư viễn phương lai bất diệc lạc hồ?* (nghĩa là: có một người bạn từ xa đến há không vui hay sao)” lấy tên này đặt cho chiếc cầu nơi thương khách nước ngoài lui tới buôn bán cho thấy chúa là người hay chữ. Tên Lai Viễn kiều có nội hàm vừa nói lên được mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp với Nhật Bản vừa thể hiện xu hướng mở rộng quan hệ bang giao với các nước bên ngoài. Bức hoành hiện treo ở mé Bắc cầu, trên khung cửa dẫn vào miếu thờ Bắc Đế Trấn Võ. Hoành bằng gỗ dài 145cm, rộng 59cm. Viên rộng 12cm trang trí 6 hình rồng 5 móng, biểu tượng của vua chúa, viên trên 2 con, viên dưới 2 con theo đề tài lưỡng long tranh châu, hai bên mỗi bên một hình rồng kiểu hồi long. Thượng khoản bị sơn phủ mờ không đọc được, có

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, sđd, tr.137.



lẽ là dòng ghi niên đại vào năm Cảnh Thịnh thứ 15 (1719).

Đầu thượng khoản có một dấu hột xoài cao 13cm, rộng 5cm chữ bên trong cũng bị mờ do sơn phủ. Hạ khoản ghi: Quốc Chúa Thiên tủng đạo nhơn đề. Cuối hạ khoản có 2 dấu vuông đều có cạnh 6,5cm. Dấu vuông trên có 6 chữ triện: 福 週 阮 王 之 印 (Phúc Chu Nguyễn vương chi ấn). Dấu dưới có 4 chữ triện: 其 命 惟 天 (Kỳ mệnh duy thiên)



Con dấu Phúc Chu Nguyễn Vương rất đáng lưu ý vì lúc này, năm 1719, chúa Phúc Chu đã xưng là Nguyễn Vương và làm dấu ấn chứ không đợi đến

năm 1744 với sự kiện Chúa Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi vương như Lê Quý Đôn ghi “Đến bây giờ (1744) Phúc Khoát tiếm xưng vương, bèn đúc ấn Quốc vương, gọi phủ là điện đổi chữ “thân” làm chữ “tấu”, có văn thư đưa xuống thuộc quốc thì xưng là “Thiên vương”, truy tôn tước vương” (cho các vị chúa tiền nhiệm)”⁸. Một

chi tiết khác cũng cần lưu ý là trong dấu ấn này chữ Chu được viết với bộ xước (週) chứ không phải bộ thủy (週) như một số tài liệu đã ghi⁹.



Chúng ta tự hào với hai di vật trên 300 năm tuổi và lại là bút tích của một vị chúa được đánh giá là văn hay chữ tốt, có tài lược văn võ. Đây là di sản ký ức, di sản tư liệu có giá trị về lịch sử - văn hóa, mỹ thuật, thư pháp học, ấn triện học cần được tiếp tục nghiên cứu, giải mã

⁸ Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, NXB Thuận Hóa, tr.67-68.

⁹ Wikipedia, Nguyễn Phúc Chu.

NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ THỜI KỲ TÂY SƠN Ở HỘI AN, QUẢNG NAM

ThS. Phạm Phước Tịnh

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đặt đạo Thừa tuyên Quảng Nam đạo thứ 13 của nhà nước Đại Việt. Vào năm 1558, Nguyễn Hoàng được cử vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa, và đến năm 1570, Nguyễn Hoàng được vua Lê giao kiêm lãnh xứ Quảng Nam. Kể từ đây Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn kế tiếp thực hiện nhiều chính sách để thiết lập quyền lực chính trị, quân sự, phát triển kinh tế ở vùng đất mới. Có thể nói, dưới thời các chúa Nguyễn, Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung được xem là trung tâm phát triển kinh tế giàu có vào bậc nhất của xứ Đàng Trong.

Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, tại Hội An, Quảng Nam cũng là nơi xảy ra nhiều sự kiện lịch sử chính trị quan trọng, trong đó có sự tranh giành quyền lực giữa Tây Sơn - chúa Nguyễn và giữa Tây Sơn - chúa Trịnh nhằm xác lập quyền lực tại vùng đất Quảng Nam, trong đó có Hội An.

Cho đến nay, việc nghiên cứu, tìm hiểu về phong trào - triều Tây Sơn tương đối đa dạng và phong phú, trải dài trên nhiều lĩnh vực như lịch sử, kinh tế, văn hóa - xã hội,... trong đó có những nhận xét, đánh giá theo nhiều chiều hướng khác nhau, có mặt tích cực, có mặt tiêu cực... Nhưng nhìn chung, đa số các nghiên cứu đều đánh giá vai trò quan

trọng của nhà Tây Sơn trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đặc biệt là vai trò của Nguyễn Huệ, sau này là vua Quang Trung.

Trong các bộ sử của nhà Nguyễn (*Đại Nam thực lục, Đại Việt sử ký tục biên, Đại Nam liệt truyện, Khâm định Việt sử thông giám cương mục*,...) cũng đã ghi chép đầy đủ về hoạt động của phong trào Tây Sơn, một thế lực đối trọng của chúa Nguyễn (sau này là nhà Nguyễn, mà trực tiếp là với Nguyễn Ánh, sau này là vua Gia Long). Hầu hết các bộ quốc sử (*bản dịch*) đều dùng từ “giặc” hoặc “ngụy”, “làm loạn”,... để chỉ phong trào Tây Sơn, với thủ lĩnh chính là 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ.

Đối với nghiên cứu của các học giả nước ngoài, trước hết là những ghi chép của John Barrow trong *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793*, (*Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb Thế Giới năm 2018*). Trong tập ghi chép này, J.Barrow đã có những ghi chép về thông tin cuộc chiến giữa Tây Sơn với chúa Nguyễn, chúa Trịnh. Tài liệu cho biết, “vào năm Cảnh Hưng thứ 35 (1774), một cuộc nổi dậy đã bất ngờ bùng nổ ở kinh đô, thành phố Quy Nhơn, và bắt đầu tràn ra khắp nơi. Cuộc phản loạn này do ba

anh em cầm đầu. Người anh có tên là Nguyễn Nhạc¹,...

Mặc dù chúng tôi chưa bao giờ thấy một thành phố rộng lớn hay những lâu đài tráng lệ ở vùng phụ cận của vịnh Turon, tuy xưa kia nơi này từng nổi tiếng là một thị trường chủ yếu của những hoạt động buôn bán giữa nước này với Trung Hoa và Nhật Bản... Rõ ràng qua cơn binh lửa của những cuộc nổi dậy vừa qua, vùng này đã phải hứng chịu nhiều tàn phá. Bằng chứng là những đống đổ nát của những tòa nhà còn trông thấy hiện nay; là mặt đất gồ ghề chứng tỏ rằng trước đây ở đó đã tồn tại những thành quách, đồn lũy mà theo viên sĩ quan của chúng tôi từng bị bắt giữ kể lại thì ở Hội An những công trình đó vẫn còn trông thấy được và còn rộng lớn hơn; là những gì còn lại của vườn tược và đồn điền trồng hoa và cây ăn quả. Tất cả giờ đây trở nên hoang phế, không còn để lại dấu tích gì của sự trù phú trước đây hoặc gợi cho chúng ta ấn tượng về một cảnh huy hoàng bị tàn lụi...".

Trong thời gian gần đây, một số vấn đề lịch sử Việt Nam được nhiều học giả, nhà nghiên cứu nước ngoài quan tâm

tìm hiểu, nhất là cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm giữa nhà Tây Sơn với nhà Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và giữa Tây Sơn với chúa Nguyễn ở Đàng Trong, đó là nghiên cứu của giáo sư người Mỹ Geogre Dutton với tựa gốc là *"The Tay Son uprising"* (dịch nghĩa là *Cuộc nổi dậy của nhà Tây Sơn*), do Lê Nguyễn dịch và giới thiệu, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2019.

Ngoài ra, một tập đại thành nghiên cứu và dịch thuật của tác giả Nguyễn Duy Chính liên quan đến phong trào - nhà Tây Sơn gồm các tập sách: *Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, *Khâm định An Nam kỷ lược*, *Núi xanh nay vẫn còn đó*, *Việt - Thanh chiến dịch*, *Phái đoàn Đại Việt và lễ bát tuần khánh thọ của Thanh Cao Tông*, *Vó ngựa và cánh cung*, *Giở lại nghi án lịch sử "Giả vương nhập cận"*, *Thanh - Việt nghị hòa tiến trình công nhận triều đại Quang Trung*... Đây là nguồn tài liệu tham khảo về lịch sử Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX, trong đó trực tiếp đề cập đến nhà Tây Sơn, nhất là vị thế, vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung.

Qua các nguồn tư liệu này, đa số đều nhắc đến sự có mặt của Tây Sơn ở Hội An, Quảng Nam từ năm 1773. Có thể nói nguồn tư liệu nghiên cứu về nhà Tây Sơn rất đa dạng và phong phú, bao gồm các khảo cứu, nghiên cứu chuyên sâu, và những ghi chép trong các bộ quốc sử của nhà Nguyễn, qua đó có thể thấy vị thế, vai trò của phong trào - nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.

Ở Hội An, hiện nay những tư liệu, dấu tích, di tích về phong trào Tây Sơn liên quan đến Hội An, Quảng Nam khá khiêm tốn và ít ỏi, vì vậy việc tìm hiểu,

² Thật ra, sự kiện này diễn ra vào năm 1773, theo *Đại Nam thực lục* cho biết: năm Quý Tỵ (1773): "... Giặc Tây Sơn là Nguyễn Văn Nhạc nổi loạn, giữ thành Quy Nhơn. Nhạc là người thôn Tây Sơn, huyện Phù Ly (nay là Phù Cát) phủ Quy Nhơn, trước làm biện lại, tiêu mất thuế tuần, bèn cùng mưu với em là Lữ và Huệ vào núi dựa thế hiểm làm giặc, bèn đảng ngày một đông, địa phương không thể ngăn giữ được. Đến đây đem đồ đảng đánh úp phủ Quy Nhơn. Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy. Nhạc bèn chiếm giữ lấy thành, thả tù ra, lừa dân làm binh, dựng cờ hiệu Tây Sơn và cho bè đảng chia nhau đi cướp bóc. Trăm họ náo động..." (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, 2007, tr.177)

nhận diện, nghiên cứu về sự có mặt của Tây Sơn ở Hội An còn nhiều hạn chế.

Sự thiếu hụt về thông tin đã phần nào ảnh hưởng đến những nghiên cứu về lịch sử Hội An trong thế kỷ XVIII - XIX, và có nhiều ý kiến cho rằng sự có mặt của Tây Sơn ở Hội An làm cho cảnh thị này suy thoái, đặc biệt là nhiều dấu tích lịch sử - văn hóa bị phá hủy. Vì vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu về phong trào - triều Tây Sơn là việc làm có ý nghĩa và cấp thiết. Tuy không có những công trình, tác phẩm đồ sộ trực tiếp nghiên cứu về phong trào Tây Sơn ở Hội An, nhưng tìm hiểu về phong trào Tây Sơn ở Hội An cũng được nhiều học giả, nhà nghiên cứu đề cập đến.

Qua quá trình tìm hiểu, tiếp cận thông tin, bước đầu có thể xác định bài

viết “*Triều Tây Sơn và người Hội An*” của tác giả Trần Ánh viết năm 1999 và được đăng trong Tạp chí Khoa học và Phát triển - Chào năm 2000 do Nxb Đà Nẵng ấn hành, có lẽ là nghiên cứu sớm nhất về phong trào Tây Sơn ở Hội An. Với nội dung 3 trang viết (*từ trang 354 đến trang 356*), tác giả đã khái quát lên những điểm nổi bật của phong trào - triều Tây Sơn ở Hội An như việc thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị thương cảng Hội An, bảo tồn, không triệt hạ, tàn phá các cơ sở kinh tế, lịch sử - văn hóa của chúa Nguyễn ở đây, thực hiện chính sách ôn hòa và được sự tin tưởng của nhân dân như sự giúp sức và cống hiến của tộc Trần Công ở làng Thanh Châu (*Cẩm Thanh ngày nay*)...

Kế đến là trong đề tài “*Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An*” do Trung tâm



Những bài thơ của Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Lệnh Tân và Ưông Sĩ Dư khắc treo tại Quan Công Miếu năm 1775

Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì thực hiện từ năm 2012, trong phần nội dung Lịch sử, Ban chủ nhiệm đề tài đã nghiên cứu, và đề cập đến một nội dung quan trọng trong tiến trình hình thành và phát triển của đô thị thương cảng Hội An, đó là phần nội dung giới thiệu *“Tổng quan về thời kỳ Tây Sơn ở Hội An”*. Tuy là một nội dung ngắn nhưng cũng đủ phản ánh nhận thức của những người nghiên cứu đã đặt vấn đề này trong quá trình xây dựng đề cương cho địa chí Hội An thời bấy giờ.

Thực hiện phần nội dung về thời kỳ Tây Sơn trong đề tài này, tác giả Đỗ Bang đã trình bày khái quát những nét đặc trưng thời kỳ Tây Sơn ở Hội An dưới thời Thái Đức - Nguyễn Nhạc, Bắc Bình Vương - Nguyễn Huệ và Hội An dưới thời Hoàng đế Quang Trung và Cảnh Thịnh.

Qua nghiên cứu tư liệu, tác giả cho biết, năm 1773, sau khi chiếm phủ thành Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc cho nghĩa quân đánh ra vùng Quảng Nam, người Quảng nô nức theo Tây Sơn trong đó có cả lực lượng thương nhân người Hoa ở Hội An. Trong số này có hai viên tướng người Hoa là Tập Đình và Lý Tài lập hai đội Trung Nghĩa quân và Hòa Nghĩa quân, chọn dinh Quảng Nam làm sở chỉ huy. Đội quân này: *“cạo đầu kết tóc gọi là người Trung Quốc (Đường Nhân). Mỗi khi ra trận thì uống rượu say, cỡi trâu, cổ đeo vàng mã, tỏ ý liều chết. Quân Thuận Hóa nghe tiếng đã chạy tan. Từ đèo Hải Vân trở về Nam đều do Nguyễn Nhạc chiếm cứ”* và cho quân uy hiếp thành Phú Xuân.

Đầu năm 1775, quân Trịnh quyết ra quân trước và chiếm được thành Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Thuần cùng quân tướng và gia nhân bỏ thành bôn tẩu vào Nam. Thừa thắng trong trận Phú Xuân, Hoàng Ngũ Phúc, tướng chỉ huy quân Trịnh đánh vào đất Quảng Nam. Nguyễn Nhạc từ Hội An nghe tin mang quân đến sông Cẩm Lệ cố chống giữ. Bị tượng binh quân Trịnh tấn công, Tây Sơn thua trận, 100 nghĩa quân bị bắt và bị giết trong trận đầu tiên. Tiếp đó, ngày 21 tháng 5 năm 1775, trận hỗn chiến ác liệt tại Cẩm Sa, quân Tây Sơn bị thiệt hại nặng, 113 tướng sĩ bị chết, 138 người khác bị bắt, 2 voi chiến và 5 thuyền bị chiếm. Thủy quân Tây Sơn rút về phía biển Cửa Đại, Nguyễn Nhạc chỉ huy bộ binh cũng theo hướng Quảng Ngãi để lui quân, hai viên tướng thiện chiến người Hoa là Tập Đình và Lý Tài chỉ huy hai đội quân Trung Nghĩa và Hòa Nghĩa thất trận cũng bỏ trốn. Hội An trở thành mục tiêu chính của quân Trịnh. Ngày Tết Đoan Ngọ (*mồng 5 tháng 5 năm Ất Mùi*), tức ngày 2 tháng 6 năm 1775, quân Trịnh đã có mặt Hội An. Ngày 25 tháng 10 năm 1775, Hoàng Ngũ Phúc cùng quan quân trở về Phú Xuân, Nguyễn Nhạc cho quân chiếm lại đất Quảng Nam trong đó có Hội An. Nguyễn Nhạc sai người ra Phú Xuân để đòi lại đất Quảng Nam, chúa Trịnh Sâm không muốn chiến tranh tiếp diễn nên đã đồng ý và trao cho Nguyễn Nhạc chức *“Quảng Nam Trấn thủ Tuyên úy Đại sứ, phong Nhạc tước Cung Quốc công”*. Quảng Nam trở thành vùng đất thuộc về quyền kiểm soát Tây Sơn cho đến ngày Nguyễn Huệ đưa nghĩa quân từ Quy Nhơn ra đánh chiếm Phú Xuân - Thuận Hóa vào mùa hè năm 1786, rồi

thuộc về đất của Bắc Bình vương Nguyễn Huệ trong các năm 1786 - 1788.

Tác giả cũng cho biết, sau khi vua Quang Trung đã qua đời, rồi Thái Đức - Nguyễn Nhạc cũng chết, vua Cảnh Thịnh lên ngôi được một năm nay chỉ mới 12 tuổi, việc triều chính giao cho Thái sư Bùi Đắc Tuyên định đoạt, phe phái chống Bùi Đắc Tuyên bị hãm hại trong đó có Trung thư Phụng chính Trần Văn Kỳ. Trong nước từ đó xảy ra nhiều biến cố cung đình, mâu thuẫn nội đình trở nên sâu sắc, nhiều vụ tranh chấp triều chính rất quyết liệt làm vua Cảnh Thịnh bất lực, bó tay. Lợi dụng sự mâu thuẫn nghiêm trọng trong triều đình Phú Xuân, Nguyễn Ánh sau năm 1793, từ đất Gia Định bắt đầu đánh ra vùng kiểm soát của Tây Sơn, uy hiếp Quy Nhơn rồi đánh ra vùng đất Quảng. Năm 1799, Nguyễn Ánh cho quân chiếm Quy Nhơn, vua Cảnh Thịnh cử quân tăng viện nhưng biết không thể thay đổi được tình thế nên đành lui quân về giữ đất Quảng Nam và giữ được hai năm, Hội An rơi vào tay của quân chúa Nguyễn. Có thể nói, nghiên cứu của PGS.TS Đỗ Bang được xem là một trong những nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện nhất về sự có mặt và ảnh hưởng của phong trào Tây Sơn ở Hội An, Quảng Nam.

Trong khảo cứu “*Miếu Quan thánh (chùa Ông) Hội An*” của tác giả Phạm Thúc Hồng, do Nxb Lao động ấn hành vào năm 2008, từ trang 86 đến trang 99, tác giả đã có những đề cập đến nhân vật Nguyễn Nghiễm và các thuộc tướng của ông trong 2 bài thơ, tán được khắc trên gỗ treo tại chùa Ông. Nội dung này cũng đã được tác giả Võ Vinh Quang đề cập

đến trong bài viết “*Bàn thêm về văn bản và cách hiểu hai thi phẩm của Tả tướng Nguyễn Nghiễm (ở miếu Quan Thánh - Hội An)*” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, số 84/2016, tr.49-45.

Đến năm 2018, trong bài viết “*Phát hiện mới ở miếu Quan Công: Thân phụ của Nguyễn Du đã đề thơ tại Hội An*” của tác giả Nguyễn Xuân Diện đăng trên Vietsciences năm 2018 cũng đã đề cập đến nhân vật Nguyễn Nghiễm và giới thiệu 2 bài thơ, tán được khắc tại chùa Ông - Hội An.

Tuy nhiên, việc lý giải, phân tích về nội dung 2 bài thơ, tán này, theo chúng tôi khá chi tiết, tỉ mỉ, khoa học là trong tác phẩm “*Xuân quận công Nguyễn Nghiễm - cuộc đời và di văn*” của tác giả Võ Vinh Quang, Nxb Văn học năm 2018. Tác giả cho biết bài thơ “*Sư đế Hội An phó đề Quan phu tử miếu*” và bài tán “*Quan phu tử miếu tán*” là 2 tác phẩm được Nguyễn Nghiễm cùng các thuộc tướng Uông Sĩ Điện, Nguyễn Lệnh Tân sáng tác sau đợt tiến đánh và giành thắng lợi trước quân Tây Sơn ở Cẩm Sa vào năm Ất Mùi (1775). Nội dung này được đề cập từ trang 449 đến trang 458, tác giả đã phiên âm, dịch nghĩa và chú thích cẩn thận, tỉ mỉ hơn so với các nghiên cứu của các học giả trước đây và đồng thời bổ sung, chú thích thêm những nội dung trong bài viết của chính tác giả còn khiếm khuyết vào năm 2016.

Những năm trở lại đây, trong dân gian đã xuất hiện thêm một số tư liệu về Tây Sơn và được một số tác giả, nhà nghiên cứu công bố như tác giả Trần Văn An với bài viết “*Tư liệu quý về*

thương mại ở xứ Quảng” năm 2018. Nội dung bài viết giới thiệu một chỉ cấm vào ngày 20 tháng 2 năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779) của người đứng đầu triều Tây Sơn giao cho quan Đốc Chiến Mỹ Thiện hầu để chuyển truyền từ quý phủ cho đến các cửa biển ở Quảng Nghĩa, Thăng Điện (*Thăng Hoa, Điện Bàn*) về biện pháp cấp thời để giải quyết vấn nạn những nhiễu, mua hàng ép giá, yêu sách quà cáp của giới quan lại trong hoạt động thương mại - ngoại thương ở Hội An, Quảng Nam.

Trong bài viết “*Dấu Ấn triện ở Quảng Nam*” năm 2021 đăng trên báo Quảng Nam, tác giả Trần Văn An giới thiệu về 3 dấu ấn liên quan đến thời Tây Sơn gồm: *Quảng Nam Khâm sai Tham mưu Trương tín ký* - là dấu tín ký của quan Khâm sai Tham mưu Quảng Nam của chính quyền thời Tây Sơn; *Tây Sơn Công bộ Trấn thủ Quảng Nam dinh, Nguyễn tông hành sự* - là dấu hành sự của Trấn thủ Quảng Nam thời Tây Sơn; *Khâm sai Quảng Nam xứ đại duyệt* - là dấu của quan Khâm sai phụng mệnh Quang Trung duyệt xét dân số ở các địa phương thuộc xứ Quảng (*từ Hải Vân vào đến Bình Định, Phú Yên*).

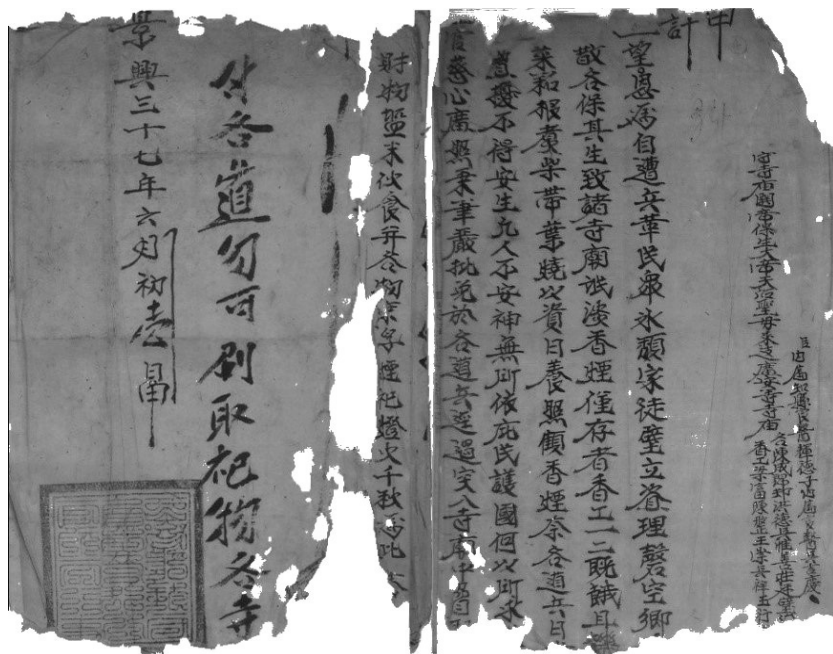
Đặc biệt, trong bài viết “*250 năm Phong trào Tây Sơn (1771 - 2021) nhìn từ Hội An*” năm 2021 đăng trên website: hoianheritage.net (*của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*),... Tác giả Trần Văn An đã khái quát tổng quan những chính sách, tác động, đóng



Mộ Đại đô đốc Nguyễn Đức Lễ

góp của Tây Sơn ở Hội An thông qua nghiên cứu loại giấy tờ kê khai đất đai, dân số, các loại văn bản hành chính, các tờ trình bẩm thời Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh... Qua nghiên cứu các văn bản, tác giả nhận định Tây Sơn đã có những chính sách tích cực nhằm duy trì các hoạt động ở phố Hội An, ổn định đời sống của nhân dân địa phương chứ không “*tàn phá Hội An thành bình địa*” như một số tư liệu ghi chép. Qua tư liệu gia phả, bia mộ, truyền khẩu và một số văn bản cho biết có nhiều người địa phương tham gia và giữ những chức vụ quan trọng của bộ máy chính quyền Tây Sơn. Gia phả tộc Trần (*Thanh Châu*); tộc Nguyễn (*Cầm Hà*); tộc Nguyễn (*Trường Lệ*); tộc Thái, Lý (*Minh Hương*) đã ghi lại tên họ, chức vụ của một số cá nhân tộc mình tham gia chính quyền Tây Sơn.

Ngoài ra, còn một số bài viết liên quan đến Tây Sơn ở địa phương khác trên địa bàn Quảng Nam trong những năm trở lại đây, như bài viết “*Chuyện một võ tướng thời Tây Sơn*” năm 2017



Tờ Thần xin cấm các đạo binh lấy tài vật ở đình, miếu

đăng trên báo Đà Nẵng và “Sắc phong thời Tây Sơn ở vùng Tam Kỳ” năm 2021 đăng trên báo Quảng Nam của tác giả Phú Bình. Nội dung của 2 bài viết này đều đề cập đến 2 sắc phong được lưu giữ tại nhà thờ tộc Đông làng Chiên Đàn (nay thuộc xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh), gồm sắc phong vào năm Quang Trung thứ 2 (1798) đã bị mối mọt không rõ nội dung, và sắc phong thứ 2 cho ông Đồng Công Trường vào năm Cảnh Thịnh thứ 1 (1793).

Trong bài viết “Từ một sắc phong thời Tây Sơn” của tác giả Lê Văn Huân năm 2019 đăng trên báo Quảng Nam. Tác giả giới thiệu về một sắc phong thời Tây Sơn do vua Quang Toàn ban cho ông Nguyễn Văn Cháu, một chỉ huy nghĩa quân Tây Sơn ở huyện Bình Sơn, phủ Hòa Nghĩa (nay là tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 1793 (Cảnh Thịnh năm thứ 1). Bản sao sắc phong này hiện lưu giữ tại nhà thờ phái 2 thôn Định Phước, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành.

Nhìn chung, tất cả các bài viết này giới thiệu thông tin về các tư liệu, sắc phong liên quan đến phong trào Tây Sơn được tìm thấy, phát hiện qua các cuộc sưu tầm, khảo sát của các tác giả tại Hội An, Tam Kỳ, Núi Thành.

Một nguồn tư liệu khác là Quảng Nam xã chí, tập điều tra về làng - xã Quảng Nam vào những năm 1943 - 1944 do Viện Viễn Đông Bác cổ thực hiện, trong đó

có những ghi chép về thời kỳ Tây Sơn trong 2 làng xã gồm Minh Hương và Cẩm Phô.

Tư liệu cho biết, tại làng Minh Hương, trong phần ghi chép về đình Minh Hương như sau: lúc mới thành lập là ở Cẩm Phô, gọi là Cẩm Hà cung vì gần bên Thanh Hà và Cẩm Phô lập từ khi vừa qua, sau vì thời kỳ Tây Sơn, chợ Cẩm Phô tan mất, nhân dân buôn bán ly tán nên dời về trong địa phận chính, luôn tiện lập thêm chùa Sanh Thai (Bà Vú), có bia bản để lại và thượng tích chạm ghi.

Về Tiên hiền thì thờ tại nhà Tiên hiền, có đặt 11 mẫu đất để cúng Thập lão. Còn Hậu hiền thờ 3 ông gọi là Tam gia: Trương Hoàng Cơ, Tả Quốc Tường, Ngô Đình Khoan, thờ chung số đất và trong nhà thờ ấy, còn các vị Hương hiền có sắc phong như: Lý Đại Thành làm Trung quân chân Cai vệ Khâm sai Phó vệ Thành Đức hầu, theo

vua Gia Long có công dẹp giặc được truy tặng “*Phụ Quốc công thần Quan tẩn chiêu nghị tướng quân*” người làng Minh Hương, con của Lý Vinh Quan theo truyện ký thì ông này trước là Lý Tài đầu quân Tây Sơn, sau vì Thái tử bị Tây Sơn bắt giam, giao cho ông Lý Tài giữ. Lúc nửa đêm ông dẫn Thái tử tẩu thoát, rồi vào sung quân, đợi theo vua Gia Long. Vì công đức đầy nên được tâng sớ sắc phong.

Ở làng Cẩm Phô, có đoạn chép: Giấy làm miếu Hội đồng ngày 10 tháng 11 năm Gia Long thứ 3; Giấy gây dựng lại chợ Cẩm Phô trước đình bây giờ sau khi Tây Sơn hủy phá ngày 20 tháng 9 nhuận năm Gia Long thứ [6 ?].

Tuy chưa xác định tính chính xác thông tin nhưng qua tư liệu Quảng Nam xã chí cũng đã cho biết sự có mặt của Tây Sơn ở Hội An và những tác động của phong trào này.

Đặc biệt, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An hiện đang bảo quản, lưu trữ một khối lượng tư liệu tương đối về các dấu tích, di tích liên quan đến phong trào Tây Sơn ở Hội An, trong đó bao gồm các bộ hồ sơ di tích về các nhân vật thời Tây Sơn như: Mộ Thứ phi Trần Thị Quy và các tướng quân họ Trần làng Thanh Châu (*Cẩm Thanh*), Mộ Đại Đô đốc Nguyễn Đức Lễ ở Thanh Hà, Mộ Đại đô đốc họ Nguyễn ở Trường Lệ.

Ngoài ra, tại Trung tâm còn lưu giữ các tài liệu của Minh Hương xã, đó là các loại giấy tờ kê khai đất đai, dân số, các loại văn bản hành chính, các tờ trình bẩm của các làng xã Minh Hương,

Hội An, Cẩm Phô,... có niên đại thời Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh. Đây được xem như là nguồn tài liệu quý giá để tìm hiểu, nghiên cứu về phong trào - triều Tây Sơn ở Hội An nói riêng, xứ Quảng nói chung.

Sau nhiều năm nỗ lực tìm kiếm, sưu tầm tư liệu, trong năm 2021, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức nội dung, in ấn và xuất bản ấn phẩm sách “*250 năm phong trào Tây Sơn nhìn từ Hội An*”. Tập sách giới thiệu 38 văn bản hành chính cùng những di tích, di vật về thời Tây Sơn may mắn còn sót lại tại địa phương, bước đầu tìm hiểu một số vấn đề liên quan đến phong trào Tây Sơn ở Hội An, qua đó mong muốn góp thêm một số tư liệu thực địa bổ sung cho việc nghiên cứu chung và cũng để kỷ niệm 250 năm phong trào này (1771 - 2021). Tập sách ra đời góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lịch sử của phong trào này ở Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung. Đồng thời, tập sách ra đời tạo tiền đề cho những nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện hơn không chỉ trong phạm vi Hội An, Quảng Nam.

Có thể nói, sự có mặt của phong trào - triều Tây Sơn tại Hội An, Quảng Nam đã tác động rất lớn đến tình hình chính trị - xã hội ở đây vào cuối thế kỷ XVIII. Việc nhận diện, tìm hiểu, nghiên cứu về phong trào Tây Sơn ở Hội An là việc làm thiết thực và ý nghĩa qua đó nhằm dựng lại bức tranh toàn diện về những ảnh hưởng, tác động và đóng góp của phong trào - triều Tây Sơn đối với Hội An, Quảng Nam ♦

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ PHƯỜNG XUÂN MỸ TRƯỚC NĂM 1945

CN. Trương Hoàng Vinh

Phường Xuân Mỹ là một phường nghề, đơn vị hành chính ngang xã thuộc huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Phường nghề có diện tích nhỏ và địa giới giáp với xã Thanh Hà và đặc biệt phường nghề có nhiều nghề truyền thống trong đó có nghề làm sừng lược nổi tiếng một thời. Sau năm 1945, tên gọi hành chính phường Xuân Mỹ không còn nữa và được nhập vào địa giới của làng Thanh Hà sau này là xã Cẩm Hà và phường Thanh Hà hiện nay. Dấu tích tín ngưỡng quan trọng còn lại của phường Xuân Mỹ là đình Xuân Mỹ, di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Trong bài viết này, từ các tư liệu thư tịch và khảo sát thực địa, chúng tôi xin giới thiệu một số thông tin tổng quan về phường Xuân Mỹ trước 1945 để làm rõ hơn bức tranh hành chính, văn hóa của Hội An trước 1945.

1. Về địa danh hành chính

Theo sổ bộ phường Xuân Mỹ thời Minh Mạng và theo *Đồng Khánh dư địa chí*, phường Xuân Mỹ thuộc tổng An Nhơn Trung, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đến sau năm 1945, qua các đợt sáp nhập của chính quyền cách mạng và của chính quyền ngụy thời Pháp tái chiếm, thời Việt Nam cộng hòa, địa danh Xuân Mỹ với tư cách là một phường nghề ngang với cấp xã, trực thuộc các tổng đã không còn nữa. Năm 1946 thuộc Khu II, năm

1949 thuộc khu Hội Điện, năm 1951 thuộc Khu Tây của chính quyền cách mạng Hội An. Năm 1950 thuộc khu hành chính Cẩm Phô của chính quyền thân Pháp. Trong khi đó, vào năm 1950, chính quyền thân Pháp lại có cải cách địa giới, thành lập Khu hành chính Cẩm Phô (bao gồm cả địa giới Hội An ngày nay) thuộc huyện Điện Bàn.

Tháng 7/1956, chính quyền Sài Gòn đổi xã hiệu của các xã, chữ đầu tên gọi của các xã là Cẩm (lấy từ chữ Cẩm của tên làng Cẩm Phô), lúc này các xã ở Hội An thuộc Khu hành chính Cẩm Phô gồm: Cẩm Hải, Cẩm Hà, Cẩm An, Cẩm Châu, Cẩm Thanh, Cẩm Nam, Cẩm Kim, Hội An và Xuyên Long. Tên xã Thanh Hà đã bị mất và xuất hiện tên mới là xã Cẩm Hà bao gồm địa phận của hai địa phương Thanh Hà và Cẩm Hà và ấp Cồn Động được nhập vào xã Cẩm An, vùng đất phường Xuân Mỹ trở thành một phần nhỏ của xã Cẩm Hà. Đến năm 1999, xã Cẩm Hà được tách ra thành 2 địa phương cho đến ngày nay là phường Thanh Hà và xã Cẩm Hà¹. Theo đó, vùng đất phường Xuân Mỹ hiện nay là một phần đất thuộc khối Nam Diêu, phường Thanh Hà.

¹ Theo nghị định 71/1999/NĐ-CP, ngày 16/8/1999 “Về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập phường, xã thuộc thị xã Hội An, huyện Hiên, và đổi tên huyện Giồng, tỉnh Quảng Nam”, Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hội An (2016): Lịch sử Đảng bộ thành phố Hội An (1975 - 2010), NXB Đà Nẵng, trang 323.

- Diện tích và Địa giới: Về diện tích theo bộ điền của phường Xuân Mỹ có ghi “*Bốn phường tư thổ vườn ở là 7 mẫu 5 sào 4 tấc 6 phần... Đất mộ 2 khoảnh là 2 sào... Miếu đình, chùa Phật ở xứ Châu Bang một khoảnh gồm 8 sào...*”²

Theo bộ điền phường Xuân Mỹ, phường Xuân Mỹ có địa phận ở xứ Bến Lợi, một khoảnh ở địa phận xứ Châu Bang. Và địa giới là: Phía Đông giáp xã Văn Đông³, xã Phú Triêm, xã Thanh Hà, tổng Phú Triêm; phía Bắc giáp xã Phú Triêm, xã Thanh Hà và giáp sông; phía Tây giáp xã Phú Triêm, xã Thanh Hà, phía Nam giáp sông.

+ Theo phỏng vấn hồi cố, thì phần đất của làng Xuân Mỹ xưa nay thuộc phía Đông Nam của ấp Nam Diêu và Bộc Thủy, phía Nam giáp sông.

- Phường Xuân Mỹ là vùng đất đồng bằng phù sa nhỏ hẹp giáp hạ lưu sông Thu Bồn, gần với đầm Lai Nghi, gần đường từ Hội An lên tỉnh đường ở Phú Triêm (trước 1945), gần đường Hội An - Vĩnh Điện, cách phố Hội An khoảng 3km về phía Tây. Do vậy, vùng đất này rất phù hợp cho việc trồng trọt dâu tằm, làm nông nhưng thường ngập nước vào mùa lũ đồng thời cũng thuận tiện cho việc đánh bắt sông nước, giao thương buôn bán vì cận lộ, cận giang và cận thị (gần phố Hội An). Do có diện tích nhỏ nên các dạng địa hình khác là núi, đồi, rừng, rẫy, khe, trảng, cồn, bãi, nông, kênh, lạch không có ở phường Xuân Mỹ.

² Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2020), *Làng xã ở Hội An qua tư liệu địa bạ triều Nguyễn và Quảng Nam xã chí*, Nxb Đà Nẵng, tr.104, 105.

³ Giáp cận tại một mương nước của xứ Bến Lợi và đất của xứ Châu Bang.

- Dựa vào lịch sử hình thành di tích đình phường Xuân Mỹ cho biết vào khoảng thế kỷ XVIII, đơn vị hành chính ngang xã Xuân Mỹ đã hình thành. Làng được hình thành bởi các họ lâu đời là Ngô, Huỳnh, Nguyễn, Võ và tộc Phạm, Trần, Bùi, Phùng, Hồ, Lê. Trong đó, tộc Huỳnh, tộc Võ Công có nhiều người làm lý trưởng của phường. Trong lịch sử, do có diện tích hẹp, sống cộng cư với người dân các ấp Nam Diêu, Bộc Thủy, Thanh Chiêm của Thanh Hà nên người dân phường Xuân Mỹ có sự cộng cư, giao hôn với người làng Thanh Hà. Như trường hợp gia đình ông Võ Công Khanh, có cha là người làng Xuân Mỹ, mẹ là người chuyên làm gốm ở ấp Nam Diêu. Hiện nay, đa phần người phường Xuân Mỹ đã di cư sống ở nhiều nơi, trong đó có xen cư, giao hôn với người làng Thanh Hà. Chỉ còn một số hộ là người Xuân Mỹ gốc đang sinh sống tại khu vực lân cận đình, giáp liền với Nam Diêu và Bộc Thủy. Trong đó, có nhiều người tham gia vào hoạt động sản xuất, trình diễn nghề gốm phục du khách tại làng gốm Thanh Hà.

2. Di sản văn hóa

Trong quá trình hình thành và phát triển, làng Xuân Mỹ đã lưu lại một hệ thống di sản văn hóa phi vật thể tương đối lớn.

- Về di sản văn hóa vật thể

Do phường Xuân Mỹ có diện tích không lớn, dân cư ít, có sự biến động nhiều trong lịch sử nên số lượng di tích còn lại hiện nay không nhiều. Hiện nay, chỉ còn di tích quan trọng là di tích đình Xuân Mỹ. Tại di tích có một tượng voi bằng sa thạch, mềm, màu nâu, ở miếu nhỏ trước đình, niên đại khoảng thế kỷ VIII - IX, cao 31cm, dài 42cm, hiện vật

này mang đậm dấu ấn văn tượng Champa. Ngoài ra, còn có 1 bia đá có niên đại thời vua Chính Hòa thế kỷ XVIII⁴, 1 bức hoành tên chữ của di tích năm Thành Thái thứ 5 (1894). Cách đình Xuân Mỹ về phía đông khoảng 30m có nhà thờ tộc Võ, một trong những tộc tiền



Đình Xuân Mỹ nhìn từ trên cao. Ảnh: Quang Ngọc

hiền của phường Xuân Mỹ. Về đình Xuân Mỹ, di tích nằm trong 1 khuôn viên đất có tổng diện tích là 1.780m², mặt tiền xoay về hướng Nam - Tây Nam, nhìn ra dòng sông Hội An (*hạ lưu của sông Thu Bồn*). Phía trước là khoảnh sân rộng (6m x 10m), với 1 bức bình phong, tam quan, trụ biểu nay đã bị sập (*còn lại dấu vết móng*), hai bên có 2 miếu nhỏ, bên tả là miếu thờ Lục vị tiên nương, bên hữu là miếu thờ Thổ Thần, trong miếu này có 1 tượng voi bằng đá niên đại khoảng thế kỷ VIII - IX (*tác phẩm điêu khắc của cư dân Chăm*). Toàn bộ công trình được bố cục theo kiểu “*tiền đình hậu tẩm*”, hệ vì kèo theo lối nhà rường rất truyền thống, liên kết kiểu cột tròn kê chuyền khá điển hình. Tiền đình gồm 1 gian, 2 chái nhưng 2 chái ở đây được kéo dài mở rộng thành những chái kép, tạo cho lòng đình như 3 gian 2 chái. Một gian với 4 cây cột cái liên kết theo kiểu khung cui khá vững chắc bởi hệ thống trính, xà thượng, xiên thượng, xiên hạ. Ở lòng 3, 2 đầu hồi trước của chái xây tường ngang bằng với đuôi mái, để trống

ở giữa làm lối đi tạo thành mái hiên, với lối kiến trúc này cho ta cảm giác từ ngoài nhìn vào di tích như có nhà Đông nhà Tây. Mặc dầu số lượng di tích còn lại ít ỏi, nhưng sự hình thành và tồn tại di tích đình Xuân Mỹ có niên đại khá lâu đời chứng minh phường Xuân Mỹ đã từng thịnh vượng, phát triển trong lịch sử mới có điều kiện xây dựng di tích đình phường có qui mô tương đối.

- Di sản văn hóa phi vật thể

+ Về tín ngưỡng: Theo văn tế và bố trí thờ tại đình Xuân Mỹ cho thấy hệ thống tín ngưỡng chính của phường là thờ Thành hoàng bốn xứ, tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ của làng. Hàng năm, người dân các cư tộc phái của phường dù ở nhiều nơi nhưng vẫn tập trung tổ chức lễ tế xuân (12/2 âm lịch) và tế thu (12/8 âm lịch). Di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia vào năm 1991⁵.

+ Về văn hóa ngành nghề: Phường Xuân Mỹ là một phường nghề thủ công nên nông nghiệp, chăn nuôi và trồng trọt

⁴ Bia ghi sự kiện cúng đất ở Cửa Suối cho chùa Thanh Long.

⁵ Lý lịch di tích đình Xuân Mỹ - người lập Nguyễn Chí Trung - Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An.

không phải là thể mạnh của phường nghề. Bản khai năm Minh Mạng 6 (1825) (3 trang) cho biết phường có 7 mẫu, 5 sào, 9 thước, 6 tấc đất trồng dâu. Đến bản khai năm Tự Đức 12 (1859) cho biết vào năm Tự Đức nguyên niên, đất này bị nước phá thành sông mất 3 mẫu, 9 sào, 12 thước, 2 tấc; chỉ còn lại 3 mẫu, 5 sào, 2 thước, 7 tấc. Theo địa bộ của phường Xuân Mỹ cho thấy đất đai của làng ít.

Các tư liệu thư tịch cho thấy Xuân Mỹ là một phường chuyên nghề làm lược (*sơ tượng*), ngoài ra còn có một số người làm ở cai đội Tơ sống, đội dầu phụng, nung vôi... Bản khai dân đình năm 1801 của phường cho biết các hạng dân như sau: Tiêu sai: 3 người, các hạng: 21 người trong đó biệt nạp đội Tơ sống 1 người, đội dầu phụng 1 người. Ngoài tiêu sai khách hạng 16 người trong đó có cự viên chức 4 người và 12 người ở Ty làm lược (*sơ tượng Ty*)⁶. Vào thời Tự Đức, dân đình nộp thuế của làng là 22 người (*không tính phụ nữ, trẻ em, người già trên 60 tuổi*)⁷. Nhìn chung, dân số của phường Xuân Mỹ không quá đông.

Qua các tài liệu thư tịch trên, cho thấy cư dân Xuân Mỹ lao động bằng các nghề chính sau: làm vôi, làm gạch, ngói, bốc thuốc, chằm nón, chài lưới, thợ bạc (*công tượng ở kinh sư*), trồng dâu, trồng hoa màu. Trong đó, có những thợ giỏi

được trung tập chuyên làm trong các cuộc, sở tượng của triều đình, đóng góp vào hoạt động sản xuất thủ công của triều đình, của tỉnh, của Hội An. Theo bản khai dân đình năm Minh Mạng thứ 11 của phường thì lúc này có ít nhất 8 thợ⁸. Nghề vôi đã được chính sử triều Nguyễn là Đồng Khánh dư địa chí đề cập đến trong phần thổ sản là: “*Thanh Hà làm đồ gốm. Hòa An, Xuân Mỹ có vôi trắng*”.

Đối với nghề làm sừng Xuân Mỹ được hình thành muộn nhất vào thế kỷ XIX, vào khoảng thập kỷ thứ III, thế kỷ XX ở Xuân Mỹ có 10 hộ làm đồ sừng, trong đó có ông nội ông Võ Công Khanh là Võ Châu, ông Huỳnh Tân, Nguyễn Dều... Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, chỉ có ông Võ Châu gia công đồ sừng, đến năm 1955 ông mất, gia đình này nghỉ làm đồ sừng. Về qui trình sản xuất: Người thợ thường mua nguyên liệu là sừng trâu, ngoài ra còn có ngà voi, thân cây hoa sói (*ở Cù Lao Chàm, thân màu ngà, chắc, mịn, dùng làm cò tướng rất tốt*). Sừng nai không làm được vì tiết diện sừng nai quá nhỏ. Các thợ gia công mua sừng tại những điểm mổ trâu lớn của tỉnh Quảng Nam tại La Tháp, Bảo An, Bến Đền (Gò Nổi), Bình Ninh (*Thăng Bình*), Quảng Lăng, Cổ Lưu (*Điện Nam*). Hoặc những người chuyên mổ trâu tại các địa điểm kể trên mang sừng đến Xuân Mỹ bán cho các thợ gia công. Thợ gia công sừng theo các bước chung như sau: 1. Dùng cái thừa lấy phôi sừng ra. 2. Bôi bùn lên thân sừng và tra cả đoạn sừng vào ống tre rồi

⁶ Theo báo cáo chuyên đề Tư liệu Hán Nôm làng Thanh Hà của Trần Văn An thuộc chương trình Điều tra, nghiên cứu, đề xuất hướng bảo tồn di sản văn hóa làng Thanh Hà – 2018.

⁷ Trích văn bản báo cáo tình hình dân số của phường Xuân Mỹ, tài liệu Hán Nôm về phường Xuân Mỹ lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

⁸ Tài liệu Hán Nôm lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

hơ lửa (*đây là công đoạn làm mềm, giảm độ giòn của sừng*). 3. Ép, rập thẳng sừng. 4. Dùng miết dùi (*chấn rìu bằng sắt, có tra cán*) ra vóc của mỗi loại sản phẩm sẽ làm, thường thì phần đầu nhọn của sừng được dùng làm thoi, phần giữa làm cò, phần cuối của sừng dùng làm lược. Sau đó, nếu làm lược, thợ sẽ dùng bào nạo sạch lớp da ngoài của sừng rồi lấy cưa cưa răng lược. Người thợ dùng dũa bào các góc cạnh, răng cho sắc sảo, cân đối và dùng miết (*một loại dao chuyên dùng trong nghề*) mài bén các răng lược. Người ta dùng phân sừng và tàn thuốc hoặc dùng than tranh để chà láng sản phẩm. Nghề làm sừng Xuân Mỹ tuy hiện nay không còn nhưng giá trị văn hóa của nghề, những tri thức dân gian của nghề là những tư liệu quý báu cho một thời kỳ thịnh vượng về kinh tế, đa dạng sản xuất của người dân Xuân Mỹ nói chung Hội An nói riêng.

Mặc dù địa danh của phường Xuân Mỹ không còn nữa, nhưng các thế hệ con cháu của dòng tộc, cư dân của làng di cư sang Nam Diêu, An Bang, Bộc Thủy vẫn duy trì phát huy các nghề truyền thống làm gạch, ngói, vôi. Tuy nhiên, để bảo vệ môi trường, phục vụ hoạt động tham quan du lịch tại làng gốm, ngày 24/6/2002, Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An ban hành chỉ thị số 09/2002/CT-UB về việc đình chỉ hoạt động sản xuất gạch, ngói vôi bằng các lò đốt thủ công trên địa bàn thị xã Hội An.

Phường Xuân Mỹ mặc dầu không có nông nghiệp phát triển nhưng có sự phát triển mạnh mẽ của nghề thủ công nghiệp, thương nghiệp. Bằng chứng là mặc dầu với diện tích không rộng, dân số

không đông nhưng phường nghề Xuân Mỹ đã đóng góp gần một nửa số dân ở tuổi thành niên vào các hiệp thợ của chính quyền cấp tỉnh, cấp trung ương (*triều đình*) ở sở, thuộc tượng (*hầm vôi, ép dầu phụng, ngỗa tượng*). Bên cạnh đó, sản phẩm (*vôi, gạch, ngói, lược sừng, dầu phụng...*) của phường nghề này cũng đã đóng góp vào hoạt động thương mại, xây dựng, tiêu dùng của Hội An nói riêng và của cả tỉnh Quảng Nam, miền Trung.

- Trình diễn dân gian: Liên quan đến nghề làm vôi sứ của phường Xuân Mỹ có hoạt động hò giã vôi rất phổ biến vào thời gian trước năm 1945. Bên cạnh đó, có một số người thuộc tộc Huỳnh, tộc Võ, tộc Nguyễn có tham gia với người dân ở ấp Nam Diêu trong hoạt động của đội hát bộ và các hoạt động trình diễn dân gian khác ở Cẩm Hà trước 1975.

Nhìn chung, nghiên cứu về phường Xuân Mỹ trước năm 1945 là một vấn đề khá khó khăn và phức tạp bởi trước tiên đây là một đơn vị hành chính đặc thù so với các làng xã nông nghiệp khác vào trước năm 1945 đồng thời phường Xuân Mỹ đã có sự tách nhập, không còn địa danh, khu vực cụ thể, các chức tộc phái cũng không có sự tụ cư tập trung tại vùng đất gốc nên rất khó khăn cho việc điều tra, thu thập tư liệu một cách có hệ thống. Bên cạnh đó, có một số tài liệu Hán Nôm liên quan đến phường Xuân Mỹ nhưng chưa được dịch thuật đầy đủ để có thể hệ thống hóa, thu thập thông tin theo nhiều góc độ nghiên cứu về phường nghề với tư cách một đơn vị hành chính ngang xã trước năm 1945.

Qua tìm hiểu về phường Xuân Mỹ trước năm 1945, chúng tôi xin có một số đề xuất bước đầu như sau:

- Cần có những đợt điều tra có hệ thống ở góc độ tư liệu và nhân chứng về phường Xuân Mỹ để tìm hiểu rõ hơn về nguồn gốc dân cư, định vị cụ thể về không gian địa lý, diện tích của phường Xuân Mỹ trước năm 1975. Tiếp tục dịch thuật có hệ thống, công bố các tài liệu thư tịch cổ liên quan đến phường Xuân Mỹ để phục vụ nghiên cứu chuyên sâu, phác họa tương đối đầy đủ không gian, lịch sử, hoạt động kinh tế (*cần quan tâm thêm nhất là kinh tế thương mại, ngư nghiệp, nghề làm vôi...*), vai trò và sự kết nối của phường nghề với các địa phương khác nhất là với trung tâm thương mại Hội An trước năm 1975.

- Tham vấn, điều tra hệ thống về di sản văn hóa phi vật thể của phường nghề Xuân Mỹ trước đây để làm rõ những giá trị, sự đóng góp của cộng đồng người dân phường nghề đối với di sản văn hóa phi vật thể Hội An. Cần tìm hiểu thêm có hay không việc thờ tổ nghề, các tín ngưỡng liên quan đến các nghề, qui mô tổ chức quản trị các nhóm thợ của các nghề trong lịch sử. Trong đó, cần quan tâm làm rõ thêm sự đóng góp của cộng đồng dân cư của phường Xuân Mỹ trong sự phát triển chung của làng/xã/phường Thanh Hà từ sau năm 1975 đến nay ♦

Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Công Bá (1996), *Công cuộc khai khẩn và phát triển làng xã ở Bắc Quảng Nam từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII*, Luận án PTS Khoa học Lịch sử,

Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Cao Xuân Dục (bản dịch 2003), *Đại Nam Dư Địa chí ước biên, tập 4*, Dịch và chú Thích: TS Hoàng Văn Lâu, Nhà xuất bản Văn học.

3. Phạm Hữu Đăng Đạt (2002), *Chuyện làng nghề đất Quảng*, Nxb Đà Nẵng.

4. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Trần Kính Hòa (1957), *Phố người Đường (Hoa) và việc buôn bán ở Hội An vào thế kỷ XVII - XVIII*, Sài Gòn: Tân Á học báo, quyển III, kỳ I, 01/8/1957.

6. Trung tâm QLBT Di tích Hội An (2008), *Một số nghề truyền thống ở Hội An*, Công ty cổ phần in và dịch vụ Quảng Nam.

7. Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm ở Hội An, tập 1, Văn bia*.

8. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2015), *Di tích - Danh thắng Hội An*, Nxb Đà Nẵng.

9. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2017), *Di cáo Châu Á Nguyễn Bội Liên*, Nxb Đà Nẵng

10. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2020), *Làng xã ở Hội An qua tư liệu địa bạ triều Nguyễn và Quảng Nam xã chí*, NXB Đà Nẵng.

11. Các báo cáo xử lý số liệu, báo cáo chuyên đề của chương trình Điều tra, khảo sát, đề xuất hướng bảo tồn phát huy di sản văn hóa làng Thanh Hà.

12. Các báo cáo khảo sát, báo kết quả tham vấn cộng đồng, lý lịch di tích, hồ sơ di sản văn hóa vật thể, phi vật thể liên quan đến Thanh Hà lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

13. Địa bạ làng Thanh Hà, sổ bộ phường Xuân Mỹ, tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

VỀ TRUYỀN THỐNG KHOA BẢNG, QUAN LỘ CỦA TỘC NGUYỄN VĂN ÁP TRÀ QUẾ, LÀNG THANH HÀ

CN. Võ Hồng Việt

Làng Thanh Hà (靑霞) là một trong những làng Việt được hình thành sớm ở Hội An. Dưới triều Nguyễn, làng Thanh Hà có diện tích rộng lớn với 13 xóm ấp trải rộng từ bờ bắc sông Thu Bồn đến dọc sông Đẻ Vông và giáp biển, gồm Hậu Xá, Thanh Chiêm, Nam Diêu, Bộc Thủy, An Bang, Bàu Súng, Bàu Ốc, Trảng Kèo, Cửa Suối, Bến Trễ, Đồng Nà, Trà Quế, Cồn Động. Trong lịch sử, làng Thanh Hà không chỉ nổi tiếng về nghề làm gốm, gạch ngói với nhiều nghệ nhân được triều đình trưng tập về kinh đô Huế để xây dựng các công trình kiến trúc ở hoàng cung, lăng tẩm, mà còn nổi tiếng về truyền thống hiếu học, khoa bảng như gia đình Thượng thư Bộ Binh Nguyễn Văn Diên tộc Nguyễn Văn ở tại ấp Trà Quế.

1. Người khơi dòng mạch khoa bảng ở Hội An dưới triều Nguyễn

Nằm giữa làng rau Trà Quế thơ mộng bên dòng Lộ Cảnh giang hiền hòa là ngôi từ đường tộc Nguyễn Văn. Tại đây, trang trọng trên bàn thờ chính có bài vị đề: Đế ngũ thế tổ, võ hàm: Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu đô ngự sử, văn chức: Tư Thiện đại phu - Chánh trị thượng khanh - Khâm sai đại thần, thụy: Trang Lượng đại nhân, tự: Tam Lễ tiên sinh, tướng công: Nguyễn Văn Diên chi linh vị. Theo bố trí

thờ tự trong ngôi từ đường, gia phả và văn bia cho biết, tộc Nguyễn Văn ở Trà Quế có nguồn gốc ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thủy tổ là Nguyễn Văn Tài đến định cư tại ấp Trà Quế vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Tuy không phải là một trong những tộc tiên hiền của làng Thanh Hà nhưng đây là tộc họ nổi tiếng, có truyền thống Y - Nho, khoa bảng, nhiều người đỗ đạt, làm quan như ông Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Lượng, Nguyễn Văn Yên, Nguyễn Văn Diên, Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Văn Tuyền,...

Ông Nguyễn Văn Diên sinh năm Tân Hợi (1791), thân phụ là Nguyễn Văn Yên, từng giữ chức Thư ký Bắc Thành, Hàn Lâm viện Thị giảng thời vua Gia Long, sau được phong Triều liệt đại phu. Thân mẫu là Văn Thị Tần, được vua Tự Đức phong tặng chánh tứ phẩm Cung nhân. Do được sự giáo dưỡng trong truyền thống gia đình, từ nhỏ Nguyễn Văn Diên nổi tiếng là người thông minh, hiếu học. Khoa thi Hương năm Kỷ Mão Gia Long thứ 18 (năm 1819) tại trường Trục Lệ¹, ông đỗ Cử nhân ở vị thứ 15

¹ Khoa thi Hương năm Kỷ Mão Gia Long thứ 18 (1819) thi tại 6 trường gồm Trường Trục Lệ, Nghệ An, Thanh Hoa, Thăng Long, Sơn Nam, Gia Định; lấy 112 người. Trường Trục Lệ trước đó gọi là trường Quảng Đức, về sau này gọi là trường Thừa Thiên. Khoa thi năm này do Thượng thư bộ Lại

trong số 17 người, trở thành vị cử nhân đầu tiên của Hội An dưới triều Nguyễn. Cùng đồ khoa này, ở Quảng Nam có ông Nguyễn Xuân Hải, người xã Hải Châu Chánh, huyện Hòa Vang, ông Nguyễn Văn Thành ở Giáp Đông, châu Trà Nhiêu, thuộc Hoa Châu và ông Doãn Văn Xuân ở xã Quảng Phú, huyện Lễ Dương². Sau khi đỗ đạt, ông Nguyễn Văn Diên được bổ làm quan và giao giữ nhiều chức vụ quan trọng trải qua 3 đời vua từ vua Minh Mạng nguyên niên (1820) đến vua Tự Đức ngũ niên (1852). Từ năm 1820 đến năm 1829, Nguyễn Văn Diên được bổ làm Hành tẩu Bộ Công, Tri huyện Từ Liêm, Tri phủ Quốc Oai, Tri phủ Thiệu Hóa, Lang trung Bộ Binh³. Theo sách *Đại Nam thực lục*, vào năm Minh Mạng thứ 10 (1829), Nguyễn Văn Diên, lúc này là Thự Lang trung Bộ Binh, được sung chức Tổng toàn tu để biên soạn tôn phả⁴. Từ năm Minh Mạng thứ 12 (1831) đến năm Tự Đức thứ 4 (1851), ông trải qua các chức vụ như Thự Hiệp trấn Gia Định, Thự Hiệp trấn Phiên An (1832), Bó chánh Khánh Hòa (1834), Lang trung Bộ Công (*được phong Trung Thuận Đại phu, hàm trật chánh tứ phẩm*) (1838)⁵, Biện lý Bộ

Công (1839), Tả Thị lang Bộ Công (1842), Hữu Tham tri Bộ Công (1846)⁶. Vào năm Canh Tuất Tự Đức thứ 3 (1850), Hữu Tham tri Bộ Công kiêm Hiệp lý Thủy sư Nguyễn Văn Diên được bổ làm Hộ lý Tổng đốc Định - Yên rồi Đề đốc quân vụ kiêm lý lương hướng Tổng đốc Định - Yên và Thự Thượng thư Bộ Binh kiêm Hữu Đô ngự sử của Đô Sát viện vào năm 1851⁷. Cũng năm 1850 được sung làm Khâm sai đại thần đi thanh tra Hải Dương⁸. Tháng chạp năm Tự Đức thứ 5 (1852), ông Nguyễn Văn Diên qua đời khi đương chức Thự Tổng đốc Định - Yên, thọ 61 tuổi. Hơn 30 năm làm quan trong triều cũng như tại các địa phương, Nguyễn Văn Diên được xem là người tài năng, có công không chỉ trong việc tiêu trừ thổ phỉ, cướp biển giữ an yên cho đời sống của nhân dân mà còn trong việc sửa chữa Hiếu lăng, Hiếu Đông lăng, vườn Cơ Hạ,... Do vậy, khi ông mất, vua Tự Đức thương xót bèn “*chuẩn cho thự thụ Tổng đốc, cấp tiền tuất, lại cho thêm 600 quan tiền, 2 cây gấm, 3 tấm sa, sai quan đến tế*”⁹. Phẩm hạnh, đạo đức của ông được quan lại, nhân dân Định Yên và Tiến sĩ Phạm Văn Nghị ca ngợi trong bài văn khắc tại bia mộ:

“...Xem như: Ngài chế đài Nguyễn Tương Công, ôn hòa độ lượng, mát mẽ như gió thoảng xa nên khoa thế 3 quốc

Nguyễn Hữu Thận làm Đề điều, Cai bạ trấn Bình Định Vũ Xuân Cẩn làm Giám thí, Thiêm sự bộ Lễ Nguyễn Đăng Tuấn làm Giám khảo

² Cao Xuân Dục, *Quốc Triều Hương khoa lục*, Nxb Lao Động và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây xuất bản, tr.101-102

³ Theo văn bia tại mộ Nguyễn Văn Diên lập năm Tân Dậu (1861)

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo Dục, 2007, tr.818.

⁵ Sắc phong năm này có đoạn “*Nay tòng tứ phẩm về tòng Thừa biện công vụ Bộ Công Nguyễn Văn Diên xuất thân là nho gia, có danh tiếng nguyên tắc trong lúc làm quan, là người có mưu lược, có công lao, ngay thẳng, cương trực. Về chính thuật có thể nói là thanh khiết, cẩn trọng chuyên cần, việc quan luôn tự*

răn nhủ mình phải miễn cán, sáng suốt, tận tâm với triều đình. Nay trẫm đặc biệt gia phong là Trung Thuận Đại phu Lang trung Bộ Công, hàm trật chánh tứ phẩm. Trẫm ban ân điển tứ cho cáo mệnh” tr. 190.

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđđ*, tập 3, 4, 5, 6.

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđđ*, tập 7, tr.188

⁸ Theo văn bia tại mộ Nguyễn Văn Diên lập năm Tân Dậu (1861)

⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđđ*, tập 7, tr.257. Sắc phong cho Nguyễn Văn Diên năm Tự Đức thứ 4



Mộ Thượng thư bộ Binh Nguyễn Văn Diên. Ảnh: Hồng Việt

triều ta, đáng hiển tài sớm đạt, trải hoạn đồ hơn 30 năm. Trời đất cho dài nối, năm Canh Tuất đầu mùa thu theo ngọn cờ sùy vào Nam, làm việc chánh không nhiều phiền, ơn xuống đến kẻ thôn ở, người đều hưởng nhờ hòa khí, tình thâm đến kẻ hào thân. Xử sự tròn mà thông suốt nên việc không ứ đọng, thận kính mà giản đơn nên người người đều thân mến(...) Ân cần mà nghiêm lệ, tiếp vật khoan hồng bình dị gần dân, kẻ trí không hoảng hốt, người ngu thì được dạy rằng, phân biệt rõ hình tích, không xa lìa thế tục, mà trị thủ định đoạt yên ổn 4 phủ và 18 huyện của tỉnh Nam Định(...) Kiện thừa thì lấy tình mà thỏa xử, kiểm chế mà có pháp luật, không vì có gì mà để người dân phải bị nghiêm khắc. Có tật dịch thì phái người cho thuốc trị. Năm bị úng hạn thì tự mình cầu đảo và cầu xin

phát chẩn, dân có nể hồi sinh sau cơn khát đói và cầu xin hoãn thuế khóa. Kẻ hương lý không ai lo tay không. Việc công thông thả không quên Nho thuật, lấy văn chương mà làm thân với học giả, họ đều vui cười được vị nho sư đàm ẩm cái phong khí đại nhã. Quan cai trị mà đến với dân để cổ lệ sĩ phu như nắng mùa đông và bóng mát mùa hạ. Khá mến, khá mộ vậy, duy lấy lòng thành mà đãi vật thì vật cũng trả lòng thành, không ác với người thì người không ác lại. Nếu không phải có đức độ chân thật thì làm sao được tốt như vậy..."¹⁰

Hiện nay, mộ ông Nguyễn Văn Diên tọa lạc trên một gò đất cao cạnh

¹⁰ Theo văn bia tại mộ Nguyễn Văn Diên (Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 1- Văn bia, Sở Truyền thông - Thông tin Quảng Nam cấp phép xuất bản*. tr.182.)

đầm Trà Quế, xung quanh là vườn rau xanh mướt. Ngôi mộ xoay về hướng Tây Nam, quy mô khá lớn, mặt trước của trụ công có câu đối Hán Nôm: “*Bạch vân ẩn ước triều hoàn mộ, Hoàng Hạc y hy khứ phục lai*”. Câu đối Hán Nôm trên trụ biểu đề: “*Kim bảng đề danh tự cổ phương truyền lưu hậu thế, Huân công ký tích nhi kim hân hưởng đức tiền nhân*”. Trên nhà bia đắp nổi dòng chữ Hán: “*Nguyễn Tướng Công Chi Mộ*” và cặp câu đối Hán Nôm: “*Tư thiện Đại phu dĩ văn đức phù an xã tắc; Thượng thư Bộ Binh dụng võ công báo nghĩa quốc dân*”. Trong nhà bia có đặt tấm bia lớn bằng cẩm thạch trắng với hai mặt đều khắc minh văn về cuộc đời và sự nghiệp ông Nguyễn Văn Diển. Nắm mộ phía sau nhà bia được ghép bởi 5 phiến sa thạch lớn màu xám xanh. Là nơi yên nghỉ của một vị đại thần có nhiều cống hiến cho đất nước trên lĩnh vực chính trị và quân sự, một vị quan thanh liêm cương trực..., do vậy, ngôi mộ không chỉ là di tích có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học mà còn có ý nghĩa lớn trong việc giáo dục truyền thống hiếu học khoa bảng của địa phương.

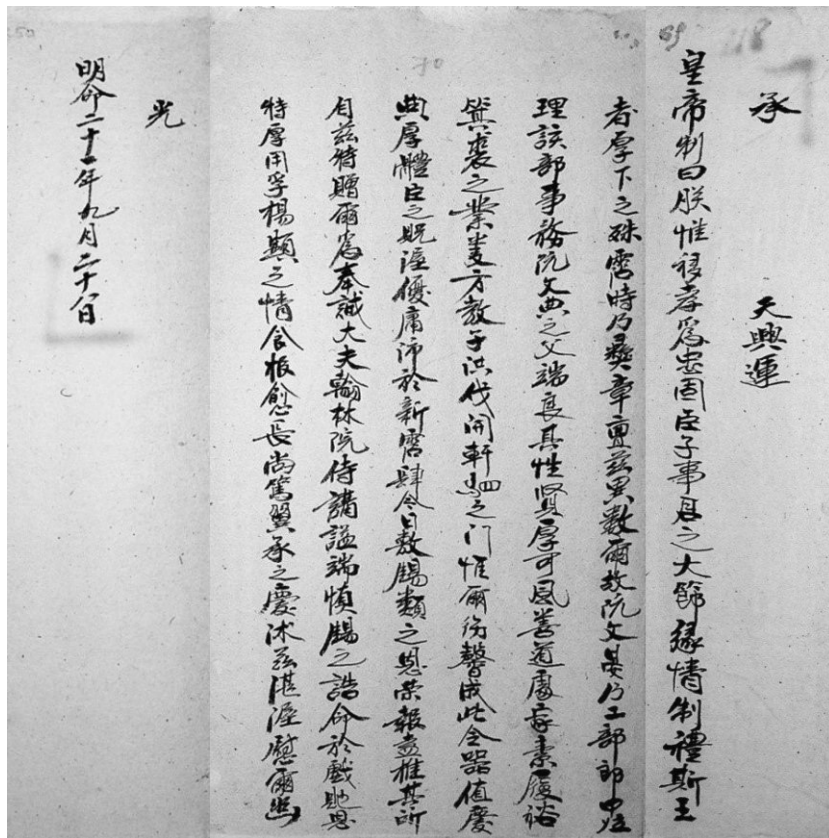
2. Những ân tứ của triều đình và sự tiếp nối truyền thống khoa bảng, quan lộ trong gia đình, dòng tộc

Theo gia phả, ông Nguyễn Văn Dương (*ông nội của Thượng thư Bộ Binh Nguyễn Văn Diển*) là một nhà Nho, thầy thuốc nổi tiếng. Sang đời con là Nguyễn Văn Yên (*thân phụ Thượng thư Bộ Binh Nguyễn Văn Diển*), tự là Thanh Trai (清齋), theo nghiệp võ, làm quan dưới thời vua Gia Long. Nguyễn Văn Huy (*em của Nguyễn Văn Diển*) làm Tri huyện Hòa

Vang, rồi Tri phủ Điện Bàn. Con của ông Nguyễn Văn Diển là Nguyễn Văn Tuyển thi đỗ cử nhân khoa Mậu Thân dưới thời vua Tự Đức (1848), giữ chức Thủ ấn Đồng lý đại thần, sau được bổ làm Án sát Hà Nội; con trai thứ Nguyễn Văn Hiến được vua Tự Đức cho làm hàm Chánh thất phẩm và theo học tập ở bộ Binh. Về sau giữ chức Thông phán Bố chánh sứ ti tỉnh Bình Thuận. Năm Tự Đức thứ 15 (1862) được bổ làm Tri huyện Tuy Phong.

Trong đợt sưu tầm tư liệu Hán Nôm về Hội An, Quảng Nam ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm năm 2020, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã sao chụp hơn 3000 trang tư liệu của bộ Quảng Nam tỉnh tạp biên do Viện Viễn Đông bác cổ và Hội Văn hóa dân gian Đông Dương thực hiện vào đầu thế kỷ 20. Trong tài liệu này ghi chép về hoành phi, liễn đối, sắc phong của nhiều di tích và tại các gia đình/dòng họ ở Hội An. Trong đó có 6 bản sao sắc phong về một số nhân vật tộc Nguyễn trong gia đình Thượng thư Bộ Binh Nguyễn Văn Diển (*Nguyễn Văn Yên: 1, Văn Thị Tần: 2, Nguyễn Văn Diển: 2, Nguyễn Văn Hiến: 1*).

Về ông Nguyễn Văn Yên, năm Minh Mạng thứ 21 (1840) được triều đình sắc phong chức là Hàn Lâm viện Thị giảng Phụng Thành Đại phu thụ là Đoan Thận. Sắc phong của Triều đình đã khen ông “*là người ngay thẳng, trong sạch, tính tình hiền hậu, lễ lối, trong gia đình là người cao khiết, thanh đạm, phẩm hạnh khoan dung, thuận theo phép tắc, lễ nghi, công lao vẻ vang ở nơi chức*



Sắc phong ông Nguyễn Văn Yên năm Minh Mạng thứ 21 (1840)

ngiệp”¹¹. Về sau được ban là Triều Liệt Đại phu Hàn Lâm viện Thị giảng Học sĩ, rồi được gia tặng là Trung Thuận Đại phu Hàn Lâm viện Thị độc Học sĩ¹². Cũng vào năm Minh Mạng thứ 21 (1840), bà Văn Thị Tần, thân mẫu của Nguyễn Văn Diên cũng được triều đình sắc phong ban cho là Tông Ngũ phẩm Nghi nhân. Ghi nhận và tán dương công lao trong việc nuôi dạy con cháu học hành đỗ đạt, giữ gìn lễ nghĩa, đức hạnh của bà, sắc phong có đoạn: “Liệt truyện sáng rực nơi tối tăm, Nhà hiền lương nổi

đanh thực nữ, Phụng minh hòa hợp muôn đời hưng thịnh, Gia phong đức hạnh của người sáng rực nơi phép tắc, Nghìn năm nối tiếp bao đời, Mẫu tử tài đức hiển lương, Diên lễ nay cao dày, ban bố ơn lành phúc rộng, Bèn nay đem hết sức mình rực rỡ, báo đền ơn đức sung mãn”¹³. Đến năm Tự Đức thứ 2 (1849) tiếp tục được phong Chánh Tứ phẩm cung nhân. Sắc phong ghi: “Khuôn phép tốt rực rỡ tiếng tăm, Nhà hiền lương nổi danh

thực nữ, Nên đôi lứa, hợp vẻ tốt phượng chiêm, thuận hòa gia đạo, Sinh cháu con, rực diêm lành hùng mộng, trụ cột nước nhà, Phúc ảm nhiều đời tiếp nối; Sung ân bao đợt tặng phong; Bèn nay đại điển khánh thành, ban bố ơn sâu rộng khắp; Nhà người phúc lành giữ trọn, phải nên long trọng biểu dương; Nay đặc biệt gia tặng người là chánh tứ phẩm Cung nhân, ban cho sắc quý.”¹⁴

Về Nguyễn Văn Hiên, năm Tự Đức thứ 15 (1862) được sắc phong ban hàm

¹¹ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2021), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 6 – Sắc phong*, Nxb Đà Nẵng, tr. 186. (Sắc phong vào ngày 26/9/1840)

¹² Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2021), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 6 – Sắc phong*, Nxb Đà Nẵng, tr. 188. (Sắc phong ngày 28/9/1840)

¹³ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2021), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 6 – Sắc phong*, Nxb Đà Nẵng, tr. 188. (Sắc phong ngày 28/9/1840)

¹⁴ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2021), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 6 – Sắc phong*, Nxb Đà Nẵng, tr. 190. (Sắc phong ngày 26 tháng 10 năm Tự Đức thứ 2 (1849))

Văn lâm lang và bỏ làm Tri huyện huyện Tuy Phong. Nhận xét về Nguyễn Văn Hiến, sắc phong có đoạn, “*tài năng thật đáng ghi nhận, đức hạnh đáng được nêu gương, lúc ẩn dật vẫn miệt mài luyện tập, chẳng hề buông bỏ bút nghiên. Khi làm quan càng hăng hái thừa hành, khiến cho đồng liêu nể phục*”¹⁵

Dưới triều Nguyễn, bên cạnh gia đình Thượng thư Nguyễn Tường Vân (và dòng họ Nguyễn Tường) làng Cẩm Phô với nhiều người đỗ đạt cao, làm quan giữ chức vụ quan trọng, nổi tiếng về văn chương, thì gia đình Thượng thư Nguyễn Văn Diên làng Thanh Hà càng góp phần làm rạng rỡ thêm truyền thống hiếu học, khoa bảng, quan lộ của người Hội An. Thiết nghĩ, để phát huy truyền thống hiếu học và khích lệ tinh thần học tập cống hiến xây dựng quê hương đối với thế hệ trẻ Hội An cần có một không gian trưng bày chuyên đề về chủ đề này ♦

Tài liệu tham khảo

1. Cao Xuân Dục, *Quốc Triều Hương khoa lục*, Nxb Lao Động và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây xuất bản.

2. Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn, Dinh Quảng Nam*, tập 2, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

3. Phạm Ngô Minh, Trương Duy Hy (2007), *Khoa bảng Quảng Nam dưới thời nhà Nguyễn 1601-1919*, Nxb Văn nghệ, 2007.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo Dục, 2007.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb Giáo Dục, 2007.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb Giáo Dục, 2007

7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb Giáo Dục, 2007

8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, Nxb Giáo Dục, 2007

9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo Dục, 2007

10. Trần Thanh Tâm (2000), *Quan chức nhà Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2000

11. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu Mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội

12. Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An*, tập 1- Văn bia, Sở Truyền thông - Thông tin Quảng Nam cấp phép xuất bản.

13. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2021), *Di sản Hán Nôm Hội An*, tập 6 - Sắc phong, Nxb Đà Nẵng.

¹⁵ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2021), *Di sản Hán Nôm Hội An*, tập 6 – Sắc phong, Nxb Đà Nẵng, tr. 197. (Sắc phong ngày 11 tháng 7 năm Tự Đức thứ 15 (1862))

HIỆU SÁCH Ở HỘI AN THỜI VANG BÓNG

CN. Khiếu Thị Hoài

Trong ký ức những người Hội An được sinh ra và lớn lên ở thập niên 60 của thế kỷ XX trở về trước, các hiệu sách trong phố là nơi lưu giữ nhiều kỷ niệm về truyền thống đọc sách được nuôi dưỡng qua nhiều thế hệ, từ đó, dần hình thành các tầng lớp trí thức tinh hoa nhờ nền tảng văn hóa đọc - niềm tự hào của người dân phố Hội thời vang bóng.

Những hiệu sách qua tư liệu và tham vấn cộng đồng

Theo tư liệu trong hồi ký của cụ Huỳnh Thúc Kháng, Hội An xưa cùng Thanh Hà (*Huế*) là hai nơi cụ Phan Châu Trinh từng đọc tân thư để rồi từ đó khởi sự phong trào Duy Tân. Hội An cũng là nơi các sĩ phu khắp miền Trung cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 tụ tập về “*nằm chờ*” để đón những cuốn sách mới nhất được nhập về theo đường thủy ở thương cảng Hội An. Một trong những địa chỉ các trí thức yêu nước thường đến trao đổi tân thư ở Hội An thời kỳ này là nhà sách Đức An.

Trong buổi tham vấn cộng đồng do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức năm 2018, ông Thái Tế Thông cho biết, hiệu sách sớm nhất ở Hội An là hiệu Trường Xuân của ông Lê Văn Miên, nằm ở góc đường Trần Phú - Lê Lợi (*nay là ngôi nhà số 76 Lê Lợi*). Hiệu sách này được hình thành trước năm 1945. Thời đó, ngoài hiệu sách Trường Xuân, trong các hiệu buôn tại

Hội An đều có bán sách Hán Nôm được in trong nước hoặc nhập từ Trung Quốc về như Lục Vân Tiên, truyện Kiều hoặc các sách truyện của Trung Quốc như Tam Quốc Chí,...¹

Cũng theo lời kể của những vị cao niên trong các cuộc tham vấn cộng đồng, vào khoảng thời gian từ 1930 - 1945, hiệu Phi Anh trước khi bán tạp hóa cũng bán sách và đàn guitar. Trước cửa hiệu có ghi dòng chữ “*Hiệu sách Phi Anh chuyên kinh doanh sách vở, nhạc cụ*”².

Từ năm 1954 đến khoảng năm 1975, trong phạm vi phố cổ đã có đến chục hiệu sách và hai nhà in/hiệu sách (*bên cạnh việc in ấn cũng kinh doanh sách, báo*), có thể kể tên như: Trên đường Trần Phú (*trước là đường Cường Để*) có các hiệu sách: Bình Minh, Rạng Đông, Trương Kim Điền, Nam Ngãi. Trên đường Nguyễn Thị Minh Khai (*đường Duy Tân cũ*), đoạn gần Chùa Cầu có nhà in/hiệu sách Đại Đồng. Đường Lê Lợi có hiệu sách Thống Nhất, Châu Trí, Vạn Hòa, đường Nguyễn Thái Học có hiệu sách Nguyên Thắng (*sau này là nhà ông Hứa Văn Bân, số 72 Nguyễn Thái Học*), hiệu sách Lửa Hồng của gia đình thầy Lê Khuê, đường Trần Quý Cáp có hiệu sách Nhất Tiểu (*sau này đổi tên là*

¹ Dẫn theo “Báo cáo tổng kết hoạt động tham vấn ký ức về di sản văn hóa ở Khu phố cổ Hội An” - CN. Trương Hoàng Vinh thực hiện

² Báo cáo xử lý tư liệu ký ức về hoạt động buôn bán trong Khu phố cổ (Phòng Quản lý Di sản)

nhà sách Trùng Dương), đường Phạm Phú Quốc (nay là đường Trần Hưng Đạo) có hiệu sách Khai Trí⁽³⁾. Rất nhiều tác phẩm thuộc hàng “kinh điển” của văn học thế giới có thể tìm thấy tại các hiệu sách này.

Ông Lưu Văn Tuyên nhớ lại, trước năm 1975, ngoài các hiệu sách, trên đường Cường Để còn có một cửa hàng chuyên cho thuê truyện (nay là nhà cổ Đức An, số 129 Trần Phú). Truyện cho thuê nhiều nhất lúc bấy giờ là truyện võ hiệp kỳ tình của Kim Dung - dịch giả Hàn Giang Nhân, truyện của Duyên Anh (Vũ Mộng Long) như “*Hoa thiên lý*”, “*Thằng Côn*”, “*Bồn Lừa*”, “*Dzũng Đa Kao*”, “*Ngày xưa còn bé*”, “*Chương còm*”, “*Con Thúy*”...

Kỷ niệm về những hiệu sách trong ký ức của hậu duệ

Lần theo tư liệu trong những cuộc tham vấn cộng đồng do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An thực hiện, chúng tôi đi tìm hậu duệ của các hiệu sách Hội An một thời vang bóng. Con, cháu của những chủ hiệu sách xưa giờ đây đã sinh sống ở ngoài khu phố cổ hoặc định cư ở nước ngoài, nhiều ngôi nhà/hiệu sách đã đổi chủ hoặc chuyển sang buôn bán mặt hàng khác. Nhưng kỳ diệu thay, trải qua chiến tranh và nhiều

biến động của lịch sử, có hiệu sách vẫn còn giữ nguyên bằng hiệu cũ như nhà sách Bình Minh, có hiệu sách dù nay đã chuyển sang kinh doanh mặt hàng khác nhưng vẫn lấy tên cũ như nhà sách Trùng Dương. Đặc biệt, kỷ niệm thời ấu thơ gắn với hiệu sách xưa của gia đình vẫn là niềm tự hào của mỗi hậu duệ khi họ nhắc nhớ.

Nhà sách Trùng Dương ở số 04 Trần Quý Cáp nay kinh doanh vali, túi xách nhưng tấm biển hiệu bằng gỗ, dù mới được làm lại, trên đó vẫn ghi “*Dụng cụ, văn phòng phẩm, vali túi xách Trùng Dương*”. Bà Trịnh Thị Minh, hậu duệ của nhà sách kể: “*Trước đây hiệu sách tên là Nhất Tiểu, ban đầu chỉ là một hiệu sách nhỏ, gần đối diện với hiệu sách Thống Nhất, nằm trên đường Lê Lợi. Nhà sách Nhất Tiểu là ghép tên của ông Tiểu (anh trai của bà Minh) và ông Nhất (bạn của anh Tiểu). Từ năm 1970 trở đi, một phần do ông Nhất không còn hùn vốn kinh doanh với ông Tiểu, nhưng phần nhiều là do khi đó, ông Thảo, người anh thứ nhì trong gia đình của bà Minh quá mê tiểu thuyết kiếm hiệp nên ông đổi tên nhà sách là Trùng Dương - đặt theo tên của Vương Trùng Dương - một nhân vật trong bộ sách kiếm hiệp*”.

Bà Lê Thị Mỹ Tuyết, hậu duệ của nhà sách Thống Nhất (nay là nhà số 43 Lê Lợi) nhớ lại: Ba của bà người Quảng Trị, mẹ người Huế, ba mẹ của bà đến Hội An sinh sống, lập nghiệp. Khi mới khởi nghiệp, gia đình chỉ có một cái sạp nhỏ ở vỉa hè đường Lê Lợi, ba mẹ bà phải lấy những hòn đá chặn lên các tờ báo để ngăn cho báo khỏi bị gió làm bay. Đến năm 1962, khi mua được ngôi nhà ở đường Lê Lợi để mở cửa hàng bán sách, bố mẹ bà đặt tên nhà sách là Thống Nhất với ước mơ hai miền đất nước hết cảnh

³ Theo tư liệu tham vấn cộng đồng của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An và nội dung trả lời phỏng vấn của các ông Trần Xuân Mẫn, Đặng Kế Đông, Lưu Văn Tuyên, Trương Duy Trí: *Địa chỉ các nhà sách xưa trên đường Trần Phú (hiện nay): Rạng Đông (số nhà 40), Bình Minh (số nhà 45), Trương Kim Điền (số nhà 81), Nam Ngãi (số nhà 93); Trên đường Nguyễn Thái Học (hiện nay): Phi Anh (nhà số 14), Lừa Hồng (số nhà 36), Nguyễn Thắng (số nhà 72); Trên đường Lê Lợi (hiện nay): Thống Nhất (số nhà 43), Vạn Hòa (số nhà 51), Châu Trí (số nhà 53), Trường Xuân (số nhà 76); Trên đường Trần Quý Cáp (hiện nay): Trùng Dương (số nhà 04).*

chia cắt. Từ lúc mua được ngôi nhà để mở cửa hàng, gia đình bà vừa bán sách vừa bán báo. Sách của các tác giả thuộc nhóm Tự lực văn đoàn bán chạy nhất. Bà Tuyết thích sưu tầm nên dù đã đọc hết các tờ báo trong lúc trông hàng giúp ba mẹ, bà vẫn giữ các tờ báo yêu thích để làm một bộ của riêng mình. Nhiều hôm mẹ của bà biết, bảo “*Người ta mua không ra báo, con đọc xong rồi thì bày ra để họ mua chứ cất đi làm chi*” nhưng bà Tuyết vẫn lén giữ lại các tờ báo, cất giữ cẩn thận, sắp xếp theo số thứ tự. Sau chiến tranh, bộ sưu tầm ấy đã bị thất lạc và cho đến tận bây giờ bà vẫn không nguôi nuối tiếc. Bà Tuyết kể, tuy thời đó nhà bà trưng biển hiệu “*Nhà sách Thống Nhất bán sách, báo, tiểu thuyết, bút chì văn phòng*” nhưng cảnh hàng ngày người dân đứng xếp hàng mua báo trước cửa nhà diễn ra nhiều lần nên đến nay, khá nhiều người Hội An vẫn nghĩ nhà bà chỉ bán báo. Người ta mua báo, một phần để đọc nhưng bên cạnh đó, họ còn tìm những hình, chữ, số được in ở một góc nhỏ của tờ báo để đoán số, đánh đề. Bà kể, người dân xem hình và đoán trật, mua số bị thua hoài nhưng không hiểu vì sao, như một thú vui hấp dẫn, mỗi ngày họ đều đứng xếp hàng chờ đến giờ báo được chuyển về để mua cho được những tờ báo ấy.

Đam mê đọc và những kỷ niệm ấu thơ

Nghệ sĩ nhiếp ảnh Đặng Kế Đông có nhiều kỷ niệm ấu thơ gắn với nhà sách Bình Minh bởi hồi đó gia đình ông ở ngay sát vách hiệu sách. Mỗi ngày, khi chiều dần về tối, xe chở sách về đến cửa hiệu, ông thường chạy ra phụ giúp việc bung sách vào nhà, phân loại và xếp sách lên kệ. Ông thuộc nằm lòng những khu vực trưng bày sách trong cửa hàng nên



làm rất nhanh và chính xác. Là một hiệu sách lớn, Bình Minh bán từ sách truyện đến các loại sách giáo khoa, các loại báo, tạp chí. Biển hiệu với dòng chữ “*Nhà sách Bình Minh*” được đục bê tông chắc chắn, kiểu chữ ngay ngắn được gắn bóng điện nên ông sáng trưng vào các buổi tối, cho đến khuya. Nhờ ở ngay bên cạnh nhà sách, lại được tín nhiệm, ưu ái nên những buổi trưa, khi trông coi giúp cửa hàng, ông Đông tranh thủ đọc tiểu thuyết, nhiều lần đang đọc dở thì có người mua cuốn đó thành ra sau này ông chỉ chọn đọc truyện ngắn và báo hay những tạp chí giàu hàm lượng kiến thức, văn hóa. Có lẽ, chính nhờ việc đọc sách và tích lũy kiến thức văn hóa từ nhỏ nên mãi cho đến sau này, dù say mê vẽ tranh, chụp ảnh, ông vẫn là người có thói quen đọc sách và trở thành người ham đọc cho đến tận bây giờ.

Đa số người Hội An ngày đó đọc sách vì đam mê, nên mới có chuyện trẻ con nhin ăn sáng để dành tiền mua sách, không có tiền thì đi đọc... cộp (*đọc nhờ, đọc mà không phải trả tiền thuê, tiền mua*) hay chuyền tay nhau đọc một cuốn sách, một bộ sách cho đã. Nhắc nhớ kỷ niệm về đọc cộp sách, ông Nguyễn Như Vũ, nhà sát cạnh Chùa Cầu vẫn rom róm nước mắt vì cảm động. Hồi đó, ông thường đến nhà sách Nam Ngãi đọc cộp, người chủ hiệu sách, là người từ Quảng Ngãi ra Hội An lập nghiệp, hỏi ông vì

sao không mua. Ông Vũ nói “*nhà con nghèo, không có tiền mua sách*”, lúc trả lời cũng có đôi chút lo lắng sẽ bị la. Nhưng không, người chủ hiệu sách Nam Ngãi bảo “*lần sau con cứ đến đây đọc, còn cuốn này thì bác tặng cho con*”.

Nhà văn Nguyễn Ngọc - người có tuổi thơ của mình ở Hội An - kể rằng ngày ấy hầu như nhà nào ở Hội An cũng có một tủ sách gia đình. Trong chiến tranh bom đạn dữ dội và ngay cả khi gia đình đi tản cư, bố mẹ ông vẫn giữ gìn tủ sách ấy cẩn thận nên 9 năm sau ông trở về, tủ sách vẫn còn nguyên vẹn.

Một kỷ niệm có nhiều ảnh hưởng đến niềm đam mê văn chương của nhà văn Nguyễn Ngọc sau này chính là lần ông được đọc “*Vang bóng một thời*” của nhà văn Nguyễn Tuân tại nhà ông Châu Tường Anh. Ông Tường Anh hơn nhà văn Nguyễn Ngọc 4 tuổi, thời bấy giờ, hơn nhau 4 tuổi là một khoảng cách khá lớn. Vì quá mê tủ sách của ông Châu Tường Anh, nhà văn Nguyễn Ngọc quyết phải làm bạn với ông Tường Anh. Một hôm, ông Tường Anh nhấc ông sang nhà, tới nơi đã thấy ông Tường Anh đốt một lò hương trầm trên bàn và bảo ông ngồi xuống, đặt hai tay dưới gầm bàn chứ không được đặt tay vào cuốn sách trước mặt. Đó là bản đặc biệt của cuốn “*Vang bóng một thời*”, in bằng giấy dó, nhà in dành riêng 100 cuốn tặng cho tác giả. Ông Châu Tường Anh dùng một con dao làm bằng ngà mở từng trang sách cho ông Ngọc đọc. Ở trang đầu cuốn sách có dòng chữ đề tặng: “*Kính tặng Tường Anh Châu Công Tử*”, bên dưới là chữ ký bay bổng của Nguyễn Tuân cùng dấu triện đỏ hình cánh bướm.

Thời đó, nhà văn Nguyễn Tuân đang nổi tiếng và khoảng cách tuổi tác giữa nhà văn Nguyễn Tuân với ông Châu

Tường Anh cũng rất lớn vậy mà giữa hai người lại có sự tâm giao, tương kính đến thế. Điều này khiến nhà văn Nguyễn Ngọc vừa kinh ngạc vừa ngưỡng mộ Châu Tường Anh.

Sau này, nhà văn Nguyễn Ngọc tâm sự rằng cuộc đời ông có khi đi vào ham muốn viết văn cũng chính từ kỷ niệm đọc “*Vang bóng một thời*” của Nguyễn Tuân trong buổi tối hôm đó tại nhà ông Châu Tường Anh.

Nhạc sĩ Trần Tiến từng nói: “*Ngôi nhà không có sách trông hoang lạnh. Mặt người không có chữ trông vô hồn*”. Nhà văn Nguyễn Ngọc cũng có lần nói, chỉ khi nào sự đọc trở thành một nhu cầu bình thường của con người, chỉ khi nào con người ta đọc sách một cách vô vụ lợi chứ không phải đọc vì một mục đích nào thì đó mới chính là văn hóa đọc. Một tiêu chí quan trọng để có đời sống văn hóa phong phú chính là văn hóa đọc, được hiểu theo nghĩa việc đọc là một nhu cầu bình thường của mỗi người.

Hội An trong thời kỳ trước 1975 với lợi thế là trung tâm giáo dục của tỉnh Quảng Nam, từ đây hình thành nên nhiều nhà sách và văn hóa đọc phát triển⁽⁴⁾. Những nhà sách thời vang bóng đã góp phần lớn trong việc hình thành nên một tầng lớp tinh hoa, tiếp cận giáo dục, văn hóa phương Tây, âm nhạc phương Tây.... ươm mầm, góp phần nuôi dưỡng nên những tài năng lớn của đất nước trong nhiều lĩnh vực không chỉ tại Hội An mà còn nhiều người đến từ các huyện thị trong toàn tỉnh Quảng Nam♦

⁴ Báo cáo “Tổng kết hoạt động tham vấn ký ức về di sản văn hóa ở Khu phố cổ Hội An” của CN. Trương Hoàng Vinh.

HÌNH TƯỢNG HỔ TRÊN DI TÍCH TÍN NGƯỠNG Ở HỘI AN

KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc

Hình tượng hổ, một loài dã thú đã in sâu trong ký ức của nhiều vùng đất, nhiều sắc tộc. Chúng đã sớm xuất hiện trong văn học, nghệ thuật, kiến trúc... ở Việt Nam. Trong mỹ thuật truyền thống Việt Nam, hình tượng hổ cũng khoác lên mình nhiều ý nghĩa mang tính biểu tượng. *“Hổ đứng trong hàng ngũ những vị vua của các loài dã thú. Hình tượng con hổ là một trong những con vật chứa đựng nhiều sự ẩn dụ hơn bất cứ con dã thú nào khác. Với người phương Bắc, nó biểu tượng cho quyền uy, chất dũng mãnh của những chiến binh trận mạc”*¹. Vì thế, người xưa thần thánh hóa hổ, và quan niệm rằng hổ có sức mạnh thiêng liêng giúp trấn giữ, chống lại tà ma để bảo vệ cho cuộc sống người dân được phát triển yên ổn, ấm no. Đồ án hổ thường được sử dụng trang trí tại các di tích kiến trúc, các vật dụng nội thất, tranh dân gian...

Trong phong thủy về xây dựng, những thế đất *“Tả Thanh long, hữu Bạch hổ”* được cho là những vị thế đẹp, có linh khí. Trong lĩnh vực kiến trúc truyền thống, các nhà nghiên cứu đã có nhận định: *“những con hổ đắp hay vẽ chủ yếu là sản phẩm của nghệ thuật từ cuối thế*

*kỷ XIX trở đi. Hổ có mặt ngay ở cửa các di tích gắn với Nho giáo, mang tư cách tượng trưng cho học vị cử nhân (bảng rồng, bảng hổ). Nó cũng được tạo ra ở chính giữa nhiều bức bình phong che cửa của các ngôi đền, nhằm tương xứng với oai linh của Thần”*². Ở khu vực Quảng Nam nói chung và Hội An nói riêng, hình tượng hổ cũng được thấy trong kiến trúc đình, miếu. Đồ án hổ được đắp nổi bằng vữa là hình ảnh khá quen thuộc thường thấy tại bình phong một số di tích tín ngưỡng.

* Hình tượng hổ trên di tích tín ngưỡng ở Hội An

Thông kê ban đầu của chúng tôi cho biết, ở Hội An hiện có khoảng 14 di tích tín ngưỡng (trong Danh mục di tích được bảo vệ của Thành phố) có sử dụng đồ án hổ để trang trí, phân bố rải rác khắp khu vực Hội An, tuy nhiên nhiều nhất lại là khu vực xã đảo Tân Hiệp (Cù Lao Chàm) với 07 di tích. Dạo một vòng các địa phương lân cận Hội An, dễ dàng bắt gặp một vài ngôi miếu nhỏ ven đường với bình phong trang trí hình con hổ. So với các con vật trong tứ linh hay long mã thì hổ xuất hiện với tần suất ít hơn nhiều, nhưng ở một khu vực đồng

¹Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb Thuận Hóa, tr.96.

² Nguyễn Tiến Cảnh (Chủ biên), Nguyễn Du Chi, Trần Lâm Biền, Chu Quang Trứ (1992), *Mỹ thuật Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, tr. 70.

bằng, ven biển như Hội An, 14 di tích tín ngưỡng có thiết trí đồ án hồ có thể xem là một con số đáng kể. Niên đại kiến trúc của các di tích này hầu hết là vào khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Từ lúc khai cơ đến trước thời điểm này, việc sử dụng hình tượng hồ trong trang trí kiến trúc ở Hội An có phổ biến không, chúng tôi không có cơ sở để đối sánh. Trải qua thời gian dài, chịu nhiều tác động, các di tích đã được tu bổ, tôn tạo nhiều lần. Yếu tố mỹ thuật của đồ án hồ (*vị trí, tạo hình, màu sắc*) tại di tích ít nhiều có sai lệch so với ban đầu. Vì vậy, những nhận xét về đồ án hồ dưới đây, chúng tôi chỉ căn cứ vào kiến trúc hiện trạng của di tích.

Về mối liên hệ giữa hồ và chủ thần được thờ tại di tích: Qua khảo sát và đối sánh, dường như việc sử dụng đồ án hồ trang trí không có mối liên hệ gì với chủ thần được thờ tự tại di tích. Chủ thần rất đa dạng, như: Tiêu Diện Đại sĩ, Ngũ hành, Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn Thần (*Cá Ông*), Tiền hiền... Thần tích của các vị chủ thần này đều không liên quan đến hồ. Tại mộ Bình bộ thượng thư Nguyễn Điền, xã Cẩm Hà, mặt trước bình phong hậu trang trí hình hồ vồ rất oai dũng. Điều này có thể lý giải được, bởi dưới thời phong kiến hồ là hình tượng được thêu trên lễ phục võ quan hàm tứ phẩm. Đây là ngôi mộ duy nhất ở Hội An có thiết trí đồ án hồ.

Về vị trí thiết trí đồ án hồ: hầu hết tại các di tích, đồ án hồ được thiết trí ở bình phong. Tại miếu Bà Bạch, xã Tân Hiệp, hồ được thiết trí ở chính giữa tường mặt tiền. Cá biệt tại miếu Trung Giang, xã Cẩm Kim, không chỉ ở bình phong, đồ án hồ còn được trang trí tại

quần bàn án thờ chính giữa thờ Quan Thánh Đế Quân và mặt khám thờ Thần hoàng bốn xứ (*ở gian tả*). Có thể vì quan niệm hồ có sức mạnh thiêng liêng, có khả năng diệt trừ mọi thế lực ma quỷ, trấn giữ cửa vào thì tà ma không dám xâm nhập nên hình tượng hồ được thiết trí ở bình phong. Tại miếu Lục Vị, phường Thanh Hà có trang trí phù điêu hồ ở mặt sau bình phong. Theo các vị cao niên ở đây thì “*Thần Hồ là vị thần hỗ trợ và gác cổng cho Lục vị. Hầu hết, những người đến đây xin thuốc đều đến lạy bái ngài*”³.

Về tạo hình và trang trí mỹ thuật: Hồ được tạo hình ở hai tư thế chính là đang đứng trên 4 chân hoặc giương nanh vuốt, đứng trên mỏm đá, cạnh tán cây cổ thụ, tô điểm lông màu vàng với sắc độ đậm nhạt khác nhau tại các di tích, có hoặc không có các vằn đen. Đây là màu lông thực của đa số hồ trong tự nhiên (*có loại bạch hổ nhưng rất hiếm*), ngoài ra còn có thể còn có lý do liên quan tới phong thủy, bởi quan niệm màu vàng gắn với trung ương, có thể thay thế cho cả ngũ phương⁴. Không rõ vô tình hay cố ý, dù thể hiện bằng hình thức nào (*phù*

³ Trương Hoàng Vinh, *Miếu Lục vị Thanh Hà – một di tích có nhiều dấu ấn tín ngưỡng đặc biệt*, Bản tin quý 01/2009, Trung tâm QLBT DSVH.

⁴ Theo Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb. Thuận Hóa:

Hoàng hổ tướng quân trấn nhậm ở Trung khu (địa khu)

Hắc hổ tướng quân trấn nhậm ở Bắc khu (Thủy khu)

Bạch hổ tướng quân trấn nhậm ở Tây khu (Kim khu)

Xích hổ tướng quân trấn nhậm ở Nam khu (Hỏa khu)

Thanh hổ tướng quân trấn nhậm ở Đông khu (Mộc khu)

điều hay tranh vẽ), tư thế nào đi nữa thì đầu hồ đều ngoái nhìn về phía bên trái hoặc cả thân mình hướng về phía bên trái (theo hướng của người nhìn), trừ tạo hình hồ ở mộ ông Nguyễn Văn Điển (đang vươn mình nhảy chồm về phía bên phải). Tạo hình hồ đứng trên núi đá gập ghềnh, dưới tán cổ thụ rất phù hợp với địa hình Cù Lao Chàm, tuy nhiên lại có phần khiên cưỡng với các địa phương khác ở Hội An vốn có địa hình khá bằng phẳng, như ở bình phong lăng Tiêu Diện, phường Cửa Đại, là khu vực cửa sông ven biển. Qua các đặc điểm nêu trên, có thể thấy dường như có sự học hỏi mô tuýp trang trí, sao chép hình thức thể hiện đồ án này ở các địa phương nên mới có nhiều sự tương đồng trong tạo hình hồ đến vậy. Nhận xét một cách chủ quan, hình tượng hồ trên các bình phong được đắp vẽ có phần sơ sài, chưa làm bật lên khí chất oai hùng của chúa tể sơn lâm nhưng cũng có những nét đặc sắc nhất định và có vẻ dễ gần, không quá dữ tợn. Các di tích ở Cù Lao Chàm, không chỉ với đồ án hồ, các đồ án trang trí khác cũng được biểu đạt khá đơn giản, có phần mộc mạc và bình dị.

Ở phường Tân An, một di tích có tên gọi dân gian gắn liền với con hồ, đó là miếu Ông Cọp (đỉnh ấp Xuân Mỹ). “Khu vực này là vùng đất cát trắng, cây cối um tùm, dân các nơi mới đến khai khẩn đất đai, rồi dần định cư, lập nghiệp, Xóm Mới từ đó được hình thành. Sau này, Xóm Mới được thành lập một ấp độc lập, tên gọi là Xuân Mỹ, thuộc địa phận làng Cẩm Phô”. “Lý giải về tên gọi này, đa số đều cho rằng do bức phù điêu hình con cọp trên bình phong án ngữ trước chính đình nên mọi người dân

thuận miệng gọi là miếu Ông Cọp”⁵. Cách miếu Ông Cọp khoảng 170m về phía Đông - Đông Nam là miếu áp An Hòa, phường Sơn Phong. Theo các vị cao niên sinh sống gần di tích cho biết, nguyên trước đây ngôi miếu nằm ở vị trí nhà lao Hội An, được xây dựng trước cả miếu Ông Cọp. Thời kháng chiến chống Mỹ, ngôi miếu được di dời đến vị trí hiện tại. Và “Trước năm 1975, phía trước ngôi miếu có bình phong hình con cọp, có 4 trụ biểu hình tròn lớn và một giếng nước nằm phía bên phải di tích. Sau năm 1975, các hạng mục này không còn, chỉ còn lại ngôi miếu như hiện nay”⁶. Ở nhà thờ tộc Nguyễn Văn, khối Thanh Chiêm, phường Thanh Hà, bình phong trước đây xây kiểu cuốn thư, mặt trước vẽ hình hồ, mặt sau vẽ hình hạc - sen (theo ảnh tư liệu), hiện nay bình phong đã được tôn tạo và thiết trí đồ án tứ linh.

Một con vật khá gần gũi, chung họ hàng (họ mèo) với hồ là sư tử, cũng có những tố chất tương tự như hồ. Chưa có sự thống kê đầy đủ, nhưng so với hồ, hình tượng sư tử được dùng nhiều hơn với các đồ án quen thuộc như “Thái sư thiếu sư”, “Sư cốn tú cầu”... trang trí tại nhiều vị trí, hạng mục khác nhau tại các di tích. Trong khi đó, hình tượng hồ chỉ xuất hiện chủ yếu ở hạng mục bình phong. Trong thuật ngữ kiến trúc truyền thống, có một đồ án trang trí mang tên “hồ phù” khiến nhiều người lầm tưởng

⁵ Trần Phương (2021) – Trung tâm QLBT DSVH Hội An, Di tích Miếu áp Xuân Mỹ (miếu Ông Cọp), nguồn: <https://hoianheritage.net>

⁶ Lê Thị Ngọc Hương (2016), Lý lịch di tích miếu áp An Hòa, Sơn Phong, Tư liệu lưu trữ của Trung tâm QLBT DSVH.

nó có liên quan đến con hổ. Tuy nhiên, thực tế đồ án này hoàn toàn không dính dáng gì tới hổ. Hổ phù “là con vật của huyền thoại, có mặt suốt vùng từ Tây Á tới Đông Á, phổ biến từ Ấn Độ, Trung Hoa và Đông Nam Á. Người Trung Hoa coi hổ phù là một thứ quý vương, ít khi nó được gắn với điều lành, còn người Việt và nhiều cư dân Đông Nam Á lại thờ nó trong việc cầu no đủ, dưới hình tượng hổ phù đang nhả mặt trăng. ...Hổ phù luôn được nhìn từ chính diện, với hình thức mặt sư tử và các chi tiết của một đầu rồng. Các bộ phận cấu thành đều khỏe, chắc, gồ ghề để nhấn mạnh sự hung dữ”⁷.

* Tạm kết

Địa vực Hội An trong lịch sử có thể không phải là nơi có hổ sinh sống, hoặc có sự xuất hiện, quấy nhiễu của hổ, tuy nhiên, không phải vì như thế mà cư dân ở Hội An không có ảnh hưởng hoặc ký ức về loài hổ. Hình tượng hổ đã đi vào dân gian bằng nhiều hình thức, nó có thể thông qua truyền miệng từ ký ức dân gian, từ nhiều thế hệ; thông qua các hình tượng trong tôn giáo, tín ngưỡng... Khi hình tượng hổ đã có chỗ cư trú trong văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng thì nó không chỉ là một loài động vật hoang dã thuần túy mà đã mang lên mình nhiều nếp nghĩa mới, ngoài sự mạnh mẽ hay hung dữ, còn là sự bảo hộ, che chở... Không khó để có thể tìm một ngôi miếu thờ hổ ở cửa rừng, hay tìm kiếm được một ý niệm về sự kiên cường, kính sợ, tiếp đến là tâm lý cầu xin sự che chở. Dân gian ở Cù

Lao Chàm khi đi rừng còn truyền tai nhau rằng “lên rừng không nên nhắc đến tên hổ”. Logic này cũng không khó để lý giải, đó là sự kính sợ trước các sức mạnh của tự nhiên, dẫn đến sự quy phục hay cầu xin, cho rằng thực thể văn hóa đó ngoài những sức mạnh vật lý còn có sức mạnh khác về mặt tâm linh, nếu không có sự kính sợ hay thờ tự, hay cầu xin thì sẽ không có gì đảm bảo rằng sẽ an toàn. Ý niệm về sự bảo vệ, che chở cũng là nguyên nhân chính yếu dẫn đến việc có sự xuất hiện của hổ tại các di tích tín ngưỡng. Các hiệu ứng về mặt thị giác, sắc màu, hình khối... dẫn đến sự đe dọa đối với cái xấu, cái ác. Bất luận là di tích đó có thờ hổ hay không thì sự xuất hiện của hổ cũng là nhu cầu của các chủ thể văn hóa di tích đó, họ tin rằng có hình tượng này ở đây thì người xấu sẽ kính sợ mà không dám làm điều xấu, điều ác.

Hổ mang nhiều ý nghĩa biểu tượng, có sức mạnh thiêng liêng, giúp diệt trừ các thế lực tà ma, vậy nên hình tượng hổ được sử dụng và thiết trí chủ yếu ở hạng mục bình phong tại các di tích tín ngưỡng. Mặc dù vậy, cơ hội để quan sát một con hổ thật ngoài tự nhiên rất ít hoặc không có, do đó, các tiên nhân có thể đã học hỏi mô tuýp trang trí hổ từ tranh vẽ, hoặc từ hình tượng hổ tại công trình tín ngưỡng ở các khu vực lân cận rồi đem áp dụng tại Hội An. Vì lý do này mà có nhiều sự tương đồng trong việc thể hiện hình tượng hổ ở các di tích, từ tạo hình, màu sắc của hổ đến cảnh vật chung quanh làm phong nền. Hay nói cách khác, đó là sự rập khuôn nhằm chán, tuy nhiên, trên giác độ mỹ thuật, tạo hình, không thể phủ nhận một yếu tố mà chúng tôi cho rằng nó khá thú vị, đó là

⁷ Nguyễn Tiến Cảnh (Chủ biên), Nguyễn Du Chi, Trần Lâm Biền, Chu Quang Trứ (1992), *Mỹ thuật Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, trang 67.

cách mà dân gian thực hành mỹ thuật rất chân thật, từ hình khối đến họa tiết, từ vật liệu đến sắc độ... Chúng tôi cũng lo lắng rằng, trong tương lai, với sự phát triển của xã hội, sự thay đổi về cách thức

sinh hoạt văn hóa làng xã, kể cả quá trình tu bổ các di tích... sẽ không còn sự thú vị như thế này trong mỹ thuật tạo hình, không chỉ riêng họa tiết hổ ♦

Thông kê các di tích tín ngưỡng ở Hội An có trang trí đồ án hổ
*(Sắp xếp theo niên đại kiến trúc tương đối của di tích,
 căn cứ theo tư liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An)*

Stt	Tên di tích / Địa chỉ	Niên đại di tích	Chủ thần được thờ tại di tích	Vị trí trang trí đồ án hổ	Hình thức thể hiện đồ án	Ghi chú
1	Đình tiền hiền (Lăng Tiền hiền) - Thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp	Khoảng cuối thế kỷ thứ 18 - đầu thế kỷ 19	Các vị Tiền hiền của cư dân Cù lao Chàm	Mặt trước bình phong	Phù điêu hổ đứng trên vách đá	
2	Lăng Tiêu Diện - Khố Phước Thịnh, phường Cửa Đại	Khoảng đầu thế kỷ XIX (?), đã tu bổ, tôn tạo nhiều lần	Tiêu Diện Đại Sĩ, Cá Ông	Mặt trước bình phong	Phù điêu hổ đứng cạnh cây cổ thụ	
3	Mộ ông Nguyễn Văn Diên - Thôn Trà Quế, xã Cẩm Hà	Tạo lập (cải táng) năm 1861, được tôn tạo nhiều lần	Nơi an táng Thượng thư bộ binh Nguyễn Văn Diên	Mặt trước bình phong hậu	Phù điêu hổ đang vươn mình nhảy chồm về phía bên phải	

4	Lăng Ông - Thôn Phước Trung, xã Cẩm Kim	Khoảng cuối thế kỷ XIX	Cao Các Đại Vương, Thủy Tinh Thần Nữ, Thủy Long Thánh Nương, Ngũ Hành.	Mặt sau bình phong	Phù điều “long bàn, hồ cứ” (<i>hồ phục, rồng chầu</i>)		
5	Miếu Trung Giang - Thôn Trung Hà, xã Cẩm Kim	Khoảng đầu thế kỷ XX	Quan Thánh, Thành hoàng bốn xứ, Ngũ hành	Chính giữa quần bàn và mặt khám thờ Thành hoàng bốn xứ; mặt trước bình phong (<i>cũ</i>)	Tranh vẽ hồ đang vươn mình về phía trước, cạnh cây cổ thụ (<i>bên trong miếu</i>); “long bàn, hồ cứ” (<i>bình phong</i>)		
6	Miếu Lục Vị - Khôi Thanh Chiếm, p. Thanh Hà	Không rõ (<i>có thể khoảng đầu thế kỷ XX</i>). Được tôn tạo vào thập niên 30 của thế kỷ XX	Ngũ Hành tiên nương và Bà chúa Ngọc (<i>Thiên Y A Na</i>)	Mặt sau bình phong, trong khám thờ	Phù điều hồ trong tư thế gần như đứng thẳng trên hai chân sau		

7	Miếu Trà Quân (<i>lăng Trà Quân</i>) - Thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh	Khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX	Ngũ hành tiên nương	Mặt trước bình phong	Phù điêu hồ đang giương nanh vuốt		(Thông tin hồi cố: xây dựng lại miếu với quy mô lớn hơn)
8	Miếu Thành hoàng - Thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp	Khoảng thế kỷ XIX	Thành hoàng	Mặt trước bình phong	Phù điêu hồ đang đứng trên vách đá, phần đầu cúi xuống		
9	Lăng Cô hồn - Thôn Bãi Ông, xã Tân Hiệp	Khoảng cuối thế kỷ XIX	Những người quá cố vô danh, cô hồn	Mặt trước bình phong	Phù điêu hồ ngồi trên vách đá		
10	Miếu Bà Mộc - Thôn Bãi Ông, xã Tân Hiệp	Khoảng cuối thế kỷ XIX	Bà Mộc (có thể Mộc trụ thần xà, một loài vật liên quan đến biển)	Mặt trước bình phong	Phù điêu hồ đứng trên vách đá		

11	Miếu Bà Bạch (<i>lăng Bà Bạch</i>) - Xã Tân Hiệp	Khoảng cuối thế kỷ XIX	Bạch Thổ Kim tinh thần nữ	Gian giữa tường mặt tiền	Phù điêu hổ mẹ đứng trên vách đá, chơi đùa với hai hổ con		
12	Miếu Thổ thần - Xã Tân Hiệp	Khoảng đầu thế kỷ XX	Thổ thần	Mặt trước bình phong	Phù điêu hổ mẹ đứng trên vách đá		
13	Miếu Bà xóm Giữa - Xã Tân Hiệp	Khoảng đầu thế kỷ XX	Ngũ hành	Mặt trước bình phong	Phù điêu hổ mẹ và hổ con đứng trên vách đá		
14	Đình ấp Xuân Mỹ (<i>miếu Ông Cọp</i>) - Khối xuân Mỹ, phường Tân An	1936 (<i>Bảo Đại thứ 11</i>)	Thần, tiên hiền cư dân ấp Xuân Mỹ	Mặt trước bình phong	Phù điêu hổ đang giương nanh vuốt		

ĐIỀN CỔ, ĐIỀN TÍCH TRONG MỘT SỐ HOÀNH PHI - CÂU ĐỐI TẠI CÁC DI TÍCH Ở HỘI AN

CN. Lê Thị Lưu

Trong kho tàng di sản Hán Nôm ở Hội An, bên cạnh những văn bản trên giấy, vải vóc hay trên bia đá, chuông đồng,... với nhiều thể loại khác nhau, còn có một bộ phận văn tự được thể hiện trên gỗ, cẩn khắc trên các trụ cột, tường xây đó là các bức hoành phi - liễn đối được sử dụng rộng rãi trên các không gian kiến trúc trong các di tích tôn giáo, tín ngưỡng như nhà thờ, tộc họ, đình, miếu,... Hoành phi liễn đối là một hình thức văn học độc đáo, một loại hình nghệ thuật văn chương đặc biệt, lời ít ý nhiều, truyền tải được nhiều nội dung, giá trị lịch sử, tính thẩm mỹ, cũng như thể hiện hình thức gửi gắm tâm tư tình cảm, sự kì vọng, ước mong của cá nhân hay một cộng đồng đối với một di tích tín ngưỡng, tôn giáo, đặc biệt là việc sử dụng điển tích, điển cố như một đặc điểm nổi trội, vừa để làm sáng tỏ cái ý mà tác giả muốn biểu đạt, vừa mang ý cô đọng, hàm súc, nhưng cũng là cách nhìn người để tự soi xét bản thân, lấy các điển tích điển cố trong lịch sử để làm tham chiếu, luận giải là một cách để làm sáng tỏ chủ ý biểu đạt mà người đọc vẫn hiểu đầy đủ ý nghĩa.

Ở Hội An, việc sử dụng điển tích, điển cố thường gặp nhiều ở các di tích tín ngưỡng, mà cụ thể là ở những bức hoành phi, câu liễn đối với nội dung mang nhiều ý nghĩa về triết học, triết lý nhân sinh, giáo dục, sử dụng chủ yếu từ

điển kinh sách, điển nhân vật... để tạo nên những giá trị, ý nghĩa nhất định, như di tích Văn chỉ Minh Hương, hội quán Triều Châu, hội quán Phước Kiến, miếu Quan Công,...

Di tích Văn Thánh miếu Minh Hương (*Văn chỉ Minh Hương*) là nơi thờ tự đức Khổng Tử, Tứ Phối, Thất thập nhị hiền và các vị khoa bảng làng Minh Hương trước đây. Hiện di tích còn bức hoành lưu giữ bút tích do Giải nguyên Đặng Huy Trứ đề bút với nội dung như sau:

Nguyên văn:

觀於海者難為水

Phiên âm:

Quan ư hải giả nan vi thủy

Dịch nghĩa:

Trông ra biển lớn, muốn làm giọt nước trong biển ấy thật khó thay (ý nói biển học vô bờ, muốn làm giọt nước nhỏ trong biển học đầy cũng thật khó thay)

Câu *Quan ư hải giả nan vi thủy* (觀於海者難為水) được trích từ chương *Tận tâm chương cú thượng* (盡心章句上) trong sách Mạnh Tử là: 孟子曰:「孔子登東山而小魯,登太山而小天下。故觀於海者難為水,游於聖人之門者難為言。觀水有術,必觀其瀾。日月有明,容光必照焉。流水之為



物也，不盈科不行；君子之志於道也，不成章不達。」 (Phiên âm: Mạnh Tử viết: Khổng Tử đăng Đông sơn nhi tiểu Lỗ, đăng Thái sơn nhi tiểu thiên hạ. Cố quan ư hải giả nan vi thủy.... Dịch nghĩa: Mạnh Tử nói rằng: Khổng Tử lên đỉnh Đông sơn mới thấy rằng nước Lỗ nhỏ, Lên đỉnh Thái sơn thì mới thấy thiên hạ nhỏ. Ấy vậy khi trông ra biển lớn, muốn làm giọt nước trong biển ấy thật khó thay...)

Di tích miếu Quan Công được xây dựng vào đầu thế kỷ XVII, từng là trung tâm tín ngưỡng ở khu vực chợ Hội An, là nơi thờ Quan Công, vị anh hùng thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Đây là một trong những di tích có số lượng hoành phi, liễn đối khá nhiều so với các di tích khác ở Hội An. Tại Quan Công miếu có treo hoành phi: 景仰桃園 (phiên âm: Cảnh ngưỡng đào viên dịch nghĩa: Ngưỡng mộ vườn đào).

桃園 (Đào viên) là một trong những điển tích nổi tiếng trong Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, “tứ đại kỳ thư” của văn học Trung Quốc.

Vào những năm cuối Đông Hán, Trương Giác phát động cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân, quân đội triều đình hoảng sợ, để có thể đủ sức chống lại giặc Hoàng Cân, Thái thú U Châu là Lưu Yên buộc phải dán cáo chiêu binh. Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi chỉ tình cờ tương ngộ trong lúc xem cáo thị đều cùng chí hướng phục vụ cho đất nước. Trương Phi sau đó dẫn Lưu Bị và Quan Vũ đến vườn đào sau nhà uống rượu, cuối cùng bái trời kết nghĩa, điển tích Đào viên bắt đầu từ đây.

Ngoài ra, tại Quan Công miếu còn có các cặp câu đối.

Nguyên văn:

三國英雄無對手
一場忠烈有完人

Phiên âm:

Tam quốc anh hùng vô đối thủ
Nhất trường trung liệt hữu hoàn nhân

Dịch nghĩa:

Tam quốc anh hùng không đối thủ
Một trường trung liệt chỉ ngài thôi

Nguyên văn:

秉燭豈耐嫌此夜
心中懷有漢

花容非報義當年
目下已無曹

Phiên âm:

Bính chúc khởi nại hiềm,
thử dạ tâm trung hoài hữu Hán

Hoa Dung phi báo nghĩa,
đương niên mục hạ dĩ vô Tào

Dịch nghĩa:

Cầm đuốc nào nại hiềm, đêm ấy
trong lòng luôn có Hán

Hoa Dung nào bội nghĩa, năm xưa
dưới mắt đã không Tào

花容 (Hoa Dung) là con đường
Quan Vũ tha Tào Tháo, nâng cao hình
tượng tượng nghĩa của Quan Vũ.

Ngoài các tích trên, miếu Quan
Công còn có các cặp câu đối nhắc đến
các điển cố về thời Tam Quốc như phò
Viêm Đế, phạt Ngụy, diệt Ngô; thời kỳ
Xuân Thu Chiến Quốc, “đánh Ngụy bình
Ngô công lao phò Tây Thục”.

Điển tích “tang tử” được thể hiện
qua các cặp câu đối, hoành phi ở hội
quán Phước Kiến, hội quán Triều Châu.

Tại hội quán Phước Kiến:

Nguyên văn:

此地優游萬里海天臣子
各齊觴詠一堂桑梓弟兄

Phiên âm:

Thử địa ưu du, vạn lý hải thiên thần tử

Các tề thương vịnh, nhất đường
tang tử đệ huynh



Dịch nghĩa:

Đất ấy đường đi, vạn dặm biển
khơi vọng trong thần tử

Quê ta thơ rượu, một nhà làng cũ
thâm gọi đệ huynh

Tại hội quán Triều Châu:

Nguyên văn:

情聯桑梓

Phiên âm:

Tình liên tang tử

Dịch nghĩa:

Tình nghĩa đồng hương

Trong Kinh Thi có câu: “Duy tang
dữ tử, tất cung kính chi” (chỉ cây dâu và
cây thị do cha mẹ trồng là ta ắt phải
cung kính). Ngày xưa ở khu đất năm
mẫu để làm nhà, cây dâu và cây thị được
trồng cạnh tường, truyền cho con cháu
để lấy lá nuôi tằm, lấy gỗ thị làm vật
dụng. Vì vậy, tang tử thường được dùng
để chỉ quê nhà, nơi cha mẹ ở, nỗi nhớ
thương da diết về cảnh cũ.

Điển cố về Xích Thố, Thanh Long
tại hội quán Quảng Đông được thể hiện
qua cặp câu đối:

Nguyên văn:

赤面秉赤心 騎赤兔追
風馳騁時無忘赤帝

青燈觀青史像青龍健
月隱為處不愧青天

Phiên âm:

Xích diện bình xích tâm, kỵ Xích
Thố truy phong trì khu thời vô vong
Xích đế

Thanh đăng quan thanh sử, tượng
Thanh Long kiên nguyệt ẩn vi xứ bất
quý thanh thiên

Dịch nghĩa:

Mặt đỏ giữ lòng son, cưỡi Xích
Thố dậy vang tiếng gió, tung vó ngựa
chẳng quên vua Xích Đế

Đèn xanh xem sử thăm, vung
Thanh Long lòng cao bóng nguyệt, ẩn
thân mình đâu thẹn chốn trời xanh

Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, Xích
Thố (*Ngựa đỏ*) được xem là một loài
ngựa đặc biệt, có chiến tích lẫy lừng
cùng hai danh tướng Lữ Bố và Quan Vũ,
loài chiến mã này còn nổi tiếng với câu
chuyện trung thành với chủ qua ngòi bút
của La Quán Trung, sau khi chủ nhân bị
sát hại dưới tay quân Đông Ngô đã tuyệt
thực đến chết vì nhớ thương chủ cũ.

Về biểu tượng Thanh Long (*Rồng
xanh*) là một trong tứ tượng (*gồm Thanh
Long, Bạch Hổ, Chu Tước, Huyền Vũ*)
của văn hóa Hoa Hạ, là linh vật được coi
là điềm lành, sự tốt đẹp, sau này phát
triển theo quan niệm phong thủy, địa lý
một số nước, trong đó có Việt Nam, chủ
yếu được xây cất trên các công trình kiến
trúc, tôn giáo... Trong Sử ký có câu: 夏

得木德, 青龙止於郊, 草木
暢茂 (Phiên âm: Hạ đắc mộc đức,
thanh long chỉ ư giao, thảo mộc sùng
mậu. Dịch nghĩa: nhà Hạ được mộc đức,
thanh long dừng chân ngoài thành, cỏ
cây đều tươi tốt).

Nguyên văn:

九五居先 籌添海屋
三千會運 桃熟瑤池

Phiên âm:

Cửu ngũ cư tiên, trù thiêm hải ốc

Tam thiên hội vận, đào nhiệt dao trì

Dịch nghĩa:

Cửu ngũ ngôi cao, người tăng tuổi thọ

Ba ngàn năm tốt, đào chín non tiên

Người ta thường gọi Cửu ngũ là
bậc đế vương cổ đại là "chân long thiên
 tử, cửu ngũ chí tôn" (真龙天子, 九
五至尊), có thuyết còn cho rằng nó
bắt nguồn từ Chu dịch, một trong những
trứ tác triết học kinh điển của người
Trung Quốc. Hoặc như Cửu ngũ trong
Kinh dịch "Phi long tại thiên, lợi kiến
đại nhân" nghĩa là thấy rồng xuất hiện
tất sẽ có quý nhân.

Ngoài những di tích tín ngưỡng của
người Hoa, Minh Hương đã được giới
thiệu ở trên, tại Hội An còn nhiều di tích
do người Việt xây dựng, cũng hàm chứa
các điển tích Nho gia như di tích Khổng
Tử miếu, nơi thờ Khổng Tử, các học trò
nổi tiếng của Khổng Tử, các vị khoa
bảng của Quảng Nam trong thời kỳ trước
năm 1945. Không chỉ có các câu đối
phản ánh những điển tích Nho giáo, mà

còn có các đồ án trang trí khắc họa rõ nét những điển tích, điển cố, mang nhiều ý nghĩa về giáo dục, về cuộc sống, học trò, xung quanh Đức Khổng Tử.

Cặp câu đối 1:

Nguyên văn:

淵源有自來 櫓宅杏壇
名教億年傳道統

精神長在此行山柴水
青高終古樹文風

Phiên âm:

Uyên nguyên hữu tự lai, Cối Trạch
Hạnh Đàn danh giáo ức niên truyền đạo
thống

Tinh thần trường tại thử, Hành Sơn
Sài Thủy thanh cao chung cổ thụ văn
phong

Dịch nghĩa:

Nguồn gốc có từ lâu, Cối Trạch,
Hạnh Đàn danh giáo nghìn xưa truyền
đạo thông

Tinh thần còn mãi đó, Hành Sơn,
Sài Thủy thanh cao muôn thuở rạng văn
phong

Cối Trạch - Hạnh Đàn: được xem
là nơi Khổng Tử ở và giảng dạy trước
kia, còn được hiểu là nơi tu dưỡng của
nhà Nho.

Câu đối 2:

Nguyên văn:

人心同此理 蘊為道德
著為五倫

道源出於天 傳在聖賢
用在萬世

Phiên âm:

Nhân tâm đồng thử lý, uẩn vi đạo
đức, trước vi ngũ luân

Đạo nguyên xuất ư thiên, truyền tại
thánh hiền, dụng tại vạn thế

Dịch nghĩa:

Lòng người cùng một lẽ, chứa
thành đạo đức ghi thành ngũ luân

Nguồn đạo chung cả trời, truyền do
thánh hiền dùng do vạn thế

Trong tư tưởng Nho giáo, Ngũ luân
là 5 mối quan hệ chính trong xã hội
phong kiến do Đồng Trọng Thư sáng lập
nên, bao gồm: Quân - Thần, Phụ - Tử,
Phu - Phụ, Huynh - Đệ, Bằng - Hữu. Tư
tưởng này có ảnh hưởng sâu rộng đến
việc xây dựng các mối quan hệ xã hội,
gia đình trong giai đoạn phong kiến của
Trung Hoa cũng như ở Việt Nam, xác
định vị trí, vai trò, giai cấp của mỗi
người, cách đối nhân xử thế, trọn đạo
giữa các bậc trong thiên hạ.

Nghệ thuật dụng điển tích, điển cố
của người xưa trong việc thể hiện tâm tư,
nguyện vọng của cá nhân, hay tập thể
thông qua các hoành phi, liễn đối tại các di
tích ở Hội An thể hiện được nhiều giá trị
về văn học, giá trị đạo đức nhân sinh mà
tiền nhân đã gửi gắm cho thế hệ mai sau,
giá trị nghệ thuật cũng được thể hiện qua
từng nét thư pháp đặc trưng. Bên cạnh đó,
nổi bật lên được giá trị cộng đồng, lịch sử
di dân lập làng xã, cũng như nhân vật lịch
sử được thờ cúng tại các di tích ♦

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG RAU TRÀ QUẾ

CN. Lê Thị Ngọc Hương

Trà Quế là vùng đất được hình thành khá sớm ở Hội An. Tại đây các nhà khảo cổ đã tìm thấy các dấu vết của Văn hóa Sa Huỳnh cách đây 2000 năm. Từ địa danh Trà Quế đến di tích miếu Bà Yàng, giếng đá cổ,... không chỉ gợi nhớ dấu ấn của người Chăm trong lịch sử mà cùng nhiều di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng của người Việt tại Trà Quế đã minh chứng cho diễn trình lịch sử lâu đời, liên tục của cộng đồng cư dân nơi đây.

Nhiều nguồn tư liệu cho biết, cách đây cách đây hơn 300 năm, những cư dân Việt đầu tiên thuộc các tộc Phạm, Mai, Nguyễn, Lê đã đến định cư tại vùng đất Trà Quế. Về sau có thêm các tộc Trần, Hồ. Ban đầu, cư dân sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt cá tôm trên sông. Trong quá trình sinh sống, cư dân đã tìm loại rau nấu với tôm, cua, cá,... để ăn thì rất ngon, bèn đem giống về trồng để sử dụng. Bằng những sáng tạo, tần tảo của mình, một số người dân nghĩ đến việc khai phá thêm đất để trồng rau, trồng lúa. Từ đó, những vạt ngò, rau húng, rồi đến rau é, hành, cải, họ,... lần lượt mọc lên trên vùng đất này. Do được gieo trồng trên một vùng thổ nhưỡng phù hợp, cùng với kỹ thuật chăm bón, các loại rau không những lên xanh tốt mà còn có hương vị thơm ngon đặc trưng.

Vì vậy, Trà Quế dần dần trở thành một làng rau nổi tiếng xa gần¹.

Trong lịch sử, địa danh Trà Quế còn được gọi Nhự Quế, Thanh Quế, Nhà Quế. Chuyện lưu truyền trong dân gian kể rằng, vào khoảng thế kỷ XVIII có một vị vua du ngoạn trên dòng sông Đẻ Vồng đã ghé vào làng, thưởng thức một loại rau nhận thấy vị thơm của rau giống loại trà, vị cay giống quế, thế rồi vị vua này đặt tên làng rau là Trà Quế. Trong địa bạ Thanh Hà lập vào năm Gia Long thứ 17 (1818) cũng đã ghi chép danh xưng Trà/Nhà Quế. Như vậy, muộn nhất vào đầu thế kỷ XIX, địa danh Trà Quế đã xuất hiện. Trong tài liệu Quảng Nam xã chí của Viện Viễn Đông bác cổ đề cập đến thổ sản làng Thanh Hà vào thập niên 40 của thế kỷ XX như sau:

“Làng Thanh Hà có diện tích trên 700 mẫu trù Thanh khách ngoại nhân số độ 5000 người có thấy. Thổ sản của làng này đặc biệt là rau sống, lúa, khoai sắn... Trù rau sống là có xuất sản chứ các thực phẩm khác thì cũng không đủ tiêu dùng cho dân làng. Nghề nghiệp của làng này đặc điểm là ngói, gạch, làm đồ gốm... Làng cũng có nghề đánh cá nhưng sơ sài, nghề nông thì chiếm được một nửa của làng. Ngoài các nghề

¹ Lê Thị Tuấn, Đề tài: “Điều tra khảo sát nghề trồng rau Trà Quế”, Trung tâm QLBT DSVH Hội An, năm 2004.



Một góc làng rau Trà Quế - Ảnh: Quang Ngọc

chuyên môn ấy thì cũng còn các nghề khác nhưng không đáng kể.”².

Điều này cho thấy trước đây nghề trồng rau của làng gần như là nghề chính để phát triển kinh tế.

Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Trà Quế là vùng căn cứ cách mạng quan trọng của quân và dân xã Cẩm Hà và thị xã Hội An, để qua mắt kẻ địch, người dân Trà Quế ngày sản xuất rau, đêm đào hầm nuôi giấu cán bộ. Những gánh rau Trà Quế không chỉ nuôi sống gia đình mà còn góp phần nuôi quân, nuôi cán bộ; hương rau Trà Quế không chỉ mang hương vị của biển, của gió, của cát, của rong đầm Trà Quế mà còn có cả mồ hôi, nước mắt và cả máu của những người con Trà Quế đã đổ xuống để bảo vệ, gìn giữ, xây dựng mảnh đất này. Sau năm 1975, người dân

làng rau Trà Quế bắt tay vào công cuộc xây dựng, tái thiết quê hương, cải tạo lại đất đai trồng hoa màu dần ổn định cuộc sống và phát triển kinh tế từ nghề rau truyền thống. Cơ sở hạ tầng dần thay đổi, đời sống người dân ngày càng được nâng cao.

Làng rau Trà Quế thuộc thôn Trà Quế nằm về phía Đông Nam xã Cẩm Hà, cách trung tâm Hội An khoảng 2,5 km về phía Đông Bắc. Làng rau Trà Quế có diện tích tự nhiên 100,2 ha, dân số: 281 hộ/1.246 nhân khẩu³. Nơi đây có vị trí như một cù lao sông nước, sông Đẻ Vồng bao bọc vùng Trà Quế ở phía Đông, Bắc và Tây Bắc, trong khi đó đầm Trà Quế ôm vòng phía Tây Nam và Nam phần đất Trà Quế. Địa hình tương đối bằng phẳng, đất ở đây là đất cát pha, hạt mịn. Do đất cát, thấm nước nhanh và dễ bón phân, gieo hạt nên thích hợp với việc trồng rau màu.

² Viện Viễn Đông bác cổ, Quảng Nam xã chí, Tập tài liệu điều tra về làng xã Quảng Nam năm 1943 – 1944 hiện đang lưu trữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm.

³ UBND xã Cẩm Hà, “Niên giám thống kê xã Cẩm Hà”, năm 2018.

Hiện nay, làng rau Trà Quế có 207 hộ chuyên trồng rau với 345 lao động⁴. Diện tích đất trồng rau được cải tạo lên 18 ha⁵. Năm 2018, năng suất rau đạt 792 tấn, giá trị đạt 10,73 tỷ đồng, thu nhập bình quân của người trồng rau và dịch vụ khoảng 4,4 triệu đồng/người/tháng⁶.

Trải qua bao đời, tiếp thu phương pháp truyền thống và kinh nghiệm trồng trọt cộng với sự cần cù chăm bón nên sản phẩm rau của người dân Trà Quế có vị riêng không lẫn vào đâu được. Mỗi khi đến làng rau mọi người đều cảm thấy ngây ngất bởi hương vị ngào ngạt của các loại rau được trồng nơi đây. Để có luống rau xanh mát, thơm ngon đến tận tay người tiêu dùng, người dân phải bỏ nhiều công sức, tâm huyết, lòng kiên trì, tính nhẫn nại để trồng trọt, chăm bón. Tuy nhiên quá trình sản xuất cũng lắm vất vả, khó nhọc.

Để trồng được các loại rau, người nông dân tuân thủ theo quy trình sản xuất từ chọn, bảo quản giống, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm. Mỗi công đoạn đều có quy trình, kinh nghiệm riêng. Trong quá trình thực hành người trồng rau đã tích lũy kinh nghiệm, điều chỉnh, cải tạo phương pháp, cách thức sản xuất sao cho sản phẩm rau đảm bảo chất lượng, an toàn người sử dụng, ít tốn thời gian sản xuất. Tri thức dân gian được tích lũy theo thời gian, trong từng công đoạn sản xuất đều thể hiện sự tỉ mỉ, cần mẫn của người nông dân chịu thương chịu khó, mang tâm huyết của

mình gửi vào từng vạt rau. Kinh nghiệm không chỉ riêng ai mà là sự cộng hưởng của cả cộng đồng cư dân để có những phương thức sản xuất chung nhất mà không phải làng nghề nào cũng có sự đồng điệu như vậy.

Theo điều tra, khảo sát rau Trà Quế có khoảng 55 loại rau thường được sử dụng ăn sống, nấu canh, xào, chiên, làm dưa,... Trong các loại rau đó, có một vài loại rau đã mất giống như hành hương, rau díp, xà lách son, rau húng dài. Các loại rau còn lại đều được duy trì phát triển tốt, chất lượng ngày càng được nâng cao. Giống cây trồng ở đây chủ yếu giống bản địa được duy trì cách đây hàng trăm năm. Giống cây ở đây, đối với loại giống để hạt có đặc điểm hạt nhỏ, chắc, đối với các loại giống cây trồng bằng nhánh, cành có đặc điểm thân cây cứng, nhỏ, rất thơm. Người dân ở đây luôn chú trọng, gìn giữ giống truyền thống, bởi tính nổi trội của giống truyền thống thơm ngon, phù hợp với thổ nhưỡng, ít sâu bệnh, cho năng suất ổn định. Để bảo vệ giống cây truyền thống không phải là điều đơn giản, mà là cả một quá trình lâu dài gắn bó với nghề, cộng với quá trình trồng trọt chăm bón tốt mới có thể duy trì nguồn giống lâu dài.

Đối với các loại rau ở Trà Quế đều có những đặc tính, màu sắc, hình dáng, mùi vị riêng biệt không thể lẫn vào đâu được, đó là mùi thơm, rau có độ giòn, ngọt. Mỗi loại rau có hình thái và hương vị riêng. Hình dáng kích thước của rau cũng khác so với nơi khác như rau lá nhỏ, dày, cây thấp cứng cáp, đặc biệt rất thơm, vị đậm đà hơn; rau mềm, dịu, không dai. Sở dĩ rau có lá nhỏ và thơm như vậy là do đất trồng và rong bón lót ở vùng này. Khi trộn lẫn các loại rau với nhau sẽ có 5 vị hòa lẫn vào nhau: cay,

⁴ UBND xã Cẩm Hà, “Báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý du lịch tại làng rau Trà Quế xã Cẩm Hà”, năm 2018.

⁵ Theo số liệu của Ban Quản lý làng rau Trà Quế thuộc UBND xã Cẩm Hà, năm 2016.

⁶ UBND xã Cẩm Hà, “Báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý du lịch tại làng rau Trà Quế xã Cẩm Hà”, năm 2018.

ngọt, đắng, chua, chát và để có món ăn ngon, người ta thường lựa các loại rau thích hợp, gia giảm số lượng rau tùy thích nhưng yêu cầu phải tươi, không bị bầm dập.

Trà Quế có những loại rau đặc trưng mà mỗi lần đến Trà Quế không thể không thưởng thức như rau húng, é, cải con, hẹ... Các loại rau ở Trà Quế không chỉ là món ăn hàng ngày trong bữa cơm gia đình, là nguyên liệu không thể thiếu để tạo nên sự thơm ngon cho các món ăn đặc sản của địa phương như tam hũ, ram cuốn, mỳ Quảng, cao lầu, bánh xèo...Chúng còn là những vị thuốc dân gian có tác dụng chữa các bệnh cảm cúm, phong hàn, phát ban và nhiều bệnh thời khí khác.

Bên cạnh giá trị về lịch sử văn hóa, tồn tại song song là văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng cư dân nơi đây, gắn liền với nghề trồng rau Trà Quế là lễ hội cúng Cầu Bông. Đây là một lễ hội đặc trưng của làng. Theo một số bô lão trong làng hiện còn sống ở Trà Quế, lễ hội Cầu Bông của cư dân Trà Quế có từ lâu đời, tồn tại song song với quá trình khai hoang đất đai để sản xuất của cư dân địa phương. Hằng năm đến ngày mùng 7 tháng giêng, dân làng tổ chức lễ cúng linh đình. Trước khi tập trung cúng chung tại xóm, hầu như nhà nào trồng rau đều cúng cầu bông tại nhà, tuy nhiên, cũng có gia đình sau khi cúng ở làng xong về mới cúng đất đai. Mục đích của lễ cúng Cầu Bông nhằm cầu cho mưa thuận gió hòa, cầu cho rau xanh lá tốt, cây cối đơm bông kết quả và dân cư được bình an, thịnh vượng.

Làng rau Trà Quế trong những năm gần đây đã đón nhiều lượt khách du lịch đến tham quan, với nhiều hoạt động thú vị như “*một ngày làm nông dân*”... Đến với làng rau du khách không chỉ tham quan vườn rau mà còn được trải nghiệm công việc trồng rau với người nông dân, thưởng thức nhiều món ăn ngon đặc trưng. Nhờ vậy, đời sống người dân được nâng cao, thu nhập ổn định hơn. Nhiều dịch vụ, du lịch phát triển, hiện nay tại làng rau Trà Quế có 12 nhà hàng hoạt động theo mô hình du lịch, có 06 cơ sở lưu trú theo mô hình homestay, 05 biệt thự du lịch. Số lượng khách đến tham quan tại làng rau qua các năm:⁷

Năm	ĐVT (Lượt khách)	
	Quốc tế	Trong nước
2012	12.713	
2013	13.272	
2014	23.239	
2015	29.367	802
2016	27.608	618
2017	26.050	126
10/2018	21.440	830

Qua số liệu trên cho thấy được tầm ảnh hưởng, sức lan tỏa, sự hấp dẫn của làng rau Trà Quế đối với du khách. Làng

⁷ UNBD Thành phố Hội An, “*Phương án phát triển du lịch cộng đồng tại làng rau Trà Quế, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An*” kèm theo quyết định phê duyệt số 1766/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Hội An.



Đoàn rước trong lễ hội Cầu Bông ở Trà Quế.

rau Trà Quế trở thành điểm đến mới trong hành trình khám phá Hội An.

Nghề trồng rau Trà Quế có sự phát triển lâu đời, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử minh chứng cho quá trình khai phá, thích nghi với vùng đất mới tại một cù lao ven sông, biển của lớp cư dân từ người Chăm đến người Việt. Rau sống Trà Quế góp phần rất lớn trong lịch sử phát triển văn hóa ẩm thực Hội An nhất là các món: tam hũu, cao lầu, mì Quảng, bánh xèo, thịt nướng,... đã tạo cho ẩm thực Hội An có những hương vị riêng, sức quyến rũ và làm tăng hương vị thơm ngon trong từng món ăn.

Vừa qua, vào ngày 04/4/2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 784/QĐ-BNHTTDL về việc công bố Danh mục Di sản văn hóa

phi vật thể Quốc gia, trong đó ghi danh Nghề trồng rau Trà Quế, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia nằm ở hạng mục Tri thức dân gian, Nghề thủ công truyền thống. Đây là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia thứ tư của thành phố Hội An được vinh danh. Trước đó là nghề gốm Thanh Hà (*phường Thanh Hà*), nghề yến Thanh Châu (*xã Cẩm Thanh*), nghề mộc Kim Bồng (*xã Cẩm Kim*) cũng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận.

Việc công nhận này vừa là sự tôn vinh và ghi nhận những đóng góp của cộng đồng cư dân về quá trình gìn giữ, phát triển nghề trồng rau Trà Quế, đồng thời cũng là cơ sở để bảo tồn và phát huy tốt hơn nghề trồng rau Trà Quế nói riêng, nghề truyền thống ở Hội An nói chung ♦

TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG Ở HỘI AN

CN. Nguyễn Văn Thịnh

Theo từ điển Tôn giáo: “*Tín ngưỡng là lòng tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí*”¹. Tín ngưỡng có nhiều cấp độ, phạm vi khác nhau, trong đó tín ngưỡng thờ Thành hoàng là một dạng thức tín ngưỡng ở phạm vi cộng đồng, làng xã khá phổ biến của người Việt. Trong chuyên khảo này, chúng tôi giới thiệu hai nội dung chính: (1) *Nguồn gốc tín ngưỡng thờ Thành hoàng*, (2) *Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Hội An*.

1. Nguồn gốc tín ngưỡng thờ Thành hoàng

Thành hoàng là danh từ chung để chỉ vị thần được nhân dân suy tôn, thờ tự ở các làng xã của người Việt và được vua ban sắc phong thần, đại diện cho vua đứng đầu các chư thần và dân chúng trong làng. Thành hoàng dù có hay không có tên họ, lai lịch rõ ràng thì cũng là chủ tể (*người đứng đầu*) cai quản khu vực của một xứ đất, làng xã cụ thể và đều đảm nhận vai trò hộ quốc tể dân (*giúp nước cứu dân*).

Thành hoàng là từ ghép Hán Việt: “*Thành hoàng tức Thành hào, hào có nước gọi là trì, không có nước gọi là hoàng. Đắp đất làm thành, đào hào làm hoàng*”². Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hình, các triều đại phong kiến nước ta đã tiếp thu khái niệm Thành hoàng từ Trung Hoa. Nhưng Thành hoàng Việt Nam có sự khác biệt. Thành hoàng Trung Hoa là vị thần bảo hộ một ngôi thành giúp quan binh đồn trú chống kẻ địch tấn công chiếm thành. Kẻ địch thường là nông dân khởi nghĩa, như vậy Thành hoàng bảo vệ vua chống lại nhân dân. Còn Thành hoàng Việt Nam là vị thần làng vốn do dân làng suy tôn, vì có công với làng, về sau triều đình phong kiến lấy uy tín của thần làng mà phong một vị làm Thành hoàng đại diện cho vua cai quản các thần và dân chúng trong làng. Đó là chính sách hợp nhất thần quyền với vương quyền rất thông minh và được lòng dân.³

Về nguồn gốc tục thờ Thành hoàng, sách *Việt Nam phong tục* do học giả Phan Kế Bính biên soạn vào những năm đầu thế kỷ 20, cho biết: “*Xét về cái tục*

¹ Dẫn theo Trần Thị Hà Giang, *Ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng đến đời sống tinh thần của cư dân ngoại thành Hà Nội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2020), tr. 10.

² Theo Ngọc Lâm, *Tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng dưới triều Nguyễn*, bài viết đăng trên Tạp chí Văn hóa Phật giáo (<https://tapchivanhoaphatgiao.com>).

³ Nguyễn Duy Hình, *Thần làng và Thành Hoàng*, Tạp chí Di sản Văn hóa số 9 (2004), tr. 57.

thờ Thần hoàng (tức thần Thành hoàng) này từ đời Tam quốc trở về vẫn đã có, nhưng ngày xưa nhà vua nhân có việc cầu đảo gì mới thiết đàn cúng tế mà thôi. Đến thời nhà Đường, Lý Đức Dụ làm tướng, mới bắt đầu lập miếu Thần hoàng ở Thành Đô, kể đến nhà Tống, nhà Minh thiên hạ đâu đâu cũng có lập miếu thờ.

Nước ta bây giờ đang lúc nội thuộc, tục Tàu truyền sang đến bên này, kể đến Đinh, Lê thì việc thờ quỷ thần đã thịnh hành rồi.

Nhưng cứ xét cái chủ ý lúc trước, thì mỗi phương có danh sơn (ngọn núi có tiếng), đại xuyên (sông lớn); triều đình lập miếu thờ thần sơn xuyên (núi sông) ấy để làm chủ tế cho việc ẩm tí một phương thôi. Kế sau, triều đình tinh biểu (làm cho thấy rõ công trạng) những bậc trung thần nghĩa sĩ và những người có công lao với nước, thì cũng lập đền cho dân xã ở gần đâu thờ đấy. Từ đó dân gian lần lần bắt chước nhau, chỗ nào cũng phải thờ một vị để làm chủ tế trong làng mình... dân ta tin rằng: Đất có Thổ công, sông có Hà bá; cảnh thổ nào phải có Thần hoàng ấy, vậy phải thờ phụng để thần ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc sự thần một thịnh...”⁴. Cũng theo sách Việt Nam phong tục thì mỗi làng phụng sự một vị Thành hoàng, có làng thờ hai ba vị, có làng thờ năm bảy vị, gọi chung là Phúc Thần. Phúc Thần có ba hạng:

“Thượng đẳng thần: là những thần Danh Sơn, Đại Xuyên và các bậc Thiên thần như Đông Thiên Vương, Sóc Thiên Vương, Sĩ Đồng Tử, Liễu Hạnh v.v...”

Các vị ấy có sự tích linh dị, mà không rõ tung tích ẩn hiện thế nào, cho nên gọi là Thiên thần. Hai là các vị Nhân thần như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, v.v... Các vị này khi sanh tiền có đại công lao với dân với nước, lúc mất đi hoặc bởi nhà vua tinh biểu công trạng mà lập đền thờ hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ.

Các bậc ấy đều có sự tích, công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mỹ tự bao phong làm Thượng đẳng thần.

Trung đẳng thần là những vị thần dân làng thờ đã lâu, có họ tên mà không rõ công trạng, hoặc có quan tước mà không rõ họ tên, hoặc những thần có chút linh dị, tới khi nhà vua sai kỳ tinh đảo võ, cũng có ứng nghiệm thì triều đình cũng liệt vào tự điển, mà phong làm Trung đẳng thần.

Hạ đẳng thần dân xã thờ phụng, mà không rõ sự tích ra làm sao, nhưng cũng thuộc về bậc chính thần, thì triều đình cũng theo lòng dân mà phong cho làm Hạ đẳng thần”.⁵

Trong văn học Việt, thì việc thờ Thành hoàng được đề cập lần đầu tiên ở truyện Thần sông Tô Lịch trong Việt điện u linh tập: “Thời vua Mục Tông nhà Đường, năm Trường Khánh thứ hai, quan Đô hộ Lý Nguyên Hỷ thấy ngoài cửa bắc thành Long Biên có dòng nước chảy ngược, địa thế khả quan, mới tìm chỗ cao ráo để dời Phủ lý đến; Nhân cơ hội ấy, quan Đô hộ tiết trâu đặt rượu, mời tất cả các kỳ lão hương thôn đến ăn uống, rồi thuật chuyện muốn tâu xin phụng Vương (chỉ thần sông Tô Lịch)

⁴ Phan Kế Bính (2005), Việt Nam phong tục, NXB Văn học, tr. 78-79.

⁵ Phan Kế Bính, Sách đã dẫn, tr.75-76.

làm Thành hoàng
thì trên dưới một
lòng, mưu tính bàn
bạc với nhau rất là
thỏa thiếp... Đến
lúc Cao

Biên xây thành

Đại La, nghe
Vương linh dị, lập
tức đem lễ điện tế
bái chức Đô Phủ
Thành Hoàng
Thần Quân.

Thời Lý Thái

Tổ dời đô thường

mộng thấy một ông đầu bạc, phảng phất
đứng trước bệ rồng, cúi đầu lạy hai lạy
hồ vạn tuế. Vua lấy làm lạ, hỏi tính danh
thì ông râu rậm lai lịch như thế. Vua cười
bảo rằng: Tôn thần cũng giữ được
hương lửa trăm năm hay sao? Ông liền
đáp: mong muốn hoàng đồ như Thái Sơn
bền thạch, thánh thọ vô cương, trong
triều ngoài quận thái hòa, bọn thần
không chỉ hương hỏa một trăm năm mà
thôi. Vua tỉnh dậy, khiến quan Thái Chúc
đem rượu đến tế, phong làm Quốc Đô
Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương.
Dân cư cầu đảo hay thề nguyện điều gì,
lập tức thấy họa phúc linh ứng...”⁶.

Một vị thần được vua phong cấp
Thành hoàng phải đảm bảo được hai
chức năng chính: Hộ quốc, tể dân. Thành
Hoàng phù hộ nhân dân, đem lại mưa
thuận gió hòa, xã hội an ninh, không bị
thiên tai địch họa. Theo đó chức năng Tể
dân là chức năng cơ bản vì đó mà dân
làng suy tôn, thờ phụng. Chức năng Hộ



quốc là đại diện cho vua cai quản các vị
thần làng và nhân dân, tham gia chống
ngoại xâm và bảo vệ độc lập dân tộc.
Đây là tiêu chuẩn trước tiên để vua
phong cấp Thành hoàng.

Dưới thời kỳ nhà Nguyễn, tín
ngưỡng thờ Thành hoàng ở nước ta mới
thực sự có quy củ và phát triển. Năm
Minh Mạng thứ 20 (1839), triều đình
chuẩn lời tâu của bộ Lễ đổi miếu Hội
đồng thành miếu Thành hoàng: “Khi mới
khôi phục nước nhà, đã dựng miếu thờ
Thành hoàng⁷, lại dựng thêm hai nhà
tòng tự. Nhà bên tả thờ các vị thần
Thành hoàng các tỉnh từ Quảng Bình trở
vào Nam. Nhà bên hữu thờ các vị thần
Thành hoàng từ Hà Tĩnh trở ra Bắc. Các
tỉnh có riêng miếu Hội đồng, phụng thờ
các vị thần kỳ, mà không đặt riêng miếu
thờ thần Thành hoàng bản hạt. Ôi! Thần
Thành hoàng trừ tai ngăn họa, thật là
công đức với dân. Các nơi sở tại đặt nhà
thờ riêng là lẽ vậy. Xin hạ lệnh cho các

⁶ Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh tập*, bản dịch của Lê Hữu Mục, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tr. 49-50.

⁷ Vị thần coi một khu vực nào (người dịch chú thích).

địa phương lập thêm thần vị Bản cảnh⁸ Thành hoàng ở trong miếu Hội đồng. Bàn thờ các vị thần kỳ đem đặt ở hai gian bên tả hữu. Khắc lại cái biển treo trong miếu Thành Hoàng...”⁹

Đến khi vua Thiệu Trị lên ngôi đã cho lập miếu Thành hoàng ở các tỉnh thành, còn miếu Hội đồng vẫn giữ nguyên như cũ: “Thiệu Trị thứ 1, dụ rằng: năm ngoái bộ Lễ bàn xin cho các hạt làm bài vị thần Thành hoàng, đều đặt thờ ở miếu Hội đồng hạt ấy, rồi gọi là miếu Thành hoàng. Sau cứ hạt khai thần hiện ở trong các miếu không giống nhau, kính phụng lời thánh dụ vẫn bày thờ như cũ. Phải kính theo đấy. Trẫm nghĩ miếu Hội đồng phần nhiều là thần thượng đẳng hộ nước giúp dân, rõ rệt có công đức, nên thông dụ cho các tỉnh, hạt nào nguyên đã dựng miếu Thành hoàng thì chuẩn cho vẫn phụng thờ như cũ. Hạt nào chưa từng kiến thiết chuẩn cho kính cẩn chọn đất xây ở nơi gần tỉnh thành, dựng làm miếu chuyên thờ Thành hoàng; còn miếu Hội đồng chuẩn cho đều vẫn phụng thờ như cũ, không nên thay đổi”¹⁰. Về quy thức làm miếu Thành hoàng giao cho bộ Lễ bộ Công bàn thi hành, theo đó miếu Thành hoàng được triều đình chuẩn y làm: “một tòa 3 gian, lòng xà 5 thước 8 tấc, chấn tâm 7 thước 2 tấc, cột cái dài 9 thước 5 tấc, ngang 6 tấc lợp ngói, mặt tả mặt hữu và mặt sau xây

tường gạch, biển ngạch khắc chữ “Thành hoàng miếu”. Hạt nào chưa làm thì đều chọn chỗ đất cao ráo ở góc tây nam gần thành tỉnh có thể làm, tức thì trừ tính đủ gỗ gọi thợ kính cẩn mà làm, hướng nam. Hạt nào đã có miếu cũ thì đợi khi nào cần tu bổ lớn và làm lại, tức thì làm theo kiểu mới”¹¹. Như vậy, dưới thời kỳ nhà Nguyễn việc thờ Thành hoàng đã được triều đình chú trọng quan tâm và có những quy định cụ thể, đặc biệt từ năm 1841 thời vua Thiệu Trị, ngoài miếu Thành hoàng ở kinh đô Huế, các tỉnh thành đều có miếu thờ Thành hoàng.

2. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Hội An

Vào thế kỷ 15, làng xã cộng đồng người Việt ở Hội An đã bắt đầu hình thành và dần phát triển mạnh vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Theo quan niệm của người Việt “Đất có Thổ công, Sông có Hà bá”, mỗi vùng đất đều có vị thần cai quản, bảo hộ sự bình an cho nhân dân sinh sống làm ăn trên mảnh đất đó. Chính vì thế trong quá trình khẩn hoang lập làng, những cộng đồng làng xã người Việt ở Hội An thường lập nên các công trình kiến trúc tín ngưỡng để thờ các vị thần này.

Thần Thành Hoàng ở Hội An nói riêng, Trung Bộ nói chung và Nam Bộ thường không có tên tuổi, thần tích và được thờ tự dưới hình tượng biểu trưng qua danh xưng thường gặp là “Bản cảnh Thành Hoàng”, “Bản xứ Thành hoàng”

⁸ Coi đất nơi mình ở (người dịch chú thích).

⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (Bản dịch năm 1994), *Minh Mệnh chính yếu, tập II*, NXB Thuận hóa Huế, tr. 196-197.

¹⁰ Nội các triều Nguyễn (Bản dịch Viện sử học năm 2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Tập VII*, NXB Thuận Hóa, tr.59.

¹¹ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Tập VII, Bản dịch đã dẫn*, tr.59.

điều này khác biệt so với các Thành hoàng làng ở miền Bắc. Trong tư liệu điều tra về các làng xã ghi chép trong Quảng Nam xã chí, phần làng Thanh Hà do Viện Viễn Đông bác cổ thực hiện từ năm 1941 đến năm 1943 cho biết: “*Vị Thành Hoàng, vị Bạch Mã, vị Đại Càn, Quan Thánh, vị Thủy Long, Ngũ Hành mà làng phải thờ là theo mệnh lệnh của nhà vua bắt buộc đó thôi chứ thần tích thờ không biết*”.¹²

Bên cạnh tư liệu Quảng Nam xã chí, bộ tư liệu Quảng Nam tỉnh tạp biên do Viện Viễn Đông bác cổ thực hiện những năm đầu thế kỷ XX cho biết, tại Hội An có đến 10/11 làng xã thờ Thành hoàng và được vua ban cấp sắc phong. Theo đó triều đình nhà Nguyễn phong sắc cho Thành hoàng là Bảo an Chánh trực Hựu thiện Đôn ngưng Dực bảo Trung hưng tôn thần; Quảng hậu Chánh trực Hựu thiện Đôn ngưng Dực bảo Trung hưng chi thần.

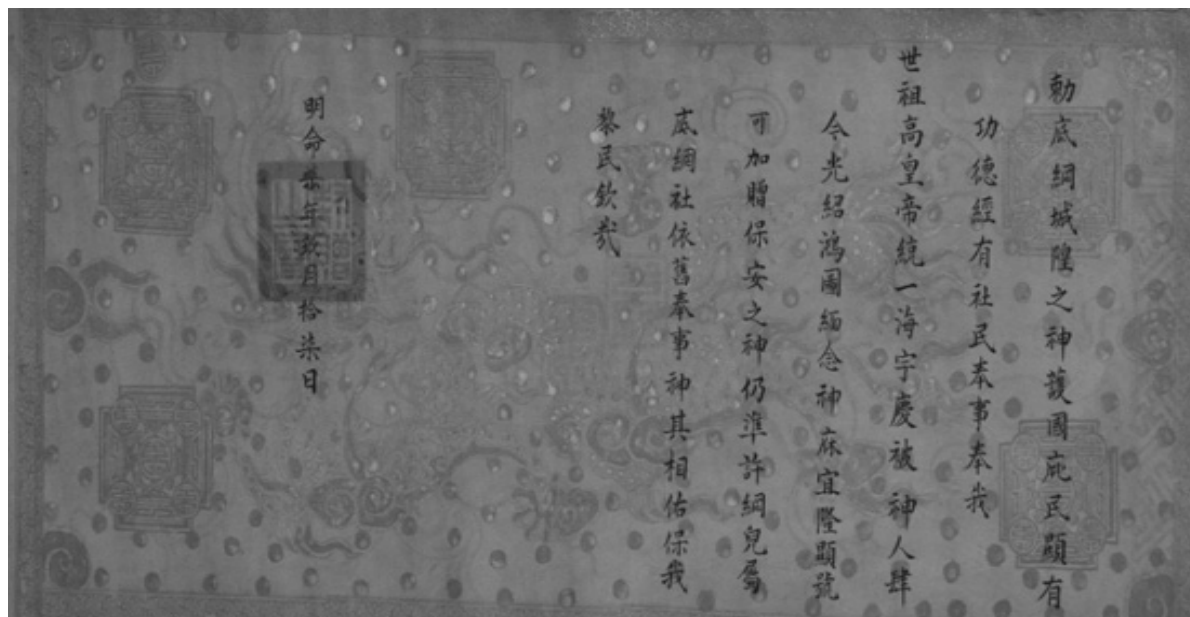
Trong số những làng có sắc phong Thành hoàng thì làng Thanh Nam có số sắc phong nhiều nhất là 8 sắc phong, làng Cẩm Phô, An Mỹ, Hội An ít nhất là 1 sắc phong, xã Minh Hương không có sắc phong nào về vị thần này. Sắc phong có niên đại sớm nhất vào năm Minh Mạng thứ 7 (1826), muộn nhất vào năm Khải Định thứ 9 (1924).¹³

Bảng thống kê sắc phong thần Thành hoàng tại các làng xã ở Hội An trong tư liệu Quảng Nam tỉnh tạp biên

STT	Tên làng xã	Số lượng sắc phong
01	Tân Hiệp	4
02	Đề Võng	4
03	Sơn Phô	4
04	An Mỹ	1
05	Thanh Nam	8
06	Thanh Đông	4
07	Minh Hương	
08	Sơn Phong	5
09	Hội An	1
10	Cẩm Phô	1
11	Thanh Hà	5
Tổng số		37

Thần Thành hoàng ở Hội An được thờ chính hoặc phối thờ ở nhiều đình làng như đình Cẩm Phô, đình Sơn Phong, đình Hội An, đình Thanh Hà... Đây là những làng xã có lịch sử hình thành lâu đời và có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của vùng đất Hội An trong lịch sử. Bên cạnh đó, thần Thành hoàng còn được thờ tự chính tại các thiết chế văn hóa làng (miếu) như làng Thành hoàng ở Cẩm An, làng Thành hoàng ở Cù Lao Chàm.

¹² Quảng Nam xã chí, bản sao lưu tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.
¹³ Số liệu tham khảo trong sách *Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 6: Sắc phong*, NXB Đà Nẵng (2021), tr. 100.



Sắc phong Thành hoàng năm Minh Mạng thứ 7 (1826)

Tại di tích lăng Thành hoàng ở Cù Lao Chàm hiện còn bài vị sơn son thếp vàng, đề: “*Bản xứ Thành hoàng đại vương tọa vị*”¹⁴. Một điểm đáng chú ý, tại di tích lăng Thành hoàng ở Cẩm An, bên cạnh thờ Thành hoàng làm chủ thần còn phối thờ thêm “*Thiên Hậu thánh mẫu nguyên quân*”, đây là vị thần được người Hoa thờ cúng, phù hộ cho việc đi biển. Qua việc phối thờ vị thần của người Hoa cho thấy sự giao lưu, tiếp biến văn hóa trong quá trình định cư, lập làng gắn liền với các hoạt động kinh tế thương mại biển tại vùng đất mới của các lưu dân phía Bắc.

Hàng năm, tại các đình làng, các di tích lăng thờ Thành hoàng ở Hội An vẫn duy trì lễ cúng tế Xuân, Thu nhị kỳ hay các ngày sóc (*mồng 1*), ngày vọng (*ngày rằm*). Qua đó nhằm tưởng nhớ công lao

thần Thành hoàng cùng các vị thần làng, tiền hiền, hậu hiền có công khai hoang, lập làng, bảo vệ và phù hộ nhân dân. Điều này thể hiện đạo lý, truyền thống tốt đẹp “*uống nước nhớ nguồn*” của cộng đồng dân cư ở Hội An.

Trải qua quá trình lịch sử, tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng ở Hội An vẫn được các thế hệ dân cư trân trọng, gìn giữ. Qua một số thông tin tư liệu cho thấy, tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Hội An có vai trò, vị thế hết sức quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư Hội An. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng gắn liền với các thiết chế văn hóa là những di sản quý báu, góp phần làm phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa Hội An, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc liên kết, gắn bó cộng đồng dân cư và khơi dậy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ♦

¹⁴ Võ Hồng Việt - Công Trung, *Lăng Thành hoàng ở Cù Lao Chàm*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, Bản tin số 04 (08)-2009, tr.46.

LỄ TẾ XUÂN CẦU AN TẠI XÓM THANH CHIẾM, PHƯỜNG THANH HÀ

CN.Trần Phương

Lễ hội truyền thống là hoạt động văn hóa xuất hiện ở Hội An từ lâu đời và có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, trong đó có lễ tế xuân cầu an. Lễ tế xuân cầu an đầu năm trong phạm vi xóm của cộng đồng cư dân Hội An nhìn chung vẫn duy trì và phục hồi theo nghi lễ truyền thống, góp phần gìn giữ những phong tục cổ truyền tốt đẹp của địa phương, trong đó có lễ tế xuân cầu an ở xóm Thanh Chiếm thuộc địa phận khối Thanh Chiếm, phường Thanh Hà.

Lễ tế xuân cầu an xóm Thanh Chiếm diễn ra trong 2 ngày, từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 2 tháng 2 âm lịch tại khu miếu ấp Thanh Chiếm (*miếu Thái Giám, miếu Ngũ Hành, miếu Âm Linh*) và miếu Bà Cỏ. Lễ tế xuân cầu an tại xóm Thanh Chiếm đã có từ lâu đời. Lễ tế này nhằm mục đích cầu cho mưa thuận gió hòa, dân tình yên ổn, làm ăn khấm khá, tránh được thiên tai, dịch bệnh.

Về đối tượng cúng tế

Thái Giám Bạch Mã: Là vị thần được thờ tự tại ngôi miếu của ấp Thanh Chiếm, giữ vị trí quan trọng và có ảnh hưởng lớn trong đời sống tín ngưỡng dân gian địa phương cũng như trong hệ thống phong thần của triều đình nhà Nguyễn. Cư dân nơi đây thờ thần Thái Giám Bạch Mã với tấm lòng thành kính, cầu mong thần bảo hộ cho nhân dân làm

ăn, buôn bán được may mắn, xóm làng yên bình, ấm no.

Bà Cỏ Vàng: Là vị nữ thần được thờ tự tại ngôi miếu của làng Thanh Hà trên địa phận đất ấp Thanh Chiếm. Vị nữ thần này có chức năng cai quản đất đai, độ trì bình an cho nhân dân. Cư dân xóm Thanh Chiếm thường gọi là Bà Cỏ Vàng/Vàng, xuất phát từ truyền thuyết lưu truyền trong dân gian rằng tại đây bỗng dưng hiện lên một viên đá đen, sau đó vị nữ thần nhập vào một xác đồng tự xưng là *Cổ Nương chi thần* hay là *Cổ Vàng/Vàng*. Sau khi được các viên chức của làng Thanh Hà lúc bấy giờ đến chứng kiến đã cho lập ngôi miếu bao bọc quanh viên đá để thờ và đề 2 chữ Hán tự là *Cổ Nương* cho đến ngày nay.

Ngũ Hành Tiên Nương: Đây là 5 vị nữ thần được thờ tự trong ngôi miếu tọa lạc trên khu đất của ấp Thanh Chiếm, tượng trưng cho 5 yếu tố cấu tạo và vận hành nên vạn vật dựa trên các nguyên tắc tương sinh tương khắc, gồm có Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, gọi chung là Ngũ Hành. Theo quan niệm trong dân gian, tín ngưỡng thờ Ngũ Hành có sự liên quan mật thiết đến mọi mặt của đời sống con người. Cộng đồng cư dân xóm Thanh Chiếm lập miếu thờ Ngũ Hành tiên Nương cầu mong được các Bà hộ trì trong việc làm ăn, sức khỏe, may mắn, tránh rủi ro, tai ương.

Âm linh: Còn gọi là cô bác, cô hồn, những vị này có thể là những người vô gia cư, không thân thích hoặc có thể họ vẫn có gia đình, người thân nhưng trong các thời kỳ loạn lạc phải ly biệt quê hương chẳng may tai bay vạ gió mất đi mà thân nhân không thể tìm được, không ai biết tên tuổi để cúng giỗ hằng năm, họ trở thành những linh hồn cô độc, không người hương khói, không nơi thờ tự. Các vị này được thờ tự trong ngôi miếu trên khu đất của ấp Thanh Chiêm.

Đối tượng bàn cúng cầu an: Theo quan niệm dân gian Hội An, ngoài các vị thần cai quản về đất đai thì còn một lực lượng quan trọng liên quan đến đất đai, đến sự yên ổn, cuộc sống làm ăn của nhân dân, đó là các vong linh phiêu dạt, không có con cháu thờ tự, các chiến sĩ tử trận, nạn nhân bị ôn dịch, chiến tranh, thiên tai... đặc biệt có nhiều vị thần, cô hồn của người Chăm như: chúa Lỗi, chúa Lạc, Chăm, Chợ, Mọi, Rợ... cần phải cúng cấp thường xuyên, chu đáo. Đối tượng cúng tại bàn cúng cầu an xóm Thanh Chiêm (*theo nội dung văn tế cầu an*) gồm có: Khai hoàng Hậu thổ, Vạn Phước nguyên quân tôn thần, Cửu Thiên Huyền Nữ liệt vị tiên nương, Hòa Nguyên đại thánh, Khương Phụ tiên sanh, Tiêu Diện Đại Sĩ diệm khẩu quỷ vương chi thần, Kim Niên hành khiển hành binh chi thần, Ngũ phương Ngũ đế Đầu ôn chương Xuân Hạ Thu Đông tứ quý chi thần, Ngũ phương Ngũ đế Đầu ôn sứ giả, Ngũ phương Ngũ nhật Đầu ôn sứ giả, Kim Niên Hành tai Hành bệnh chi thần, Kim Niên Hành ôn Hành dịch chi thần, Đông Trù Tư Mệnh Táo phủ thần quân, Ma Nương Đào Lương Nguyễn Thị Thúc đại thần, Thập loại cô hồn liệt vị, Chăm, Chợ, Mọi, Rợ.

Về lễ vật cúng tế

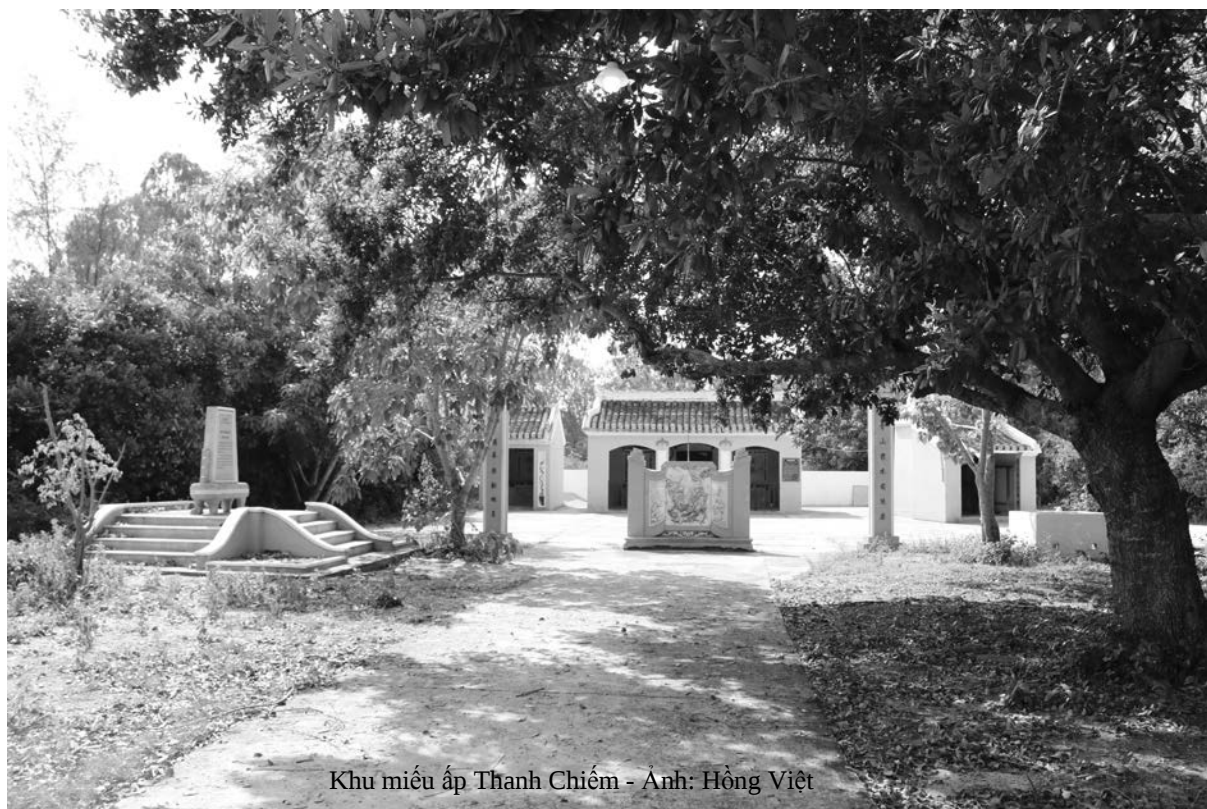
Tại miếu Thái Giám Bạch Mã gồm có: nải chuối, hương đèn, bình hoa cúc, thuốc lá, trầu cau, rượu, nước, giắc trầm, bộ đồ thần, tiền vàng mã, bánh tráng, bánh in, bánh chung, tợ thịt rắc muối sống, một con heo quay, bộ tim/gan/lòng lợn luộc.

Tại miếu Bà Cỗ Yàng gồm có: nải chuối, hương đèn, bình hoa cúc, thuốc lá, trầu cau, rượu, nước, giắc trầm, 2 bộ áo giấy, tiền vàng mã, bánh tráng, bánh in, bánh chung, tợ thịt heo.

Tại miếu Ngũ Hành Tiên Nương gồm có: nải chuối, hương đèn, bình hoa cúc, thuốc lá, trầu cau, rượu, nước, giắc trầm, 5 bộ áo giấy, tiền vàng mã, bánh tráng, bánh in, bánh chung, tợ thịt heo.

Tại miếu Âm linh gồm có: nải chuối, hương đèn, bình hoa cúc, thuốc lá, trầu cau, rượu, nước, giắc trầm, tiền vàng mã, bánh tráng, bánh in, bánh chung, tợ thịt kèm muối hạt, ram chiên, com, nước mắm, cá chiên, canh, cháo thánh, bún, gạo muối, bột nổ; các loại thực phẩm luộc như khoai lang, sắn, gà, thịt heo.

Tại bàn cúng cầu an gồm có 3 tầng bàn (*thượng, trung, hạ*), mỗi bàn đều có hương đèn, hoa quả, cau, trầu, rượu, thuốc, giấy tiền vàng bạc. Bàn thượng là bàn cúng các vị thần cai quản về đất đai, lễ vật gồm có: 2 bộ thổ thần, 1 bộ áo ngũ phương, 1 đầu heo luộc, 1 con gà, bánh ít, bánh chung, bánh kẹo màu, tợ thịt heo luộc. Bàn trung là bàn cúng các vị chiến sĩ trận vong, các vong linh bất đắc kỳ tử, đặt lễ vật gồm có: tợ thịt heo luộc, bánh ít, bánh chung, cháo loãng, mâm cỗ cúng com và 1 bàn áo giấy vàng mã, 1 bộ tam sên, gạo muối, hạt nổ. Bàn hạ là bàn cúng hương linh người Chăm, Hời, lễ vật gồm có: com, cá chiên, ram, chả, canh



Khu miếu ấp Thanh Chiêm - Ảnh: Hồng Việt

khô qua, bún, bánh tráng, mắm cá; các thực phẩm luộc như: thịt heo, rau lang, cháo trắng loãng; đậu phộng, bắp, mía, khoai lang, sắn, gà. Ngoài ra, trước bàn cúng cầu an còn đặt mô hình Long Chu bằng giấy, đây là phương tiện để chuyên chở, tống khứ ôn hoàng, dịch lệ phá hoại dân làng.

Về trình tự lễ cúng

Công tác chuẩn bị: Cộng đồng cư dân xóm Thanh Chiêm (*gồm các tổ 32, 33, 34, 35 khối Thanh Chiêm*) bầu chọn, thành lập ban tổ chức lễ cúng của xóm, gồm có 5 người trong nhiệm kỳ 5 năm. Thành viên ban tổ chức do cư dân địa phương tín nhiệm bầu chọn là những người am hiểu về lịch sử của xóm, có uy tín, năng lực và nhiệt tình. Đối với lễ tế xuân cầu an, ban tổ chức lễ cúng tiến hành họp bàn, thành lập thêm một số ban khác để phụ giúp như: ban trang trí và trần thiết, ban đời sống, ban thư ký, ban

ngghi lễ (*chánh bái, tả/hữu phân hiến, xướng độc, đại cổ, nhạc lễ, bồi tế, người chuẩn bị nội dung văn tế, người liên hệ Long Chu, người chuẩn bị lễ phục, âm thanh, ánh sáng*). Đối với ban nghi lễ, những người được chọn làm chánh bái, tả/hữu phân hiến là những người phải đảm bảo những tiêu chuẩn như sau: gia đình không có tang khó, là người có vợ có con, từ 50 tuổi trở lên (*trọn vẹn hơn là có con trai nối dõi*). Về kinh phí thực hiện, một phần kinh phí từ số dư của nguồn thu từ lễ cúng năm ngoái. Đồng thời, trước khi lễ cúng diễn ra khoảng 10 ngày, ban tổ chức sẽ đi vận động các hộ dân trong xóm ủng hộ kinh phí để tổ chức lễ cúng, số tiền đóng góp không quy định cụ thể mà tất cả đều tùy tâm. Danh sách các hộ đóng góp kinh phí được niêm yết công khai tại khu miếu trong ngày diễn ra lễ cúng. Trước và trong ngày diễn ra lễ cúng, đông đảo

nhân dân trong xóm đến tham gia phụ giúp các công việc. Từ các vị cao niên, trung niên, thanh niên cùng chung tay khiêng vác, sửa soạn bàn ghế, đến các cô các chị em cùng lo việc mua sắm, nấu nướng tạo nên bầu không khí vui tươi, rộn ràng.

Theo lệ truyền, hằng năm vào buổi sáng ngày mùng 1 tháng 2 âm lịch, cư dân trong xóm tổ chức dâng cỗ, dâng hương tại các ngôi mộ vô chủ trong xóm.

Vào chiều tối ngày 1 tháng 2 âm lịch sẽ diễn ra lễ túc, lễ này được thực hiện trong ngày thứ nhất của chương trình lễ cúng. Mục đích của lễ túc nhằm báo cáo đến chư thần vào ngày mai cư dân trong xóm sẽ tổ chức cúng lễ chánh. Quy trình thực hiện nghi lễ diễn ra cùng một lúc tại 4 ngôi miếu. Tại miếu Thái Giám Bạch Mã, ban tế lễ gồm có 1 chánh bái đứng ở giữa, 1 Đông xướng (đứng ở phía Đông bàn thờ), 2 người phụ tế (bồi tế) đứng ở 2 bên bàn thờ. Tại các miếu Bà Cỏ, miếu Ngũ Hành, miếu Âm linh có 1 chánh bái đứng ở giữa, 1 người phụ tế (bồi tế) đứng trong miếu. Đội nhạc lễ, chiêng trống đứng ở trước miếu Thái Giám Bạch Mã. Nghi thức của lễ tế này diễn ra theo lệnh hô của người xướng (người xướng này đứng ở miếu Thái Giám Bạch Mã), gồm có:

Hành nghi tế lễ: Chấp sự giả các tư kỳ sự (tất cả ban tế lễ vào vị trí giữ vai trò công việc của mình), khởi chinh cổ (đánh chậm ba hồi chinh cổ và điểm lại 3 dùi, cứ thế tiếp tục), lễ nhạc (ban nhạc khởi động), chánh tế tựu vị (chánh tế vào đứng gian giữa), quỳ (chánh tế quỳ), phân hương (bồi tế tay cầm hương quỳ xuống chuyển cho chánh tế), niệm hương

(chánh tế tay cầm hương khấn, vái 3 vái), thượng hương (chánh tế chuyển hương cho bồi tế dâng hương lên bàn thờ), phủ phục (chánh tế lạy sát đất), hưng (chánh tế đứng dậy), nghinh thần (cúc cung bái (chánh tế lạy nghinh thần), hưng bái (đứng lên lạy 4 lần), hưng bình thân phục vị (đứng lên, về vị trí cũ).

Hành sơ hiến lễ: Nghệ tôn thần vị tiền (chánh tế đến trước bàn thờ), quỳ (chánh tế quỳ), chúc tửu (bồi tế rót rượu trên các bàn thờ), phủ phục (chánh tế lạy sát đất), hưng bình thân phục vị (chánh tế đứng lên, về vị trí cũ).

Hành á hiến lễ: Nghệ tôn thần vị tiền (chánh tế đến trước bàn thờ), quỳ (chánh tế quỳ), chúc tửu (bồi tế rót rượu trên các bàn thờ), phủ phục (chánh tế lạy sát đất), hưng bình thân phục vị (chánh tế đứng lên, về vị trí cũ).

Hành chung hiến lễ: Nghệ tôn thần vị tiền (chánh tế đến trước bàn thờ), quỳ (chánh tế quỳ), chúc tửu (bồi tế rót rượu tại các bàn thờ), phủ phục (chánh tế lạy sát đất), hưng (chánh tế đứng dậy), cúc cung bái (chánh tế lạy từ thần), hưng bái (chánh tế đứng lên lạy 2 lần), bình thân phục vị (chánh tế về lại vị trí cũ), nghệ hương án tiền (chánh tế đến trước bàn thờ), quỳ (chánh tế quỳ), điểm trà (bồi tế rót trà trên các bàn thờ), phủ phục (chánh tế lạy sát đất), hưng (chánh tế đứng lên), cúc cung bái (chánh tế lạy từ thần), hưng bái (chánh tế đứng lên lạy 1 lần), hưng bình thân phục vị (chánh tế đứng lên, về vị trí cũ), chánh tế xuất vị (chánh tế đi ra bên ngoài), lễ thành (đánh 1 hồi chinh cổ).

Về trang phục, chánh tế mặc áo dài đỏ, quần trắng, đầu đội khăn niền đỏ; phụ tế (bồi tế) mặc áo dài đen, quần

trắng, đầu đội khăn niền đen; người xướng (*Đông xướng*) mặc áo màu xanh kiểu quan văn, quần màu trắng, đầu đội mũ màu xanh.

Sau khi lễ tức kết thúc, các thành viên trong ban tổ chức cùng nhau ngồi lại để bàn bạc, nhắc nhở về các công việc đã phân công vào ngày mai. Vào buổi tối tại khuôn viên khu miếu, thanh niên trong xóm tổ chức giao lưu văn nghệ, sau đó sẽ ở lại trông coi lễ vật, vật phẩm chuẩn bị cho ngày mai cúng lễ chánh. Lễ chánh diễn ra vào ngày 2 tháng 2 âm lịch, từ lúc 6 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút. Quy trình cúng được thực hiện lần lượt từng nơi, trình tự như sau: miếu Thái Giám Bạch Mã, miếu Bà Cỏ, miếu Ngũ Hành, miếu Âm linh và cuối cùng là bàn cúng cầu an ở ngoài trời.

Tại miếu Thái Giám Bạch Mã, ban tế lễ gồm có 1 chánh tế đứng ở giữa, tả/hữu phân hiến (*Đông/Tây phân hiến*), 1 Đông xướng (*đứng ở phía Đông bàn thờ*), 1 người đọc văn tế, 2 người phụ tế (*bồi tế*) đứng ở 2 bên bàn thờ. Tại các miếu Bà Cỏ, miếu Ngũ Hành, miếu Âm linh có 1 chánh tế đứng ở giữa, 2 người phụ tế (*bồi tế*) đứng trong miếu, 1 Đông xướng, 1 người đọc văn tế. Riêng tại bàn cúng cầu an ngoài trời, ban tế lễ gồm có 1 chánh tế đứng ở giữa, tả/hữu phân hiến (*Đông/Tây phân hiến*), 1 Đông xướng, 1 người đọc văn tế, 04 người phụ tế (*bồi tế*).

Nghi thức của lễ tế này diễn ra theo lệnh hô của người xướng đọc, gồm có các lễ theo trình tự như sau:

Hành nghi tế lễ: Chấp sự giả các tư kỳ sự (*tất cả ban tế lễ vào vị trí giữ vai trò công việc của mình*), cử soát lễ vật (*chánh tế đi xem xét lễ vật để bổ sung,*

điều chỉnh nếu có thiếu sót trước khi tế lễ), đồng văn nhạc sanh lễ bái (*những người trong đội nhạc lễ đứng trước bàn thờ vái 3 vái, xong lui về vị trí cũ*), khởi chinh cổ (*đánh chậm ba hồi chinh cổ và điểm lại 3 dùi, cứ thế tiếp tục*), nhạc sanh khởi nhạc (*nhạc lễ khởi 3 xấp chậm rãi*), tả/hữu phân hiến tỵ vị (*hai vị lạy hai bên vào đứng tại hai gian Đông/Tây*), chánh tế tỵ vị (*chánh tế vào đứng gian giữa*), chánh tế và Đông/Tây phân hiến nghệ quán tẩy sở (*chánh tế và Đông/Tây phân hiến đến chỗ rửa tay, rửa mặt*), quán tẩy (*rửa mặt và rửa tay*), thuế cân (*lau mặt và tay, quay trở về vị trí của mình*), quy (*chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng quỳ*), phần hương (*bồi tế tay cầm hương trầm quỳ xuống chuyển cho người lạy chánh*), niệm hương (*chánh tế tay cầm hương khấn, vái 3 vái*), thượng hương (*chánh tế chuyển hương cho bồi tế dâng hương lên bàn thờ*), phủ phục (*chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng lạy sát đất*), hưng (*đứng dậy*), nghinh thần cúc cung bái (*chánh tế và tả/hữu phân hiến lạy nghinh thần*), hưng bái (*chánh tế và tả/hữu phân hiến đứng lên lạy 4 lần*), hưng bình thân phục vị (*đứng lên, về vị trí cũ*).

Hành sơ hiến lễ: Nghệ tôn thần vị tiên (*chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng đến trước bàn thờ*), quy giai quy (*chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng quỳ*), chúc tửu (*bồi tế rót rượu trên các bàn thờ*), phủ phục (*chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng lạy sát đất*), hưng bình thân phục vị (*chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng đứng lên, về vị trí cũ*), nghệ độc chúc vị (*chánh tế và tả/hữu phân hiến lạy rồi về đứng ở chiếu giữa*), tư chúc giả bồng chúc văn (*người đọc văn tiến vào bàn*

thờ bưng chúc văn ra cùng đứng hướng vào bàn thờ với chánh tế, chúc văn hướng vào bàn thờ), quy giai quy (tất cả cùng lay), chuyển chúc (người đọc văn quay chúc văn ra cho chánh tế bưng, vái rồi chuyển lại cho người đọc văn, bồi tế cầm đèn soi văn), đọc chúc (người đọc văn cúng xoay mặt chữ vào phía mình và giở tờ giấy vàng bạc niêm bản văn cúng và bắt đầu đọc, sau mỗi câu đều điểm chiêng trống và ban nhạc điểm trống; khi ban nhạc điểm trống xong, người đọc mới được đọc câu kế tiếp; khi đọc hết bài văn tế, ban nhạc đổ hồi trống dài rồi chuyển nhịp), phủ phục hưng bình thân phục vị (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng đứng lên), hưng bái (đứng lên, lay 4 lần), hưng bình thân phục vị (đứng lên, về vị trí cũ).

Hành á hiến lễ (lễ dâng rượu lần thứ 2): Nghệ tôn thần vị tiền (chánh tế và tả/hữu phân hiến đến trước bàn thờ), quy giai quy (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng quy), chúc tửu (bồi tế rót rượu tại các bàn thờ lần 2), phủ phục hưng bình thân phục vị (chánh tế và tả/hữu phân hiến lay, đứng lên, bước

xuống về đứng vị trí ban đầu). Ban nhạc đổ hồi trống dài rồi chuyển nhịp điệu dần lễ, trống dứt.

Hành chung hiến lễ (lễ dâng rượu lần thứ 3 và cũng là lần cuối): Nghệ tôn thần vị tiền (chánh tế và tả/hữu phân hiến đến trước bàn thờ), quy giai quy (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng quy), chúc tửu (bồi tế rót đầy rượu vào các ly trên bàn thờ), phủ phục hưng bình thân phục vị (chánh tế và tả/hữu phân hiến lay, đứng lên, bước xuống về đứng vị trí ban đầu), nghệ hương án tiền (chánh tế cùng tả/hữu phân hiến bước lên trước bàn thờ), quy giai quy (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng quy), điểm trà (bồi tế rót trà trên các bàn thờ), phủ phục hưng bình thân phục vị (chánh tế và tả/hữu phân hiến lay, đứng lên, bước xuống về đứng vị trí ban đầu), nghệ tôn thần vị tiền (chánh tế và tả/hữu phân hiến đến trước bàn thờ), quy giai quy (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng quy), ẩm phước (bồi tế bưng ly rượu trên bàn thờ chuyển cho người lay), thọ phước (người lay vái 3 vái, nhắm một hóp rồi

chuyển cho bồi tế đặt xuống đất trước bàn thờ), thọ tộ (bồi tế bưng tộ thịt cho người lay vái 3 vái rồi đặt xuống đất), phủ phục hưng bình thân (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng lay, đứng lên, giữ nguyên vị trí), cúc cung bái hưng bái (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng lay 2 lay), bình thân phục vị (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng lui về vị trí ban đầu), chánh tế tả/hữu phân hiến



Quang cảnh buổi Lễ tế xuân cầu an tại xóm Thanh Chiêm, phường Thanh Hà

xuất vị (chánh tế và tả/hữu phân hiến lay, lùi ra ngoài), thiêu khước (chánh tế vào gian Đông rồi đến gian Tây, mỗi bàn thờ lay 4 lay; Đông phân hiến, Tây phân hiến cùng vào gian giữa lay 4 lay; sau đó, Đông phân hiến sang lay bàn thờ gian Tây và ngược lại Tây phân hiến sang lay bàn thờ gian Đông; mọi người dự lễ tế như dân làng, khách mời lần lượt vào lay), tiếp đến là thực hiện tống Long Chu (chánh tế, bồi tế bỏ lễ vật mỗi thứ một ít tại bàn cúng cầu an ngoài trời vào trong Long Chu, mọi người trong làng cùng nhau khiêng Long Chu ra thả ngoài sông), bên trong tiếp tục lễ cúng: phục vị (chánh tế và tả/hữu phân hiến về lại vị trí ban đầu), phần chúc (người đọc văn và bồi tế mang chúc văn và kim ngân, vàng bạc, áo giấy ra khỏi các bàn thờ), tấu chúc (đốt văn, phát gạo muối tại bàn cúng cầu an bên ngoài, đốt vàng bạc, áo giấy), cúc cung bái hưng bái (chánh tế và tả/hữu phân hiến cùng lay 4 lay), bình thân phục vị (chánh tế cùng tả/hữu phân hiến lui về vị trí ban đầu), lễ thành (đánh một hồi chinh cổ). Ban nhạc đồ hồi trống dài rồi chuyển nhịp điệu dẫn lễ, trống dứt. Sau khi lễ chánh kết thúc, bà con nhân dân địa phương cùng đại biểu, khách mời cùng dùng bữa cơm thân mật ngay tại khuôn viên khu miếu.

Sau khi lễ tế xuân kết thúc, ban tổ chức sẽ tổng kết tình hình kinh phí thu chi của lễ cúng, tiến hành chi trả các khoản đã chi cho công việc tổ chức lễ cúng, phần kinh phí còn dư lại sẽ phục vụ cho việc chung của xóm như: đóng góp lễ cúng tại các địa phương lân cận, sắm sửa vật dụng cần thiết trong việc trang hoàng, hương khói tại di tích trong

các dịp lễ, phúng điệu những người qua đời là con dân trong xóm. Lễ tế xuân cầu an ở xóm Thanh Chiếm nhằm tưởng nhớ công ơn các bậc tiền nhân, các vị thần bảo hộ thôn xóm yên bình. Lễ cúng thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” đối với công ơn của Tổ tiên và các bậc tiền nhân đã gây dựng nên làng xóm như hiện nay. Đây cũng là dịp bà con xóm Thanh Chiếm gặp gỡ nhau hàn huyên trong dịp đầu năm, cùng bàn bạc, giúp đỡ nhau trong công việc, gắn kết cộng đồng cư dân địa phương thêm thắt chặt tình làng nghĩa xóm, đoàn kết hơn trong cuộc sống thường ngày. Ở một góc độ khác, có thể nhìn nhận các hoạt động đó đã trở thành nhu cầu văn hóa mang yếu tố tâm linh không thể thiếu trong đời sống hiện đại. Lễ tế xuân cầu an xóm Thanh Chiếm có quy mô tương đối lớn với sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân địa phương. Nội dung của lễ cúng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống, có tính lược một số chi tiết cho phù hợp với điều kiện của địa phương nhưng vẫn giữ được các nghi thức cơ bản. Về thành phần tham gia trong việc chuẩn bị cho lễ cúng, so với một số địa phương khác thì lực lượng thanh niên tại đây tham gia nhiều hơn, tích cực tham gia thực hiện các công việc đã được giao. Đặc biệt, vào buổi tối lễ túc, tại khuôn viên khu miếu, thanh niên trong xóm còn tổ chức giao lưu văn nghệ và ở lại trông coi lễ vật, vật phẩm chuẩn bị cho ngày mai cúng lễ chánh. Đây là một biểu hiện đáng quý khi mà giới trẻ hiện nay không còn mẫn mà với công việc của xóm/làng thì tại xóm Thanh Chiếm, lực lượng thanh niên tham gia vào công việc này rất xông xáo ♦

TRUYỀN THÔNG SỬ DỤNG THÚNG CHAI Ở HỘI AN

ThS. Thái Thị Liễu Chi

1. Sự hiện diện của chiếc thúng chai tại các làng biển ở Hội An và dấu tích xưa để lại

Người Hội An đã sớm biết khai thác các nguồn lợi từ biển với những ngành nghề khá đa dạng như đánh bắt hải sản, khai thác yến sào, đi buôn bằng ghe bầu ra Bắc, vào Nam. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, những kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động đó đã tạo nên một hệ thống tri thức dân gian về khai thác thủy, hải sản rất dày dặn. Trong đó, tri thức chế tạo, sử dụng các phương tiện sông nước là một thành tựu quan trọng. Xưa nay ghe bầu vốn nổi danh với hành trình dọc biển qua nhiều xứ sở trong Nam ngoài Bắc, gió ngược chiều mà vẫn dong buồm để đi được dựa vào kỹ thuật chạy vát. Ghe bầu của Hội An càng nức tiếng so với ghe bầu những vùng biển khác vì nơi đây vốn là chốn hội tụ hàng hóa nông lâm thổ sản khắp miền ngược miền xuôi, Đông - Tây xa gần.

Ngoài tiếng vang một thời của những chiếc ghe bầu, cư dân Hội An còn sở hữu một phương tiện vô cùng tiện ích cho nghề khai thác sông nước là thúng chai. Không đồ sộ bằng cả một gia tài, cũng không ngược xuôi khắp xứ được như chiếc ghe bầu đi buôn, thúng chai bé nhỏ chỉ loanh quanh cùng ngư dân ra lộng vào bờ, đi sông đi lạch. Thúng chai còn được giao du đây đó trên mình ghe

bầu đến những vùng đất lạ, làm phương tiện di chuyển nhỏ lẻ trong những ngày chủ hàng phải lưu lại thăm thú, mua bán. Chắc có lẽ trong quá trình ấy, người Hội An đã ít nhiều có sự giao lưu về kỹ thuật đan và sử dụng thúng chai với dân cư các địa phương khác.

Bé nhỏ là thế nhưng thúng chai rất linh hoạt giữa biển cả mênh mông sóng gió, không dễ gì bị vùi dập, nhận chìm, hết như cách các chủ nhân của vùng đất này đã thích ứng, xoay trở để môi trường xa lạ thuở ban đầu trở thành quê hương, xứ sở như bây giờ. Kỹ thuật điều khiển thúng chai so với các phương tiện sông nước khác cũng khá nhiều điểm đặc biệt, có phần ưu việt như tiện lợi, nhẹ nhàng, giản đơn kiểu “*sóng chiều nào xoay chiều đấy*”, hiệu quả và an toàn. Đến nay, nghề đánh bắt thủy hải sản bằng thúng chai vẫn được duy trì và phát triển tại những vùng ven biển, gần sông ở Hội An như Cửa Đại, Cẩm An, Cẩm Kim, Thanh Hà, Cẩm Thanh... Đến những làng cá ở Hội An, bao giờ cũng thấy những chiếc thúng chai bập bênh giữa sóng nước hay úp mình nghỉ ngơi trên bong tàu, đợi ngày ra khơi. Dọc các bãi tắm mịn màng cát ven biển Hội An, du khách hẳn sẽ cảm thấy xao xuyến với những chiếc thúng chai tròn vành vạnh nằm phơi mình dưới nắng, tựa như con người đã tài tình điểm xuyết vào bức tranh thiên nhiên rộng lớn nơi đây nét

chấm phá sinh động về một cuộc sống cần lao đầy tự do, phóng khoáng. Loanh quanh qua những bến nước xóm gành, lại thấy thấp thoáng chiếc thúng chai bé nhỏ xoe tròn neo sát bờ đất hay nép mình gần một rặng dừa nước xanh rì, vài người dân chài nhíp nhàng tay dầm, định thúng ra thăm rớ, thả lờ trên sông... Đẹp như một bài thơ.

Hội An đã từng có cả một làng nghề đan thúng chai ở Kim Bồng (nay là xã Cẩm Kim - Hội An) với 10-15 hộ tham gia, một số ít ở Cẩm Nam, và rất nhiều ngư dân ven biển Cẩm An ngày trước cũng tự túc đan thúng cho mình, nhưng nay không còn nghề nhân nào thực hành nữa. Qua lời văn tế của các hộ dân đan thúng ở Cẩm Kim vào dịp giỗ tổ mùng 6 tháng Giêng hàng năm trước đây, công đức của vị tổ nghề được thành kính suy tôn, nhưng không ai còn nhớ bắt nguồn từ thời gian nào: “*Ngài là bậc chí tôn thương dân lắm than điều linh trước mũi tên ngọn giáo của quân xâm lược nên truyền nghề đan thúng đánh giặc đem lại cuộc sống yên bình một cõi giang san... Rồi lại giúp dân ra khơi kiếm con cá con tôm khiến cho dân lành no đủ...*”¹.

Ngoài vùng đất Hội An, còn nơi đâu trên dải đất hình chữ S này có sự hiện diện của chiếc thúng chai nữa không? Thúng chai ra đời từ khi nào? Từ đâu?... Với câu hỏi đầu tiên, có thể bằng quan sát để trả lời được rằng: Thúng chai không có mặt ở vùng biển miền Bắc, phải đến Bắc miền Trung mới thấy, và từ đấy trở vào Nam, dọc dài các làng biển

đâu đâu cũng có. Với câu hỏi còn lại, thật khó để truy tìm ngọn ngành, nguồn cội vì vượt xa tầm ký ức của từng con người cụ thể, những trang tư liệu về phương tiện sông nước ở địa phương cũng chưa làm sáng rõ được. Ngay cả những nhận định về nguồn gốc Chằm Pa² của chiếc thuyền thúng cũng chỉ mang tính ước đoán, suy luận, dựa vào truyền thống nghề biển nhiều thành tựu nổi tiếng của họ mà thôi.

2. Các kiểu loại thúng chai ở Hội An

Cũng vì lịch sử ra đời thật xưa cũ của chiếc thuyền thúng và mức độ hữu dụng tuyệt vời của nó, ngư dân đã tạo ra cả một họ hàng nhà thúng chai: thúng tròn, thúng méo hột xoài, thúng méo mũi nhọn (*thúng nhọn*),... phù hợp với kinh nghiệm từng trải biển và nhu cầu tải trọng. Thúng chai dạng tròn là phổ biến nhất ở khắp các vùng biển, chứa được nhiều ngư cụ và thủy sản hơn thúng nhọn (*song không lướt sóng nhanh bằng*). Kích cỡ thúng tròn cũng đủ loại, từ thông thường 2m, 2,4m cho đến “*kéch xù*” 4m, tính theo đường kính vành thúng. Ở Hội An và một số vùng lân cận như Điện Dương, Duy Hải, Duy Nghĩa, Thăng Bình,... còn có loại thúng méo hột xoài. Thúng nhọn Quảng Nam thịnh hành ở Duy Hải (*Duy Xuyên*), Tam Thanh (*Tam Kỳ*) từ lâu đời, cũng được người dân nơi đây gọi là thúng méo. Thúng nhọn có một đầu bo cong, đầu kia kéo dài ra, hếch lên cao như mũi ghe nhưng không vẽ mắt, hình dung tựa một chiếc bẹ hoa chuối khổng lồ.

¹ Nhà Nghiên cứu Nguyễn Đức Minh sưu tầm, *Nghề truyền thống Hội An* (2008), Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, trang 185.

² Quách Giao, Lê Nguyên Khánh (2017), *Thuyền thúng Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng.



Ngư dân vùng biển An Bàng khiêng thúng vào bờ
- Ảnh: Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản

Dựa trên những hình dáng, kết cấu truyền thống ấy, các dạng thúng chai ngày nay có thể được chế tạo từ nhiều loại vật liệu tổng hợp, thay thế nguyên vật liệu có trong tự nhiên. Với ngư dân của những thế kỷ trước, tre, trúc, mây, phân bò, dầu rái sẵn tiện bao nhiêu thì nay càng khó kiếm tìm nguồn cung cấp cho ưng ý mà hợp túi tiền bấy nhiêu. Thay vào đó, những vật liệu nhân tạo như keo, nhựa, cước, vải bố, sơn màu,... lại tiện lợi và luôn sẵn có tại cửa hàng, chưa kể là bền bỉ và không phải mất công dặm dọt hàng năm. Tuy vậy, chiếc thúng chai đan bằng tre, trét dầu rái bóng loáng, càng được chăm chút bảo quản thường xuyên lại càng “*lên nước*”, hút mắt nhìn hơn hẳn. Một khi đã ngồi trên chiếc thúng ấy thì cứ vững dạ dong khơi, bởi nó có độ đầm chắc tự nhiên, không trơn tuột phăng gió như thúng đúc bằng nhựa hay thúng đắp vải bố, trít keo. Xét đến đó, lại càng khâm phục óc sáng tạo của ông bà ngày xưa và đôi bàn tay tài hoa, khéo léo của những ngư ông - thợ làm thúng chai bao đời. Với chiếc thúng chai nhỏ gọn, linh

hoạt xoay trở trong gió, sóng biển cả, một ngư dân hoàn toàn có thể làm chủ được chuyến đi của mình như chèo, chống, bủa lưới, quăng câu, kéo lưới, thu lượm hải sản đánh bắt được... Đặc biệt là, để đối phó với những con sóng lừng lựng trên bãi ngang những ngày trở trời, chỉ có thúng chai mới “*cưỡi*” được trên mình sóng mà lướt ra biển.

Theo kí ức của ngư dân Hội An, trước đây, ngoài thúng chai, phương tiện đi biển bãi ngang còn có ghe mè be gỗ (*chò/kiền kiền*) đáy bầu, dài khoảng 10-13m. Do loại ghe này không chịu được lay giật, va đập bằng thúng chai; cộng với việc di chuyển ghe mỗi lần lên xuống bãi cần nhiều người khiêng vác hơn, nên đã không còn được sử dụng ở bãi ngang vùng biển Cẩm An. Thay vào đó, nơi đây xuất hiện một loại phương tiện mới, quen được bà con gọi là thúng “*méo*”, hay thúng “*hột xoài*”. Thúng méo chỉ mới góp mặt ở Hội An vào khoảng năm 1990, từ Điện Dương du nhập tới. Từ đó đến nay, bà con cũng chỉ đặt hàng tại các trại làm thúng ở Điện

Dương chứ không tự đan. Hiện nay, loại thúng này được ngư dân phường Cẩm An, thành phố Hội An ưa chuộng để ra khơi khai thác hải sản. Các làng chài khác ít sử dụng.

Thúng méo ở Hội An và các vùng lân cận có hình bầu dục nên còn được gọi là thúng hột xoài. Kích cỡ lớn hơn nhiều so với chiếc thúng chai chúng ta vẫn thường thấy trên các bãi cát ven biển. Do vậy, thúng méo không vào bãi ngang, chúng được neo ở cảng (*cảng Cửa Đại*) hoặc vào sâu các bến sông (*ở Tân Thịnh, Tân Mỹ - Cẩm An*) sau mỗi chuyến ra khơi để tiện cho việc đưa hàng lên xe vận chuyển đến các chợ. Chính vì thế, tuy ngư dân phường Cửa Đại chủ yếu dùng ghe, tàu nhưng ngay tại cảng sông trên vùng này lại thấy rất nhiều thúng méo neo đậu. Đó là những chiếc thúng của ngư dân Cẩm An và Điện Dương cập bến.

Từ những lợi thế của thúng chai truyền thống là gọn nhẹ, linh hoạt, chịu va đập sóng tốt, ngư dân đã sáng tạo nên chiếc thúng méo để đánh bắt xa bờ, lắp động cơ nhằm giảm nhẹ sức người. Về cơ bản, thúng méo có cấu tạo như một chiếc thúng chai truyền thống với mê đan bằng nan tre, lặn vành thúng bằng các thanh tre cỡ lớn, trám phân bờ, quét dầu rái để tăng lực liên kết của vật liệu, chống thấm nước và trơn láng. Điều khác biệt dễ nhận thấy nhất là ngư dân đã điều chỉnh về hình dáng để chiếc thúng dễ lướt sóng khi gắn động cơ tốc độ cao; đồng thời, gia cố gỗ giúp thân thúng vững chắc hơn. Chiếc thúng loại này không còn dạng tròn nữa nên đã có bộ phận gọi là mũi và hông thúng. Mũi thúng được thiết kế nhọn cao, nhọn, để dễ lướt sóng, hai bên hông thúng hẹp lại sẽ hạn chế sức cản

của nước khi thúng lướt đi. Trong lòng thúng méo, bộ rã bằng tre truyền thống đã được người dân thay bằng giàn đà làm từ gỗ, tăng khả năng đương đầu với sóng to gió lớn ở biển xa.

Thời kỳ đầu những năm 80 của thế kỷ trước, thúng méo được ngư dân Điện Dương chế tác có độ tròn mình hơn hiện giờ, dài 4m, rộng 1,8m, sử dụng các loại máy D6, 8, 12, 15 và tận dụng các máy của cano cũ. Đến khoảng năm 1987, ngư dân sử dụng các cỡ thúng lớn hơn vì đã có những loại động cơ công suất cao hơn. Hiện nay, thúng méo loại nhỏ dài khoảng 6,5m, rộng 3,2m, loại lớn dài 7m, rộng 3,3m; sử dụng các loại máy lốc như 2T của Nhật, máy D28, D30, D38... của Trung Quốc. Với sự hỗ trợ của các loại máy móc, thiết bị hiện đại, điều khiển thúng méo có khi chỉ 1 người là đủ, ra biển từ chiều tối hôm trước, đến sáng sớm hôm sau trở vào bờ.

Thúng chai được sử dụng khá phổ biến ở Hội An, vừa là phương tiện đánh bắt thủy hải sản truyền thống vừa là phương tiện vận chuyển trên sông nước của những nhà làm nghề biển; có khi làm phương tiện di chuyển trong mùa mưa lụt. Và dấu cho thúng chai có được cải biến cho phù hợp với từng mục đích sử dụng khác nhau đi chăng nữa, thì kiểu dáng tròn trịa truyền thống vẫn chiếm ngôi đầu về khả năng linh hoạt, xoay trở giữa sóng gió biển cả. Bởi vì, nếu không cần xô dầm vào dây quai, người sử dụng có thể chọn bất cứ vị trí nào bên vành thúng làm nơi điều khiển; và khi sóng xô thì xoay là cách đơn giản nhất để lách qua hiểm nguy. Về kỹ thuật sử dụng thúng chai, chúng tôi sẽ miêu tả cụ thể hơn ở một bài viết khác ♦

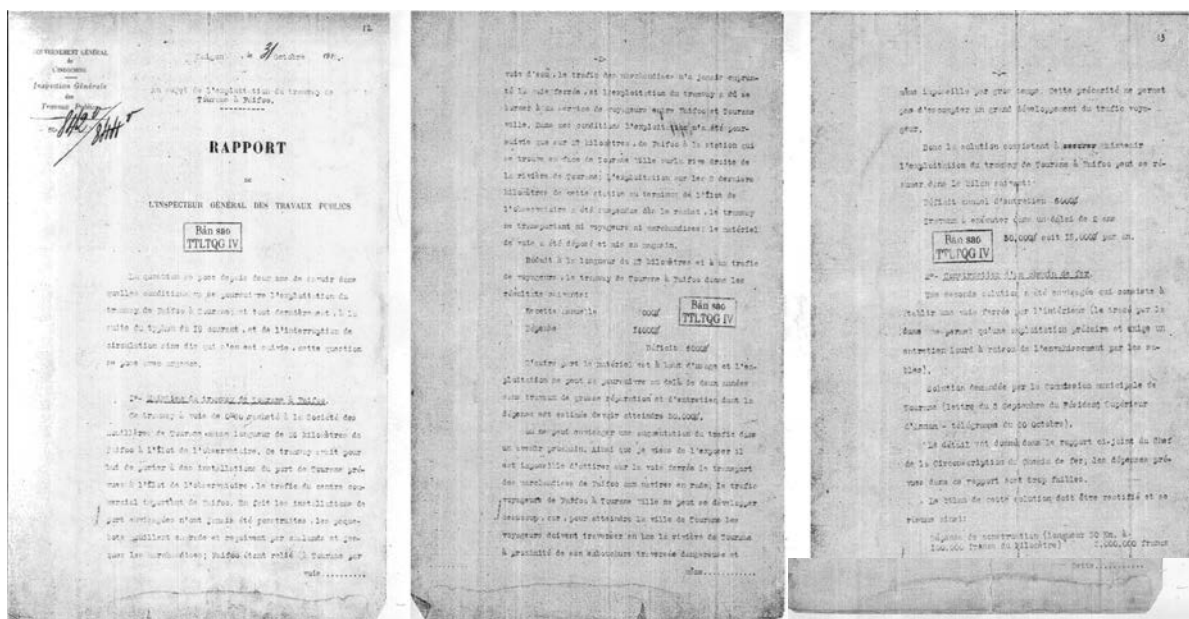
THÔNG TIN TƯ LIỆU

Trong lịch sử, Hội An và Đà Nẵng có nhiều điểm tương đồng và có mối quan hệ mật thiết với nhau trên nhiều lĩnh vực như văn hóa, kinh tế, chính trị và giao thông vận tải...

Nhằm nhận diện, làm rõ hơn về vấn đề này, ở mục Thông tin tư liệu trong Tập thông tin nghiên cứu Bảo tồn di sản này, chúng tôi giới thiệu một tư liệu về việc khai thác tuyến đường xe điện từ Đà Nẵng đi Hội An. Đây là một trong số hơn 13.000 trang tư liệu do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức sưu tầm tại Trung tâm lưu trữ quốc gia IV. Tư liệu này được viết bằng tiếng Pháp thuộc Phong Khâm sứ Trung Kỳ, số ký hiệu 3428 gồm 6 trang tiếng Pháp, được dịch ra tiếng Việt. Dưới đây là nội dung bản dịch tư liệu.

THÔNG TIN VỀ VIỆC KHAI THÁC TUYẾN ĐƯỜNG XE ĐIỆN TỪ ĐÀ NẴNG ĐI HỘI AN

Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản



Một số trang tư liệu tiếng Pháp

Công văn số 842/844V ngày 31/10/1912 của Tổng Thanh tra Công chánh về việc khai thác tramway (*đường xe điện*) từ Đà Nẵng đi Hội An

Từ hai năm nay vấn đề đặt ra là sẽ tiếp tục khai thác tuyến tramway từ Hội An đến Đà Nẵng và nhất là sau trận bão ngày 19 tháng vừa rồi và tuyến đường này bị ngưng và đây là vấn đề rất khẩn cấp.

1. Duy trì tramway từ Đà Nẵng đến Hội An

Tuyến tramway từ 0m được mua lại từ Công ty Than Đà Nẵng có chiều dài 35km từ Hội An đến Đà Nẵng. Tuyến tramway nhằm mục đích đến cảng Đà Nẵng, là sự giao thông thương mại quan trọng của Hội An. Thật vậy, cách sắp xếp cảng theo dự định đã thông báo giờ được xây dựng, các tàu chở khách đón khách bánh xà lan và chở ghe, hàng hóa. Hội An được nối liền với Đà Nẵng bằng con đường thủy, sự giao thông hàng hóa không bao giờ qua đường sắt và khai thác tuyến tramway phải hạn chế đối với khách du lịch giữa Hội An và Đà Nẵng. Trong điều quan trọng này, việc khai thác chỉ có thể được tiếp tục trên 27km, từ Hội An đến trạm nhằm đối diện với thành phố Đà Nẵng; việc khai thác trên 8km cuối cùng của trạm này ở cuối sẽ bị treo. Tuyến tramway không được chở khách du lịch mà cũng chẳng được chở hàng, cơ sở vật chất của tuyến đường bị tháo đi và đặt ở cửa hàng.

Giảm chiều dài 27km và giảm chuyển chở khách du lịch, thì tuyến tramway từ Đà Nẵng đến Hội An đưa lại các kết quả như sau:

Số thu năm: 8.000\$

Số chi: 14.000\$

Thiếu: 6.000\$

Mặt khác, vật liệu đoạn sử dụng và việc khai thác có thể tiếp tục ngay sau 2 năm mà không phải sửa chữa và trùng tu vượt quá số tiền là 30.000\$.

Chúng ta có thể dự định một sự tăng trưởng về giao thương trong tương lai gần. Quả vậy, tôi vừa giải thích điều này vì không thể chú ý đến tuyến đường sắt chuyên chở hàng hóa từ Hội An đến các bến cảng; Sự lưu thông của khách du lịch từ Hội An đến Đà Nẵng có thể ngày một đông vì để đến thành phố Đà Nẵng, khách du lịch phải đi qua phà ở sông Đà Nẵng gần cửa sông đoạn phải vượt qua nguy hiểm và cũng không thể mất nhiều thời gian được. Sự bấp bênh này không cho phép tính đến một sự tăng trưởng lớn về việc lưu thông của khách du lịch.

Thật vậy, giải pháp cần thiết duy trì khai thác tuyến tramway từ Đà Nẵng đến Hội An. Có thể tắt lại như sau:

Thiếu hụt nhiều năm cho việc bảo trì: 6.000\$. Công trình thực hiện trong 2 năm: 30.000\$ (15.000\$/năm).

2. Xây dựng tuyến đường sắt

Giải pháp thứ hai được dự định là xây dựng một tuyến đường sắt bên ngoài (*đi ngang qua đụn cát và chỉ cho phép khai thác tạm thời và yêu cầu bảo trì cẩn trọng theo mùa để khỏi sự xâm lấn của cát*).

Giải pháp này do Ủy ban thành phố Đà Nẵng yêu cầu (*công văn ngày 05/9 của Khâm sứ Trung Kỳ - công điện ngày 20/10*).

Bản chi tiết dự toán được đưa ra trong báo cáo đính kèm của Trưởng khu Công chánh Hỏa xa, các chi phí dự toán trong báo cáo này quá ít.

Tổng kết của giải pháp này phải được sửa chữa và tóm tắt như sau:

Chi xây dựng (*chiều dài 30km - 100.000F/km - 3.000.000F*)

Thu năm: 45.000F

Bảo trì: ($2.000F/1km$) = 60.000F

Thiếu năm: 15.000F

Giải pháp này được đồng tình như một sự khởi đầu thực hiện giao thông Đông Dương từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa.

Sơ đồ của tuyến đường sắt không còn được nghiên cứu nữa. Nhiều nghiên cứu phụ được làm vì mục đích chia sẻ ý kiến về sơ đồ phù hợp và đưa ra sơ đồ cuối cùng cho đoạn Đà Nẵng đến Hội An.

Nếu như để so sánh hai giải pháp, người ta cộng thêm sự thiết hụt hàng năm và trừ dần vào vốn (5%) thì hai giải pháp này sẽ được thực hiện như sau:

1/ Tuyến tramway hiện nay hàng năm 19.000F

2/ Tuyến đường sắt hàng năm là 165.000F

Chắc chắn rằng phần bổ sung tiêu tốn hàng năm là 150F tổng ngân sách để nối liền Hội An đến Đà Nẵng.

Người ta cũng có thể yêu cầu nếu chi phí hàng năm là 150.000F tổng ngân sách để nối liền Hội An đến Đà Nẵng.

Người ta cũng có thể yêu cầu nếu chi phí hàng năm là 19.000F để duy trì việc khai thác tramway phải được tổng ngân sách chịu chi phí. Đó là tuyến đường mang lại lợi ích địa phương và chính quyền sẽ chịu từ ngân sách địa phương cho tất cả tuyến tramway, không nên quên rằng Hội An được nối liền với Đà Nẵng thông qua đường biển và rằng sắp xếp tình hình quan lộ sẽ nối liền Hội An với Đà Nẵng ♦



TIN TỨC - SỰ KIỆN

Đoàn khảo sát của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đến làm việc với Bảo tàng tỉnh Quảng Nam

Vy Thảo



Sáng ngày 11/1/2022, tại Bảo tàng Quảng Nam, đoàn khảo sát của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An do ông Quảng Văn Quý - Phó Giám đốc Trung tâm làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc với lãnh đạo Bảo tàng tỉnh Quảng Nam nhằm trao đổi thông tin nghiệp vụ giữa Trung tâm và Bảo tàng Quảng Nam, qua đó đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác trong thời gian sắp đến.

Trong năm 2022, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An sẽ triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác bảo tàng, bao gồm thành lập Bảo tàng chuyên đề “*Con đường hương liệu, thổ sản Hội An, Quảng Nam*”, “*Phòng trưng bày truyền thống Thanh Hóa - Hội An*”, “*Nhà trưng bày truyền thống tại di tích cách mạng Cây Thông Một*”. Đợt đi khảo sát thực tế

này của Trung tâm là một hoạt động nằm trong kế hoạch điều tra, thu thập thông tin và sưu tầm hiện vật tại nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nhằm phục vụ công tác lập đề cương, xây dựng hồ sơ hiện vật, thiết kế và triển khai thi công, trưng bày cho việc thành lập Bảo tàng chuyên đề và Nhà trưng bày nói trên ♦

Hội nghị tổng kết công tác năm 2021, định hướng công tác năm 2022 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam

Bảo Vy

Sáng ngày 12/01/2022, hội nghị tổng kết công tác năm 2021, định hướng công tác năm 2022 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã diễn ra tại Hà Nội với sự tham dự trực tuyến của các bộ, ban ngành, và các địa phương. Khai mạc hội nghị, ông Đặng Hoàng Giang - Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đánh giá cao những nỗ lực phấn đấu và vai trò của các bộ ngành, địa phương trong việc kết nối với các chuyên gia, Văn phòng UNESCO, đóng góp chung vào những kết quả đạt được của Ủy ban Quốc gia UNESCO năm 2021.

Báo cáo tổng kết của Ủy ban Quốc gia UNESCO 2021 và định hướng công tác năm 2022 đã nêu bật những thành tựu đạt được trong năm 2021 trên các lĩnh vực

văn hóa, giáo dục, khoa học tự nhiên - xã hội, và thông tin - tuyên truyền, đồng thời chỉ ra những khó khăn thách thức trong năm vừa qua, và đề ra phương hướng, trọng tâm công tác năm 2022.

Hội nghị đã nhận được nhiều ý kiến trao đổi tại 5 Tiểu ban, ý kiến của Trưởng đại diện văn phòng UNESCO tại Hà Nội; ý kiến của các địa phương và các tiểu ban chuyên môn MAB, Geopark và IOC, các ban quản lý các khu di sản, khu dự trữ sinh quyển, công viên địa chất toàn cầu.

Kết thúc hội nghị, ông Đặng Hoàng Giang thay mặt đoàn Chủ tịch đã phát biểu cảm ơn, đồng thời tiếp thu các ý kiến trao đổi của các cơ quan, ban ngành và các địa phương. Nhận định năm 2022 tiếp tục sẽ là một năm khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hy vọng với sự đoàn kết, hỗ trợ giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trên các lĩnh vực, công tác đối ngoại và các hoạt động của UNESCO sẽ gặt hái được những kết quả quan trọng♦

Tiếp và làm việc với Đoàn công tác văn phòng đại diện UNESCO tại Việt Nam

Bảo Vy

Chiều ngày 19/01/2022, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An có buổi tiếp và làm việc với ông Christian Manhart - Trưởng đại diện UNESCO tại Việt Nam cùng với các cán bộ của Văn phòng UNESCO Việt Nam. Tham gia tiếp và làm việc với đoàn có ông Phạm Phú Ngọc - Giám đốc Trung tâm, cùng Ban Giám đốc và đại diện lãnh đạo các phòng



chuyên môn. Tại buổi làm việc, ông Phạm Phú Ngọc đã trao đổi một số thông tin liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các di tích; hoạt động của hệ thống bảo tàng ở Hội An, cũng như những thách thức và khó khăn hiện tại mà Trung tâm và thành phố Hội An đang đối mặt bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19. Thay mặt đoàn công tác, ông Christian Manhart cảm ơn về sự đón tiếp thân tình của Trung tâm trong chuyến thăm Hội An đầu tiên trong nhiệm kỳ công tác của mình tại Văn phòng UNESCO Việt Nam, cũng như đánh giá cao những nỗ lực và kết quả đạt được của Trung tâm nói riêng, thành phố Hội An nói chung thời gian qua về công tác phát huy di sản trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp. Với hơn 30 năm công tác trên lĩnh vực văn hóa, ông Christian Manhart bày tỏ mong muốn sẽ phối hợp với Hội An thực hiện những ý tưởng, dự án nhằm hướng đến phát triển Hội An thành một thành phố du lịch bền vững.

Cùng ngày, ông Christian Manhart và cán bộ của Văn phòng UNESCO Việt Nam đã đến thăm và gặp mặt lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hội An. Kết thúc buổi gặp mặt, đoàn đã đi tham quan một số di tích, bảo tàng trong Khu phố cổ♦

Lễ tế xuân và khánh thành di tích miếu ấp Đồng Nà, xã Cẩm Hà

Nguyễn Cường

Sáng ngày 10/2/2022, nhằm ngày mồng 10 tháng Giêng năm Nhâm Dần đã diễn ra lễ tế xuân và khánh thành di tích miếu ấp Đồng Nà thuộc xã Cẩm Hà. Tham dự buổi lễ có đại diện lãnh đạo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, UBND xã Cẩm Hà, cấp ủy, quân dân chính thôn Đồng Nà và đông đảo bà con nhân dân trong thôn.

Theo lệ truyền, vào mồng 10 tháng Giêng hàng năm, ấp Đồng Nà tổ chức lễ tế xuân nhằm cầu mong cho một năm mới bình an, mưa thuận gió hòa và ghi ơn công lao của các bậc tiền nhân. Năm nay, niềm vui của nhân dân được nhân lên khi công trình tu bổ, tôn tạo ngôi miếu vừa mới hoàn thành. Ngôi miếu được triển khai thi công tu bổ, tôn tạo từ tháng 8 đến cuối năm 2021 do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An làm chủ đầu tư, Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Hưng thi công. Kinh phí tu bổ từ nguồn hỗ trợ của thành phố và sự đóng góp của cộng đồng cư dân địa phương. Buổi lễ diễn ra trang trọng với chương trình kết hợp giữa phần lễ khánh thành và nghi lễ cúng tế truyền thống.

Miếu ấp Đồng Nà giờ đây đã được khang trang hơn tạo niềm vui, phấn khởi cho bà con trong dịp xuân mới này. Từ đây, ngôi miếu sẽ phát huy tốt hơn vai trò là thiết chế văn hóa tín ngưỡng, đồng thời góp phần lưu giữ các giá trị truyền thống của địa phương, tạo sự gắn kết bền chặt mối quan hệ cộng đồng trong thời gian đến ♦

Tổng kết và trao giải hoạt động “Dựng cây nêu ngày Tết” xuân Nhâm Dần 2022

Liều Chi



Vào sáng ngày 24/2/2022, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi tổng kết, trao giải cho các đơn vị đạt giải trong hoạt động “Dựng cây nêu ngày Tết” Tết Nguyên Đán Nhâm Dần 2022 của thành phố Hội An. Tham dự buổi tổng kết có đại biểu lãnh đạo Ban Tuyên giáo Thành ủy, UBMTTQVN Thành phố Hội An, cùng các cơ quan Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thể thao & Truyền thanh - Truyền hình, đại biểu UBND các xã phường, và đại diện các chủ di tích, cơ quan, thôn/khôi phố có cây nêu đạt giải.

Tại buổi tổng kết, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An báo cáo kết quả đạt được của hoạt động dựng cây nêu ngày Tết, đồng thời trao đổi một số nội dung để duy trì và phát triển mạnh hơn hoạt động dựng nêu tại địa phương.

Buổi tổng kết đã nhận được nhiều ý kiến trao đổi của các đại biểu tham dự, trong đó có đề xuất cần có bộ tiêu chí cụ thể hơn trong việc chấm chọn

cây nêu, đồng thời đề nghị UBND các xã, phường cần quan tâm và đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, vận động để ngày càng có nhiều sự tham gia, đóng góp của lực lượng thanh niên trong hoạt động phục dựng cây nêu ngày Tết nói riêng và các hoạt động bảo tồn, gìn giữ di sản văn hóa, nhất là di sản văn hóa phi vật thể của địa phương và của thành phố Hội An nói chung ♦

Ra mắt sách
“Di sản Hán Nôm Hội An,
Tập 6 - Sắc phong”

Thị Hoài



Chiều 16/3/2022, trong khuôn viên đình Hội An (đình Ông Voi, 27 Lê Lợi, Hội An), Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An đã tổ chức buổi ra mắt cuốn sách “*Di sản Hán Nôm Hội An - Tập 6 - Sắc phong*” do Trung tâm tổ chức bản thảo, Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp phép xuất bản năm 2021.

Tham dự buổi ra mắt sách có đồng chí Đinh Phú Đông, Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An, các đồng chí lãnh đạo các cơ quan đơn vị và xã phường,

các nhà nghiên cứu cùng đại diện chủ di tích và đại diện các tộc họ có sắc phong được in trong sách, các thành viên tham gia thực hiện tập sách.

Cuốn “*Di sản Hán Nôm Hội An - Tập 6- Sắc phong*” được xuất bản với khổ sách 19 x 27 cm dày 252 trang, bìa cứng. Nội dung về sắc phong ở Hội An được tuyển chọn, biên soạn, xuất bản nhằm giới thiệu một bộ phận tư liệu đặc biệt quý của di sản Hán Nôm Hội An, đồng thời cũng là ấn phẩm chào mừng kỷ niệm 35 năm thành lập Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An (1985-2021).

Di sản Hán Nôm là một trong những nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử - văn hóa Việt Nam nói chung, về Hội An, Quảng Nam nói riêng. Nhận thức được tầm quan trọng của di sản Hán Nôm trong nghiên cứu, nhận diện giá trị lịch sử - văn hóa Hội An, ngay từ rất sớm, Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An (nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An) đã tổ chức nhiều đợt sưu tầm di sản Hán Nôm tại thành phố Hội An, các địa phương có liên quan đến Hội An và các viện nghiên cứu, trung tâm lưu trữ quốc gia... Qua công tác xử lý tư liệu, thống kê và phân loại cho thấy di sản Hán Nôm Hội An vô cùng phong phú và đa dạng cả về nội dung và loại hình, trong đó bộ phận di sản Hán Nôm về sắc phong chiếm số lượng tương đối lớn.

Sắc phong là bộ phận di sản tư liệu đặc biệt, là loại hình văn bản do Hoàng đế các triều đại quân chủ ban cấp, phong tặng cho thần dân, thần kỳ.

Sắc phong, do vậy bao gồm cả sắc phong nhân vật và sắc phong thần kỳ (nhân thần, nhiên thần, thiên thần). Theo thống kê, Trung tâm đã sưu tầm được 321 đơn vị sắc phong, trong đó có 252 sắc phong thần kỳ cho 29 vị thần và 69 sắc phong cho 36 nhân vật có công trạng. Trong tập sách chỉ tuyển chọn giới thiệu 100 sắc phong tiêu biểu trong 321 đơn vị sưu tầm được.

Trong buổi ra mắt sách, các nhà nghiên cứu đã trao đổi về giá trị của sắc phong; quá trình sưu tầm, dịch thuật, tổ chức bản thảo và in ấn tập sách. Đại diện các tộc họ và di tích chia sẻ kỷ niệm về việc lưu giữ, bảo tồn sắc phong của làng xã, gia đình và tộc họ ♦

Lễ kỷ niệm 25 năm ngày mất của kiến trúc sư Kazimierz Kwiatkowski (Kazik)

Hồng Việt



Kiến trúc sư Kazimierz Kwiatkowski (tên thân mật là Kazik) sinh ngày 02/7/1944 tại thị trấn Pachol, huyện Parczewski, tỉnh Lubelszczna, nước Cộng hòa Ba Lan. Cuộc đời và sự nghiệp của kiến trúc sư Kazik gắn bó

mật thiết và có những đóng góp to lớn đối với công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của Việt Nam nói chung, Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An nói riêng. Ông mất tại Huế vào ngày 19/3/1997 khi đang tham gia công tác bảo tồn di tích tại đây.

Tưởng nhớ và tri ân kiến trúc sư Kazik, năm 2007, thành phố Hội An đã khánh thành công viên Kazik tại số 138 Trần Phú, và tại công viên này, vào sáng ngày 18/3 vừa qua, thành phố Hội An đã tổ chức lễ kỷ niệm 25 năm ngày mất của ông.

Về tham dự lễ kỷ niệm có ngài Wojciech Gerwel - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Ba Lan tại Việt Nam; đồng chí Trần Văn Tân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch UBND tỉnh; ông Đặng Khánh Ngọc - Viện trưởng Viện Bảo tồn Di tích; GS.TS.KTS. Hoàng Đạo Kính, nguyên Viện trưởng Viện Bảo tồn Di tích, đồng thời cũng là đồng sự, người bạn thân thiết của kiến trúc sư Kazik; ông Nguyễn Văn Sơn - Chủ tịch UBND Thành phố, cùng các đồng chí nguyên lãnh đạo thành phố Hội An, các cơ quan đơn vị của thành phố cùng bà con nhân dân và du khách.

Trong bài phát biểu tại buổi lễ kỷ niệm, đồng chí Nguyễn Văn Sơn, Chủ tịch UBND thành phố Hội An chân thành cảm ơn nhân dân Ba Lan nói chung, kiến trúc sư Kazik nói riêng đã dành những tình cảm và tâm huyết cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phố cổ Hội An.

Cũng trong buổi lễ, ngài Wojciech Gerwel - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền

nước Cộng hòa Ba Lan tại Việt Nam đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về những tình cảm quý báu mà chính quyền và nhân dân thành phố Hội An dành cho kiến trúc sư Kazik. Đồng thời nhấn mạnh, những hoạt động đầy ý nghĩa này sẽ góp phần gắn kết hơn nữa mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai đất nước Việt Nam và Ba Lan.

Bên cạnh phần lễ, nằm trong chuỗi hoạt động kỷ niệm, UBND thành phố trưng bày những hình ảnh về cổ kiến trúc sư Kazik với Hội An, Mỹ Sơn; Viện Bảo tồn Di tích giới thiệu và ra mắt ấn phẩm “*Kiến trúc nhà cổ Hội An qua tư liệu Viện Bảo tồn Di tích*” ♦

Lễ đón bằng công nhận di tích cấp Tỉnh đình Hội An

Ngọc Trân



Hưởng ứng các hoạt động chào mừng khai mạc “*Năm Du lịch Quốc gia: Quảng Nam - Điểm đến du lịch xanh 2022*” tại thành phố Hội An; được sự thống nhất của UBND tỉnh Quảng Nam, ngày 26/3/2022, UBND thành phố Hội An long trọng tổ chức lễ đón bằng công nhận di tích cấp Tỉnh đối

với di tích đình Hội An, tên gọi khác là đình Ông Voi, đình làng Hội.

Tham dự buổi lễ có ông Shimizu Akira - Trưởng Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam, đại biểu Văn phòng UNESCO Hà Nội, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Cục Di sản Văn hóa, đại biểu các Ban quản lý Khu di sản thế giới tại Việt Nam; đại biểu lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ, lãnh đạo thành phố Hội An và các cơ quan, ban ngành của thành phố, cộng đồng dân cư địa phương và đông đảo khách tham quan cũng đến tham dự.

Tại buổi lễ, ông Nguyễn Minh Lý - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hội An đã có bài phát biểu chào mừng, ông nhấn mạnh “*chúng ta đón nhận bằng xếp hạng di tích cấp Tỉnh đình Hội An trong niềm phấn khởi, tự hào nhưng đi cùng với đó là trọng trách to lớn đặt ra phải quản lý, bảo tồn và phát huy tốt giá trị vốn có của di tích để những giá trị đó được lan tỏa không chỉ trong cộng đồng dân cư mà còn đến với bạn bè gần xa*”. Đồng thời cũng gửi lời cảm ơn đến UBND tỉnh Quảng Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ; biểu dương các cơ quan, đơn vị liên quan của thành phố đã tích cực phối hợp trong công tác nghiên cứu, lập hồ sơ; đặc biệt ghi nhận đóng góp tích cực của cộng đồng đã chung tay trong quá trình bảo vệ, phục hồi, tôn tạo và bước đầu tham gia công tác quản lý, phát huy di tích.

Việc xếp hạng di tích cấp Tỉnh đối với di tích đình Hội An không chỉ là sự khẳng định và tôn vinh giá trị của di

tích mà qua đó di tích sẽ có nhiều điều kiện để quản lý, bảo tồn và phát huy tốt hơn; trở thành một điểm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân phường Minh An nói riêng và thành phố Hội An nói chung; và là một điểm đến không thể bỏ qua của du khách khi đến với Hội An ♦

Lễ ký kết
“Hỗ trợ chuyên gia Nhật Bản
về dự án tu bổ di tích Chùa Cầu”
Phòng TLTTDS



Chùa Cầu tại Hội An - một công trình kiến trúc độc đáo thể hiện mối bang giao hữu hảo từ lâu trong lịch sử giữa Việt Nam và Nhật Bản; là tiền đề quý giá cho tình hữu nghị, hợp tác giữa 2 nước sau này. Từ khi quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản được thiết lập vào ngày 21/9/1973, Nhật Bản đã có những hỗ trợ, giúp đỡ quý báu cho Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực nghiên cứu và bảo tồn di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An của Quảng Nam. Sự kiện Không gian văn hóa Việt Nam - Nhật Bản với hạt nhân là Chùa Cầu được Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng

Shinzo Abe kéo băng khai trương vào tối 11/11/2017 khắc ghi thêm một dấu mốc đặc biệt trong quan hệ hữu nghị Việt - Nhật nói chung và tại Hội An nói riêng. Sắp đến, dự án tu bổ di tích Chùa Cầu sẽ được triển khai thi công. Với tính chất đặc biệt là biểu trưng di sản văn hóa Hội An, biểu tượng cho tình hữu nghị lâu đời giữa Việt Nam - Nhật Bản nên việc tu bổ phải tiến hành hết sức thận trọng, cần có sự hỗ trợ của các nhà khoa học, các chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt là kinh nghiệm từ Nhật Bản.

Nhằm hỗ trợ các chuyên gia Nhật Bản tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm cho dự án tu bổ di tích Chùa Cầu, vào chiều ngày 26/3/2022, thành phố Hội An và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) đã tổ chức lễ ký kết “Hỗ trợ chuyên gia Nhật Bản về dự án tu bổ di tích Chùa Cầu”. Về tham dự buổi lễ ký kết có ông Shimizu Akira - Trưởng Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam, ông Hoàng Đạo Cương - Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đại biểu lãnh đạo Văn phòng UNESCO Hà Nội, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Cục Di sản Văn hóa, đại biểu các Ban quản lý Khu di sản thế giới tại Việt Nam; ông Trần Văn Tân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam và đại biểu lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư; lãnh đạo thành phố Hội An và các cơ quan, ban ngành của thành phố.

Phát biểu tại buổi lễ ký kết, ông Trần Văn Tân - Ủy viên Ban Thường

vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã bày tỏ sự vui mừng khi dự án tu bổ di tích Chùa Cầu được các nhà khoa học, các tổ chức chuyên môn của Nhật Bản quan tâm một cách đặc biệt và sẵn sàng hỗ trợ vật chất, kỹ thuật và chuyên gia để cùng tham gia với Việt Nam tu bổ di tích đặc biệt này. Quảng Nam trân quý lòng nhiệt thành giúp đỡ từ các bạn. Với sự hỗ trợ của các chuyên gia Nhật Bản về chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm, chắc chắn rằng di tích Chùa Cầu ở phố cổ Hội An thân yêu của chúng ta sẽ được tu bổ đạt kết quả tốt nhất, những giá trị của di tích sẽ được bảo tồn một cách chân xác, toàn vẹn và đảm bảo bền vững lâu dài trong tương lai.

Cũng trong buổi lễ, ông Shimizu Akira - Trưởng Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam cho biết công việc tu bổ di tích Chùa Cầu gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi kiến thức và chuyên môn kỹ thuật cao. Căn cứ theo đề nghị hợp tác của thành phố Hội An dựa trên quá trình hợp tác lâu dài với JICA, JICA sẽ hỗ trợ dự án tu bổ di tích Chùa Cầu mà tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An làm chủ đầu tư, thông qua các hoạt động phái cử chuyên gia và tình nguyện viên Nhật Bản. Năm 2023 là năm kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản. Chúng tôi hy vọng rằng Chùa Cầu - biểu tượng của lịch sử giao lưu Việt - Nhật, được tu bổ thành công sẽ là bước ngoặt lớn, giúp thu hút thêm nhiều khách du lịch hơn, và công trình này sẽ trở thành cầu nối thúc đẩy hơn nữa giao lưu giữa hai nước Việt Nam và Nhật

Bản nói chung, và giữa thành phố Hội An và Nhật Bản nói riêng.

Kết thúc phần thực hiện nghi thức ký kết văn bản thỏa thuận hỗ trợ giữa ông Shimizu Akira - Trưởng Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam và ông Nguyễn Văn Sơn - Chủ tịch UBND thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã ra mắt ấn phẩm sách “*Di tích Chùa Cầu*” và tặng ấn phẩm đặc biệt này đến các đại biểu tham dự buổi lễ.

Việc ký kết “*Hỗ trợ chuyên gia Nhật Bản về dự án tu bổ di tích Chùa Cầu*” giữa UBND thành phố Hội An và Văn phòng JICA Việt Nam là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả khoa học tu bổ di tích, và đặc biệt hơn nữa là càng làm gắn kết chặt chẽ thêm mối quan hệ hữu nghị lâu đời giữa 2 đất nước Việt Nam và Nhật Bản ♦



VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH GIỚI THIỆU QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN PCCC ĐỐI VỚI NHÀ Ở HỘ GIA ĐÌNH VÀ NHÀ Ở ĐỂ Ở KẾT HỢP SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

Ngày 23/9/2021, UBND tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 2713/QĐ-UBND ban hành Quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy đối với nhà ở riêng lẻ và nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Quy định gồm 3 chương, 12 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 23/9/2021. Trong tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn xin trích giới thiệu Điều 7 và Điều 8 trong Chương II của quy định này.

Chương II

AN TOÀN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI NHÀ Ở HỘ ĐÌNH VÀ NHÀ Ở KẾT HỢP SẢN XUẤT, KINH DOANH

Điều 7. Trách nhiệm chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân

1. Chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm:

a) Chủ động tìm hiểu các quy định pháp luật, kiến thức, kỹ năng cơ bản về phòng

cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; chủ động liên hệ, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy (Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Công an cấp huyện; UBND cấp xã,...) để được hướng dẫn và tổ chức thực hiện các điều kiện về an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; tích cực tham gia các buổi tuyên truyền, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, địa phương tổ chức; tham gia phong trào toàn dân phòng cháy và chữa cháy tại địa phương.

b) Phổ biến, đôn đốc, nhắc nhở thành viên trong gia đình, người làm việc trong nhà thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Giả định tình huống, cách xử lý khi có sự cố về cháy, nổ xảy ra, hướng dẫn và tổ chức cho thành viên trong gia đình, người làm việc thực tập để chủ động xử lý khi có tình huống xảy ra.

c) Thường xuyên tự kiểm tra để kịp thời phát hiện và khắc phục ngay những nguyên nhân, nguy cơ gây cháy, nổ trong phạm vi quản lý của mình; tự trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại chỗ, thực hiện tốt công tác kiểm tra bảo quản, bảo dưỡng đảm bảo các phương tiện này luôn hoạt động tốt, phải sử dụng thành thạo các trang thiết bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã trang bị.

d) Phối hợp với đơn vị, cá nhân được phân công thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy (Công an cấp huyện hoặc Công an cấp xã hoặc UBND cấp xã, tổ dân phố...), cơ quan, tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh bên trong

nhà để được hướng dẫn và tổ chức thực hiện các điều kiện về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

d) Tổ chức quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn chất dễ cháy, nổ.

e) Thực hiện các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy, Điều 7 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Thành viên hộ gia đình, người làm việc trong nhà có trách nhiệm:

a) Chủ động tìm hiểu, nắm bắt các quy định pháp luật, kiến thức, kỹ năng cơ bản về phòng cháy và chữa cháy, biết sử dụng dụng cụ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy được trang bị tại hộ gia đình; tích cực tham gia các đợt tuyên truyền, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, địa phương tổ chức, tham gia phong trào toàn dân phòng cháy và chữa cháy tại địa phương.

b) Thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật và do chủ hộ gia đình hướng dẫn, quy định.

c) Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt và trong bảo quản, sử dụng chất cháy tại hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; phát hiện và ngăn chặn nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, hành vi vi phạm quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhà ở hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, nội quy, quy định về phòng cháy và chữa cháy do chủ hộ gia đình ban hành; thực hiện trách nhiệm quản lý, ban hành các

nội quy, quy định, phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy và duy trì các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý.

b) Hộ gia đình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm PCCC theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PCCC và duy trì các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Điều 8. An toàn phòng cháy và chữa cháy đối với nhà ở hộ gia đình (nhà ở riêng lẻ)

1. Chủ hộ gia đình, cá nhân sử dụng nhà ở riêng lẻ cần bảo đảm và duy trì các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh cháy, nổ trong quá trình sinh hoạt, cụ thể như sau:

a) Bố trí mặt bằng công năng sử dụng:

Gian phòng để ở cần bố trí tại tầng thấp, gần cầu thang, lối ra thoát nạn, ngăn cách với khu vực, gian phòng có bảo quản vật dụng, thiết bị dễ cháy, nổ và sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt. Không bố trí gian phòng bảo quản, tích trữ xăng, dầu, hóa chất dễ cháy, nổ... trong nhà.

Gian phòng, khu vực để ô tô, xe máy, máy phát điện dự phòng và phương tiện, thiết bị khác có sử dụng nhiên liệu là xăng, dầu phải được ngăn cách hoặc có khoảng cách đến lối ra thoát nạn của nhà và nơi đun nấu, nguồn lửa, nguồn nhiệt nhằm loại trừ nguyên nhân gây cháy, cháy lan, bảo đảm thoát nạn an toàn cho người từ các gian phòng khác, tầng phía trên của nhà. Trường hợp, các gian phòng, khu vực bố trí trong không gian kín phải duy trì thường xuyên giải pháp thông gió phù hợp với đặc điểm của nhà.

Nhà có tầng hầm, tầng bán hầm, cần có giải pháp ngăn cháy, ngăn khói lan lên tầng trên qua cầu thang bộ, giếng thang máy, trực kỹ thuật của nhà.

Biển quảng cáo lắp đặt bên ngoài nhà phải bảo đảm yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy, không cản trở lối ra thoát nạn và lối ra thứ 2 của nhà qua ban công, lô gia (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời QCVN 17:2018/BXD).

b) Bố trí lối và đường thoát nạn của nhà

Nhà có 01 lối ra thoát nạn, cần bố trí thêm 1 lối ra thứ 2 qua ban công, lô gia, cửa sổ có mặt ngoài thông thoáng, lối lên mái nhà hoặc bằng thang sắt, ống tụt, thang dây ngoài nhà... để thoát nạn khi cần thiết. Trường hợp, lối thoát ra lồng sắt, lưới sắt, cần có ô cửa có kích thước đủ rộng để cho người di chuyển thuận lợi.

Trên đường, lối đi, cầu thang thoát nạn không sử dụng vật liệu dễ cháy để thi công, lắp đặt, trang trí nội thất; bố trí, lắp đặt vật dụng, thiết bị nhô ra khỏi mặt tường có độ cao dưới 0,2 m; lắp đặt gương soi trên đường, lối đi, cầu thang bộ thoát nạn. Chiều rộng của lối đi, bản thang thoát nạn phải đảm bảo cho người di chuyển thuận lợi (chiều rộng tối thiểu là 0,7m).

Lối ra tại tầng 1 cần thoát trực tiếp ra ngoài, trường hợp thoát nạn qua gian phòng khác, phải duy trì chiều rộng lối đi và khoảng cách an toàn đến các vật dụng, thiết bị dễ cháy, nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt (ô tô, xe máy...). Cửa đi trên lối thoát nạn tại tầng 1 cần sử dụng cửa bản lề (cửa cánh), hạn chế sử dụng cửa cuốn, cửa trượt, trường hợp lắp đặt cửa cuốn, phải có bộ lưu điện và bộ tời bằng tay để mở khi mất điện hoặc động cơ bị hỏng.

Bố trí nơi để chìa khóa, dụng cụ phá dỡ thông thường (búa, rìu, xà beng, kìm cộng lực...) ở nơi dễ thấy, dễ lấy để kịp thời mở cửa khi có sự cố cháy, nổ.

c) Sắp xếp vật dụng, thiết bị, quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt trong nhà.

Tài sản, vật tư, chất cháy phải được bố trí, sắp xếp gọn gàng, không cản trở lối và

đường thoát nạn; không để gần nguồn lửa, nguồn nhiệt, ổ cắm điện, aptomat, cầu dao, thiết bị tiêu thụ điện có sinh nhiệt...; không bảo quản vật dụng, thiết bị dễ cháy, nổ, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt trong gầm cầu thang, buồng thang bộ, trên hoặc liền kề với đường, lối thoát nạn, không cản trở lối và đường thoát nạn, bảo đảm việc sơ tán người và tài sản nhanh chóng, an toàn khi xảy ra cháy.

Không bố trí, sử dụng các thiết bị có áp lực, dễ nổ (bình xịt diệt côn trùng, bình gas mini...) gần vị trí sử dụng ngọn lửa trần để đun nấu, thiết bị điện có sinh nhiệt...

Việc sử dụng nguồn lửa trong nhà phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy, trong đó: Khu vực bếp nấu phải để xa các vật liệu dễ cháy ít nhất 0,7m, nếu có tấm cách nhiệt ngăn cháy thì được phép để gần hơn, nhưng không dưới 0,2m. Trường hợp trong nhà có sử dụng thiết bị tiêu thụ LPG (bếp gas) thì tất cả các thiết bị điện trong nhà phải lắp đặt cách chai LPG tối thiểu 1,5m; nên lắp đặt thiết bị cảnh báo rò rỉ gas tại khu vực đặt bình gas, bếp gas. Đối với bếp sử dụng khí LPG phải bố trí trên mặt sàn bằng phẳng, thông thoáng, cách xa thiết bị điện và lắp đặt thiết bị báo dò khí LPG tại khu vực sử dụng khí LPG; thường xuyên kiểm tra tình trạng của van khóa, dây dẫn và đóng van bình gas sau khi sử dụng; không sử dụng các bình gas mini đã qua sử dụng, bình gas, dây dẫn khí, bếp không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Khi phát hiện có mùi đặc trưng của khí gas phải giữ nguyên hiện trạng của hệ thống điện (không bật, tắt các công tắc thiết bị tiêu thụ điện vào thời điểm đó), không dùng ngọn lửa trần (bật lửa, diêm, đèn dầu, hương, nến...), mở cửa sổ, cửa chính (tránh làm phát sinh tia lửa) để thoát khí gas, phải khóa ngay van bình và báo cho đại lý cung cấp gần nhất. Đối với bếp điện phải được lắp đặt, sử dụng dây dẫn, thiết bị bảo vệ phù hợp với công suất của bếp và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Đối với bếp dầu phải được bố trí

trên mặt sàn bằng phẳng, không dùng xăng hoặc xăng pha dầu để đun bếp dầu; không rót thêm dầu vào bếp khi đang đun nấu; tắt bếp sau khi sử dụng.

Đảm bảo an toàn PCCC trong việc thắp hương thờ cúng, đốt vàng mã: vách, trần, vật liệu trang trí khu vực thờ cúng là loại không cháy hoặc khó cháy; đèn dầu, hương, nến khi thắp phải đặt chắc chắn trên các vật liệu không cháy hoặc khó cháy; không thắp hương khi không có người trong nhà; khi đốt vàng mã, khi đun nấu cần có người trông coi và có biện pháp ngăn tàn lửa để chống cháy lan.

d) Lắp đặt, sử dụng hệ thống, thiết bị điện trong nhà

Hệ thống điện được lắp đặt bảo đảm đủ công suất tiêu thụ của các thiết bị điện; có thiết bị bảo vệ, đóng ngắt chung cho hệ thống, từng tầng, nhánh và thiết bị tiêu thụ điện có công suất tiêu thụ lớn. Khi lắp đặt thêm các thiết bị tiêu thụ cần tính toán công suất của hệ thống điện để tránh quá tải và không câu mắc dây dẫn điện cấp cho thiết bị, vị trí lắp đặt, bố trí thiết bị phải bảo đảm yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy.

Dây dẫn điện trong nhà phải bảo đảm yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy (đặt trong ống gen, máng cáp, tại vị trí tiếp giáp với thiết bị, vật dụng dễ cháy, nổ phải ngăn cách bằng vật liệu không cháy...). Không sử dụng nhiều thiết bị tiêu thụ điện trong cùng 01 ổ cắm, trước khi ra khỏi nhà hoặc khi đi ngủ phải kiểm tra, tắt nguồn điện tới các thiết bị tiêu thụ điện không sử dụng.

Không dùng vật liệu dễ cháy như giấy, vải, nylon... để bao che bóng điện; không đặt các chất dễ cháy sát các thiết bị, dụng cụ tiêu thụ điện như: bóng đèn, bàn ủi, bếp điện, ổ cắm điện, bảng điện...; không cắm dây dẫn điện trực tiếp vào ổ cắm; khi nối dây phải nối so le và quấn băng keo cách điện, không để hở các mối nối dây điện, không dùng nylon để bọc các mối nối.

Thiết bị tiêu thụ điện có phát sinh nguồn nhiệt không có biện pháp chụp bảo vệ thì không được bố trí gần (khoảng cách ít nhất 0,5m) hoặc phía trên vật tư, hàng hóa cháy được.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị điện hư hỏng, không đảm bảo an toàn. Đường dây dẫn điện và các thiết bị điện hư hỏng phải được sửa chữa khắc phục ngay hoặc ngắt nguồn điện đến đường điện hoặc thiết bị không an toàn.

đ) Trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ theo điều kiện, quy mô của ngôi nhà, chủ hộ gia đình cần phải trang bị ít nhất 1 bình chữa cháy, dụng cụ phá dỡ thông thường (búa, rìu, xà beng, kìm cộng lực...), đèn chiếu sáng sự cố..., vị trí đặt ở nơi dễ thấy, dễ lấy và thuận tiện cho việc sử dụng, khoảng cách di chuyển lớn nhất đến bình chữa cháy không quá 20m; đồng thời, có thể trang bị thêm hệ thống, thiết bị báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy bằng nước, mặt nạ phòng độc, thang dây, ống tụt cứu người...

e) Khi hàn cắt trong sửa chữa, cải tạo nhà ở phải sử dụng thợ hàn đã được cấp chứng chỉ về hàn cắt và giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy; quá trình thi công phải đảm bảo giải pháp ngăn cháy, có biện pháp che chắn không để vảy hàn tiếp xúc với các chất dễ cháy, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện chữa cháy và phải có người giám sát, sẵn sàng chữa cháy trong suốt quá trình hàn cắt và sau khi hàn cắt.

2. Ngoài các biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy tại khoản 1, khuyến khích chủ hộ gia đình, cá nhân sử dụng nhà ở riêng lẻ thực hiện các nội dung quy định tại điểm b, c, d, e, f, g, h, i, khoản 2 Điều 9 Quy định này nhằm tăng cường công tác an toàn phòng cháy và chữa cháy cho nhà ở, hộ gia đình

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

ĐIỆN KREMLIN VÀ QUẢNG TRƯỜNG ĐỎ, MOSCOW, NGÀ

Sưu tầm và dịch: Diệu Châu

Các giá trị nổi bật toàn cầu

Tổ chức Khoa học, Giáo dục và Văn hóa của Liên hiệp quốc UNESCO đã công nhận Điện Kremlin và Quảng trường Đỏ của Nga là Di sản văn hóa thế giới năm 1990.

Giá trị nổi bật toàn cầu

Tóm lược thông tin

Nằm ở trung tâm của Matxcova, Điện Kremlin là phần lâu đời nhất của thành phố. Lần đầu tiên được đề cập trong Biên niên sử Hypatian vào năm 1147 như một pháo đài được xây dựng trên tả ngạn sông Moskva bởi Yuri Dolgoruki, Hoàng tử của Suzdal, Điện Kremlin đã phát triển và lớn mạnh với các khu định cư và vùng ngoại ô được bao quanh bởi các công sự mới - Bức tường Kitaigorodsky, Bely Gorod, Zemlyanoy Gorod và những bức tường thành khác. Điều này xác định

một quy hoạch các tuyến đường xuyên tâm và đường vành đai của trung tâm Matxcova, điển hình của nhiều thành phố cổ khác của Nga.

Vào thế kỷ 13, Điện Kremlin là nơi ở chính thức của hoàng gia - trung tâm đời sống vật chất và tinh thần của quốc gia. Điện Kremlin vào cuối thế kỷ 15 - đầu thế kỷ 16 là một trong những pháo đài lớn của châu Âu (*các bức tường đá và tháp được xây dựng vào năm 1485-1516*), trở thành một quần thể các di tích có đặc tính nổi bật.

Các nhà thờ quan trọng nhất của Điện Kremlin ở Matxcova tọa lạc trên Quảng trường Nhà thờ; chúng là nhà thờ Dormition, nhà thờ Tổng lãnh Thiên



Điện Kremlin - Ảnh: sưu tầm

thần, nhà thờ Truyền tin và tháp chuông của Ivan Veliki. Hầu hết tất cả chúng đều được thiết kế bởi các kiến trúc sư người Ý được mời đến, điều này có thể thấy rõ trong phong cách kiến trúc của họ. Nhà thờ Assumption có năm mái vòm (1475-1479) được kiến trúc sư người Ý Aristotele Fiorvanti xây dựng. Nội thất của nó được trang trí bằng các bức bích họa và các bức tường biểu tượng năm tầng (*thế kỷ 15-17*). Nó trở thành Nhà thờ Chính thống giáo Nga; nơi tổ chức lễ cưới và đăng quang cho các Sa hoàng, hoàng tử cũng như nơi hành lễ của các đại giáo chủ, giáo trưởng.

Cùng quảng trường, một kiến trúc sư người Ý khác, Alevisio Novi, đã xây dựng nhà thờ Tổng lãnh Thiên thần cũng có năm mái vòm vào năm 1505-1508. Từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19, nội thất của nó được trang trí bởi những bức bích họa và biểu tượng tuyệt đẹp. Nhà thờ này là nơi đặt mộ của nhiều hoàng tử và sa hoàng vĩ đại của Matxcova. Trong số đó có Ivan I Kalita, Dmitri Donskoi, Ivan III, Ivan IV the Terrible, Mikhail Fedorovich và Alexei Mikhailovich Romanovs.

Nhà thờ Dormition được các kiến trúc sư thành phố Pskov xây dựng vào năm 1484-1489. Bên trong nhà thờ, một số bức tranh tường của thế kỷ 16-19 vẫn được bảo tồn và các biểu tượng của Andrei Rublev và Theophanes của người Hy Lạp là một phần của các bức tường.

Năm 1505-1508 tháp chuông của Ivan Veliki được xây dựng. Cao 82 mét, đây là công trình kiến trúc cao nhất ở Nga, trở thành tâm điểm của quần thể Điện Kremlin.

Trong số các công trình dân dụng lâu đời nhất của Điện Kremlin ở Matxcova, Cung điện Factes (1487-1491) là công

trình đặc biệt nhất. Các kiến trúc sư người Ý Marco Fryazin và Pietro Antonio Solario đã xây dựng nó như một hội trường lớn để tổ chức các buổi lễ cấp nhà nước, lễ kỷ niệm và tiếp đón các đại sứ nước ngoài. Công trình dân dụng đáng chú ý nhất của thế kỷ 17 do các bậc thầy người Nga xây dựng là Cung điện Teremnoi.

Từ đầu thế kỷ 18, khi thủ đô của Nga chuyển đến St.Petersburg, Điện Kremlin chủ yếu đóng vai trò thực hiện các nghi lễ tôn giáo. Vào cuối thế kỷ này, quần thể kiến trúc của Điện Kremlin được mở rộng cùng với kho vũ khí được Matvei Kazakov xây dựng lại sau trận hỏa hoạn năm 1797. Thượng viện được xây dựng vào năm 1776-1787 cũng cùng một kiến trúc sư được xem là ngôi nhà của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của Đế chế Nga - Thượng viện cầm quyền. Ngày nay nó là nơi ở của Tổng thống Nga.

Từ năm 1839 đến năm 1849, một kiến trúc sư người Nga K.A. Thon đã dựng lên Đại điện Kremlin như một nơi ở của gia đình hoàng gia, hòa hợp với các công trình kiến trúc cổ kính của Kremlin như Cung điện Factes, Phòng Vàng Tsarina, Phòng thờ lớn, Cung điện Teremnoi và các nhà thờ Teremnoi. Trong phòng chứa vũ khí do K.A. Thon xây dựng nằm trong quần thể Đại điện Kremlin, có một bảo tàng thế kỷ 16 được chính thức thành lập theo lệnh của Alexander I vào năm 1806.

Quảng trường Đỏ, có sự liên kết chặt chẽ với Điện Kremlin, nằm ngoài bức tường phía đông của quần thể. Ở phía nam của quảng trường là nhà thờ Pokrovski nổi tiếng (*Nhà thờ Thánh Basil*), một trong những di tích đẹp nhất của kiến trúc nhà thờ cổ ở Nga, được xây

dựng vào năm 1555-1560 để kỷ niệm chiến thắng của Sa hoàng Ivan the Terrible trước Hãn quốc Kazan. Vào thế kỷ 17, thánh đường đã có được diện mạo hiện đại nhờ vào việc hoàn thiện trang trí các mái vòm và sơn cả bên trong và bên ngoài. Việc xây dựng Quảng trường Đỏ được hoàn thành vào cuối thế kỷ 19 cùng với việc xây dựng Bảo tàng Lịch sử Hoàng gia (*ngày nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia*), Upper Trading Rows (*GUM*) và Middle Trading Rows. Năm 1929, Lăng Lenin do A.V. Shchusev thiết kế đã được hoàn thành, là một ví dụ nổi bật về kiến trúc vĩ đại của Liên Xô.

Tiêu chí (i): Chứa trong các bức tường của Điện Kremlin là một loạt các kiệt tác kiến trúc và nghệ thuật tạo hình độc đáo. Có những di tích tôn giáo đặc biệt như nhà thờ Truyền tin, nhà thờ Dormition, nhà thờ Tổng lãnh thiên thần và tháp chuông Ivan Veliki; có những cung điện như Đại điện Kremlin, trong đó bao gồm nhà thờ Chúa giáng sinh của Đức mẹ Đồng trinh và cung điện Teremnoi. Trên Quảng trường Đỏ là nhà thờ Thánh Basil, vẫn là một tòa nhà tiêu biểu của nghệ thuật Chính thống giáo Nga.

Tiêu chí (ii): Trong suốt lịch sử của mình, kiến trúc Nga rõ ràng đã chịu nhiều ảnh hưởng xuất phát từ Điện Kremlin. Một ví dụ cụ thể là thời kỳ Phục hưng ở Ý. Ảnh hưởng của phong cách này được cảm nhận rõ ràng khi Rudolfo Aristotele Fioravanti xây dựng nhà thờ Dormition (1475-1479) và lớn mạnh hơn với việc Marco Fryazin và Pietro Antonio Solario xây dựng Cung điện Granovitaya (*Hall of the Facets, 1487-1491*). Phong cách Phục hưng Ý cũng ảnh hưởng đến các tháp pháo đài kiên cố được xây dựng trong cùng thời

kỳ bởi Solario gắn với việc sử dụng các nguyên tắc do kỹ sư người Milan thiết lập (*Tháp Nikolskaya và Tháp Spasskaya đều có từ năm 1491*). Biểu hiện thời Phục hưng thậm chí còn xuất hiện nhiều hơn trong các đầu cột cổ điển và mặt ngoài của Nhà thờ Tổng lãnh thiên thần, được xây dựng lại từ năm 1505 đến năm 1509 bởi Alevisio Novi.

Tiêu chí (iv): Điện Kremlin ở Matxcova có mặt bằng hình tam giác với 4 cổng và được gia cố bằng 20 tháp, lưu giữ kỷ ức về một kiểu công sự bằng gỗ do Yuri Dolgoruki (*Hoàng tử của xứ Suzdal*) xây dựng vào khoảng năm 1156 trên ngọn đồi ở ngã ba sông Moskova và Neglinnaya (*hiện là vườn Alexander/Alexander Garden*). Theo bố cục và lịch sử biến đổi (*vào thế kỷ 14, Hoàng tử Dimitri Donskoi đã củng cố thêm các bức tường gỗ và sau đó xây dựng bức tường đá đầu tiên*), Điện Kremlin ở Matxcova đã trở thành hình mẫu Điện Kremlin - tòa thành trung tâm tại các thị trấn cổ của Nga như Pskov, Tula, Kazan hoặc Smolensk.

Tiêu chí (vi): Từ thế kỷ 13 cho đến khi thành lập St Petersburg, Điện Kremlin ở Matxcova gắn liền với mọi sự kiện trọng đại trong lịch sử Nga. Sau khoảng thời gian 200 năm chủ yếu đóng vai trò tôn giáo, năm 1918 Điện Kremlin trở lại là trụ sở chính phủ. Lăng Lê Nin trên Quảng trường Đỏ là ví dụ điển hình của thời kỳ Liên Xô về kiến trúc tượng đài. Để khẳng định ý nghĩa toàn cầu của cuộc cách mạng Nga, những chiếc bình đựng hài cốt hỏa táng của các anh hùng cách mạng đã được đưa vào bức tường Điện Kremlin giữa Tháp Nikolskaya và Tháp Spasskaya. Do đó, nơi đây đã trở thành địa điểm kết hợp một cách đặc biệt những di tích lịch sử thời quá khứ và

những di tích gắn với những sự kiện vĩ đại nhất thời hiện đại.

Tính nguyên gốc

Kể từ ngày đưa Điện Kremlin và Quảng trường Đỏ vào Danh sách Di sản Thế giới, tất cả các thành phần đại diện cho Giá trị nổi bật toàn cầu của tài sản đều nằm trong ranh giới của nó. Khu vực và tính nguyên gốc của tài sản Di sản Thế giới vẫn không thay đổi. Trong ranh giới của nó, tài sản vẫn bao gồm tất cả các yếu tố được ghi nhận tại ngày đề cử. Tuy nhiên, mối đe dọa lớn nhất là sự phát triển thương mại không được kiểm soát của các khu vực lân cận.

Tính chân xác

Lịch sử Điện Kremlin và Quảng trường Đỏ ở Matxcova được phản ánh trong các tài liệu lưu trữ của thế kỷ 12 -

19, ví dụ như trong biên niên sử thời Trung cổ, khảo sát địa chính, sổ dự toán xây dựng, danh mục sơn vẽ, bản kiểm kê, ghi chú nước ngoài và trong các nội dung đồ họa như bản thảo, biên niên sử, kế hoạch, bản thảo, bản khắc, bản in lito, bản phác thảo của du khách nước ngoài, tranh và ảnh. Những tài liệu này là những nguồn thông tin đặc biệt có giá trị. So sánh dữ liệu nhận được từ tài liệu lưu trữ và dữ liệu thu được trong quá trình nghiên cứu thực địa cho ta khái niệm về tính chân xác của tài sản và các yếu tố khác nhau của nó. Việc so sánh này cũng là cơ sở để phát triển dự án và lựa chọn các phương pháp trùng tu thích hợp có thể bảo tồn tính chân xác của di tích.

Trong ranh giới của quần thể, một số di tích bị phá hủy vào những năm 1930 đã được phục dựng lại theo các quy



Quảng trường Đỏ, Moscow, Nga - Ảnh: sưu tầm

hoạch đo đạc.

Yêu cầu bảo vệ và quản lý

Khung pháp lý và thể chế để bảo vệ, quản lý và tu bổ hiệu quả tài sản Di sản Thế giới “*Điện Kremlin và Quảng trường Đỏ, Matxcova*” đã được thiết lập theo luật và quy định của Liên bang Nga và thành phố Matxcova.

Theo sắc lệnh số 294 của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga ngày 18 tháng 12 năm 1991, Điện Kremlin Matxcova được đưa vào danh sách các tài sản văn hóa được bảo vệ đặc biệt của các dân tộc của Nga - tình trạng bảo tồn cao nhất đối với các di tích lịch sử và văn hóa trong luật pháp Nga.

“*Điện Kremlin và Quảng trường Đỏ, Matxcova*” là Khu Di sản Văn hóa có tầm quan trọng của liên bang. Việc bảo vệ và quản lý nhà nước đối với các khu vực liên bang theo Luật Liên bang số 73-FZ ngày 25/06/2002 “*Về các khu di sản văn hóa (di tích lịch sử và văn hóa) của các dân tộc thuộc Liên bang Nga*”. Cơ quan hành pháp liên bang chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản văn hóa là Cục Kiểm soát, Giám sát và Cấp phép trong Lĩnh vực Di sản Văn hóa của Bộ Văn hóa Liên bang Nga. Cơ quan này phụ trách tất cả các chức năng về phương pháp luận và kiểm soát liên quan đến việc khôi phục, sử dụng và hỗ trợ các địa

điểm di sản văn hóa và các vùng được kết nối.

Tài sản Di sản Thế giới nằm trong môi trường đô thị của Matxcova. Chính sách thành phố về bảo vệ di sản văn hóa và quy định quy hoạch thị trấn thuộc trách nhiệm của Chính quyền thành phố Matxcova, đại diện là Cục Di sản Văn hóa, Cục Phát triển Đô thị, Ủy ban Kiến trúc và Phát triển Đô thị Matxcova. Năm 1997, ranh giới của vùng bảo vệ (*vùng đệm*) đã được phê duyệt để bảo tồn tài sản, duy trì và phục hồi môi trường kiến trúc lịch sử cũng như nhận thức trực quan toàn diện về tài sản. Cần phải đảm bảo việc tạo ra một vùng đệm thích hợp và để phát triển mối liên hệ chặt chẽ giữa tất cả các bên liên quan, bao gồm cả chính quyền thành phố Matxcova, để đảm bảo rằng các công trình xây dựng xung quanh tài sản không tác động tiêu cực đến Giá trị Nổi bật Toàn cầu của nó.

Tài sản Di sản Thế giới được sử dụng bởi các tổ chức sau: FGBUK (*Tổ chức Ngân sách Chính phủ Liên bang về Văn hóa*), Bảo tàng Lịch sử và Văn hóa Quốc gia - bảo tồn “*Điện Kremlin Matxcova*”, Cục Hành chính của Tổng thống Liên bang Nga, Cơ quan Bảo vệ Liên bang của Liên bang Nga và OJSC “*Cửa hàng bách hóa GUM*” ♦

Nguồn: <https://whc.unesco.org/en/list/545>



Nhà xuất bản Đà Nẵng
Số 03 - Đường 30 Tháng 4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc NGUYỄN THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập NGUYỄN KIM HUY
Biên tập: TRẦN VĂN BAN.

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 02353862367, Email: hoiancmmp@gmail.com, Website: hoianheritage.net
OAzalo: Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An

HỘI TÂN

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Lê Năng Đông, Nguyễn Thị Thủy, Phùng Tấn Vinh, Trần Văn An, Trần Xuân Mẫn, Nguyễn Đức Minh, Quảng Văn Quý, Phan Văn Trình, Trương Hoàng Vinh, Thái Thị Liễu Chi, Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Nguyễn Cường, Khiếu Thị Hoài, Trần Thanh Hoàng Phúc, Lê Thị Lưu, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Ngọc Trân, Trần Phương, Trần Dương Vi Thảo, Huỳnh Thị Bảo Vy,...

Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những tin, bài đã nhận. Những tin, bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Tranh vẽ Phố cổ Hội An của Loka
Bìa 4: Lễ kỷ niệm 25 năm ngày mất kiến trúc sư Kazimierz Kwiatkowski (Kazik) tại công viên Kazik, Hội An vào ngày 18/3/2022.

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam
- 260 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.
Số ĐKXB: 1732-2022/CXBIPH/15-53/Đa N. GPXB số: 586/QĐ-NXBĐa N,
NXB Đà Nẵng cấp ngày 06/6/2022. Mã số ISBN: 978-604-84-6694-7.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2022.